**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**
**KHOA KINH TẾ**
**BỘ MÔN KẾ TOÁN**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY.


Giảng viên hướng dẫn: Phạm Thị Bích Vân

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Phan Thùy Tiên

Mã số sinh viên: 2254010039

Khóa học : 2022 - 2026

Lớp : 22KH1


Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀNẴNG

KHOA KINH TẾ

**BỘ MÔN KẾ TOÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày…. tháng …. năm 2026*

**GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Năm học 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện:

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Phan Thùy Tiên
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2025 - 2026
- Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

2. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp:
3. Các bảng biểu:
4. Cán bộ hướng dẫn: Phạm Thị Bích Vân
5. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026
6. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

# MỤC LỤC

**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH.....1**

1.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....1

1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất.....1

1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất.....1

1.1.3 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....2

1.1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....2

1.2 Kế toán tính giá thành.....9

1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm.....9

1.2.2 Đối tượng tính giá thành sản xuất.....9

1.2.3 Phân loại giá thành sản phẩm.....9

1.2.4 Các phương pháp tính giá thành.....10

1.2.5 Nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán.....12

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY.....13**

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....13

2.1.1 Thông tin khái quát về đơn vị.....13

2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....14

2.1.3 Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....15

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị.....16

2.1.5 Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy...17

2.1.6 Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....18

2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....19

2.2.1 Tổng quan hoạt động thi công công trình tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....19

2.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....20

2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....20

2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....35

2.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn

Huy..... 44
2.2.2.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy .....72
**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY .....77**
3.1 Đánh giá chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy .....77
3.1.1 Những ưu điểm.....77
3.1.2 Những hạn chế .....78
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.....78

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1 Kết cấu TK 621
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán chi phí NVLTT
Sơ đồ 1.3 Kết cấu TK 622
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp
Sơ đồ 1.5 Kết cấu TK 627
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung
Sơ đồ 1.7 Kết cấu TK 154
Sơ đồ 1.8 Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất
Sơ đồ 1.9 Kết cấu TK 632
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giá thành
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị
Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức sổ nhật ký chung
Sơ đồ 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm MISA
Sơ đồ 2.5 Quy trình hoạt động thi công tại đơn vị

**DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 2.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA AMIS
Hình 2.2 Hóa đơn GTGT số 00001552 nghiệp vụ 1
Hình 2.3 Giao diện hạch toán vào chi phí NVT trực tiếp nghiệp vụ 1
Hình 2.4 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 1
Hình 2.5 Trích sổ cái tài khoản 621 nghiệp vụ 1
Hình 2.6 Trích sổ chi tiết TK 621 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.7 Giao diện quy trình thanh toán nghiệp vụ 1
Hình 2.8 Giao diện lập ủy nhiệm chi nghiệp vụ 1
Hình 2.9 Giao diện quy trình thanh toán nghiệp vụ 2
Hình 2.10 Báo giá NCC nghiệp vụ 2
Hình 2.11 Giao diện lập UNC nghiệp vụ 2
Hình 2.12 Hóa đơn GTGT số 247 nghiệp vụ 2
Hình 2.13 Hóa đơn GTGT số 248 nghiệp vụ 2
Hình 2.14 Giao diện hạch toán vào chi phí NVLTT nghiệp vụ 2
Hình 2.15 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 2
Hình 2.16 Trích sổ cái TK 621 nghiệp vụ 2
Hình 2.17 Trích sổ chi tiết TK 621 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.18 Giao diện trích trước chi phí thầu phụ nghiệp vụ 3
Hình 2.19 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 3
Hình 2.20 Trích sổ cái TK 622 nghiệp vụ 3
Hình 2.21 Sổ chi tiết TK 622 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.22 Giao diện quy trình đề nghị thanh toán của phần mềm
Hình 2.23 Giao diện lập UNC tạm ứng nghiệp vụ 4
Hình 2.24 Giấy đề nghị thanh toán nghiệp vụ 4
Hình 2.25 Giao diện lập UNC nghiệp vụ 4
Hình 2.26 Hóa đơn GTGT số 4 nghiệp vụ 4
Hình 2.27 Giao diện hạch toán chi phí NCTT nghiệp vụ 4
Hình 2.28 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 4
Hình 2.29 Trích sổ cái TK 622 nghiệp vụ 4
Hình 2.30 Sổ chi tiết TK 622 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.31 Hóa đơn GTGT số 3953 nghiệp vụ 5
Hình 2.32 Biên bản đối chiếu và xác nhận tiêu hao tiện ích nghiệp vụ 5
Hình 2.33 Giao diện đề nghị thanh toán nghiệp vụ 5
Hình 2.34 Giao diện hạch toán vào chi phí sản xuất chung
Hình 2.35 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 5

Hình 2.36 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 5
Hình 2.37 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.38 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.39 Giao diện lập đề nghị thanh toán nghiệp vụ 6
Hình 2.40 Hóa đơn GTGT số 130 nghiệp vụ 6
Hình 2.41 Giao diện hạch toán vào chi phí SXC nghiệp vụ 6
Hình 2.42 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 6
Hình 2.43 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 6
Hình 2.44 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.45 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.46 Giao diện quy trình thanh toán của phần mềm
Hình 2.47 Hóa đơn GTGT số 83 nghiệp vụ 7
Hình 2.48 Giao diện hạch toán chi phí nghiệp vụ 7
Hình 2.49 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 7
Hình 2.50 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 7
Hình 2.51 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.52 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.53 Bảng chấm công khối công trình tháng 08/2025
Hình 2.54 Bảng lương khối công trình tháng 08/2025
Hình 2.55 Giao diện trích chi phí lương nghiệp vụ 8
Hình 2.56 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 8
Hình 2.57 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 8
Hình 2.58 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.59 Trích sổ chi tiết TK 6271 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.60 Giao diện lập đề nghị thanh toán nghiệp vụ 9
Hình 2.61 Danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp BHXH, BHYT, BHTN
Hình 2.62 Giao diện trích chi phí BHXH nghiệp vụ 9
Hình 2.63 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 9
Hình 2.64 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 9
Hình 2.65 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.66 Trích sổ chi tiết TK 6271 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.67 Bảng tính khấu hao TSCĐ theo đơn vị sử dụng là khối thi công năm 2025
Hình 2.68 Giao diện tính khấu hao TSCĐ nghiệp vụ 10
Hình 2.69 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 10
Hình 2.70 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 10
Hình 2.71 Trích sổ chi tiết TK 6274 nghiệp vụ 10

Bảng 2.72 Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ năm 2025
Hình 2.73 Giao diện phân bổ chi phí CCDC nghiệp vụ 11
Hình 2.74 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 11
Hình 2.75 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 11
Hình 2.76 Trích sổ chi tiết TK 6273 nghiệp vụ 11
Hình 2.77 Giao diện các bước tập hợp chi phí sản xuất trên phần mềm MISA AMIS
Hình 2.78 Giao diện thêm kỳ tính giá trong tháng
Hình 2.79 Bảng tổng hợp chi phí theo công trình
Hình 2.80 Hóa đơn GTGT số 00000126
Hình 2.81 Trích chi tiết TK 154 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.82 Bảng tổng hợp chi phí theo công trình
Hình 2.83 Hóa đơn GTGT số 00000068
Hình 2.84 Sổ chi tiết TK 154 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH
Hình 2.85 Sổ chi tiết TK 632 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| NVLTT | Nguyên vật liệu trực tiếp |
| NCTT | Nhân công trực tiếp |
| SXC | Sản xuất chung |
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| BHYT | Bảo hiểm y tế |
| BHTN | Bảo hiểm thất nghiệp |
| KPCĐ | Kinh phí công đoàn |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| TT-BTC | Thông tư – Bộ Tài chính |
| CPSX | Chi phí sản xuất |
| DDĐK | Dở dang đầu kỳ |
| PSTK | Phát sinh trong kỳ |
| DDCK | Dở dang cuối kỳ |
| UNC | Ủy nhiệm chi |
| NCC | Nhà cung cấp |
| CCDC | Công cụ dụng cụ |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| TK | Tài khoản |
| CPSXKD | Chi phí sản xuất kinh doanh |
| GTGT | Giá trị gia tăng |

**LỜI CẢM ƠN**

Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài, em đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ tận tình từ nhiều cá nhân và tập thể.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng đặc biệt là giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, định hướng và góp ý để em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh/chị tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Tuấn Huy đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp số liệu và hướng dẫn thực tế giúp em hiểu rõ hơn về công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài làm được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

# PHẦN MỞ ĐẦU

## Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp cần quản lý tốt chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý, giúp kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã lựa chọn đề tài: "Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Tuấn Huy".

## Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là:

+ Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất

+ Công tác tính giá thành tại doanh nghiệp

## Phạm vi nghiên cứu

Số liệu kế toán sử dụng trong khóa luận được thu thập tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Tuấn Huy.

## Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu thông qua việc thu thập các chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tại công ty. Cụ thể, tiến hành tìm hiểu và nghiên cứu các tài liệu nội bộ như: báo cáo tài chính, sổ sách kế toán, bảng chấm công, bảng lương, bảng phân bổ chi phí và các hóa đơn chứng từ có liên quan đến chi phí sản xuất.

Bên cạnh đó, đề tài còn tham khảo các văn bản pháp lý và chế độ kế toán hiện hành liên quan đến kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, sau khi thu thập dữ liệu, tiến hành xử lý và phân tích dựa trên số liệu thực tế nhằm làm rõ tình hình tập hợp chi phí sản xuất, bao gồm: chi phí NVLTT, chi phí NCTT và chi phí SXC, cũng như phương pháp tính giá thành tại doanh nghiệp.

Đồng thời, sử dụng phương pháp tổng hợp và so sánh để đánh giá thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty, từ đó đưa ra các nhận xét, đánh giá và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại đơn vị.

## Kết cấu của đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

Chương 2: Thực trạng về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.

Chương 3: Một số nhận xét, ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH

## 1.1 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

### 1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải bỏ ra nhiều khoản chi phí khác nhau như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí liên quan khác.

Xét một cách tổng quát, chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một kỳ nhất định nhằm thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, được biểu hiện bằng tiền.

Chi phí sản xuất không chỉ phản ánh mức độ tiêu hao các yếu tố đầu vào mà còn là cơ sở quan trọng để xác định giá thành sản phẩm, từ đó phục vụ cho việc ra quyết định quản lý của doanh nghiệp.

### 1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất

Việc phân loại chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý, kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm. Tùy theo mục đích sử dụng, chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức sau:

❖ Phân loại theo khoản mục chi phí

Theo tiêu thức này, chi phí sản xuất được chia thành:

+ *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: là chi phí của các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm.

+ *Chi phí nhân công trực tiếp:* là tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

+ *Chi phí sản xuất chung:* là các chi phí phát sinh tại phân xưởng sản xuất ngoài hai khoản mục chi phí trên, như chi phí quản lý phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí điện nước, chi phí sửa chữa,...

Phân loại theo khoản mục chi phí giúp phục vụ trực tiếp cho việc tính giá thành sản phẩm.

❖ Phân loại theo nội dung kinh tế

Theo tiêu thức này, chi phí sản xuất được chia thành:

+ *Chi phí nguyên vật liệu*

+ *Chi phí nhân công*

+ *Chi phí khấu hao tài sản cố định*

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài*

+ *Chi phí bằng tiền khác*

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp thấy được cơ cấu chi phí theo yếu tố, từ đó có biện pháp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 1.1.3 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất (hay còn gọi là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất) là phạm vi, giới hạn mà tại đó các chi phí sản xuất được tập hợp nhằm phục vụ cho việc kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Việc xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức công tác kế toán và đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm, tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất và yêu cầu quản lý, đối tượng tập hợp chi phí có thể là:

+ *Từng loại sản phẩm*

+ *Nhóm sản phẩm*

+ *Đơn đặt hàng*

+ *Giai đoạn sản xuất*

+ *Phân xưởng sản xuất*

Việc lựa chọn đối tượng tập hợp chi phí phải phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất và đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp.

### 1.1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

❖ **Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

- Chi phí NVLTT là những chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông, lâm, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác trong kỳ sản xuất kinh doanh.
- Kế toán phải tổ chức theo dõi từng đối tượng hạch toán chi phí NVLTT và hạch toán trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên, trong trường hợp do vật liệu xuất dùng liên quan đến nhiều đối tượng thì phải phân bổ chi phí tương ứng để hạch toán vào từng đối tượng chi phí.
- Tài khoản kế toán sử dụng: TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

| Tài khoản 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) | |
|---|---|
| **NỢ** | **CÓ** |
| - Tập hợp chi phí NVL trực tiếp thực tế phát sinh | - Trị giá NVL sử dụng không hết nhập lại kho<br>- Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp vào tài khoản 154 để tính giá thành **(chi tiết cho từng đối tượng)**<br>- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632 - Giá vốn hàng bán |
| ***Tài khoản 621 không có số dư*** | |

*Sơ đồ 1.1 Kết cấu TK 621*

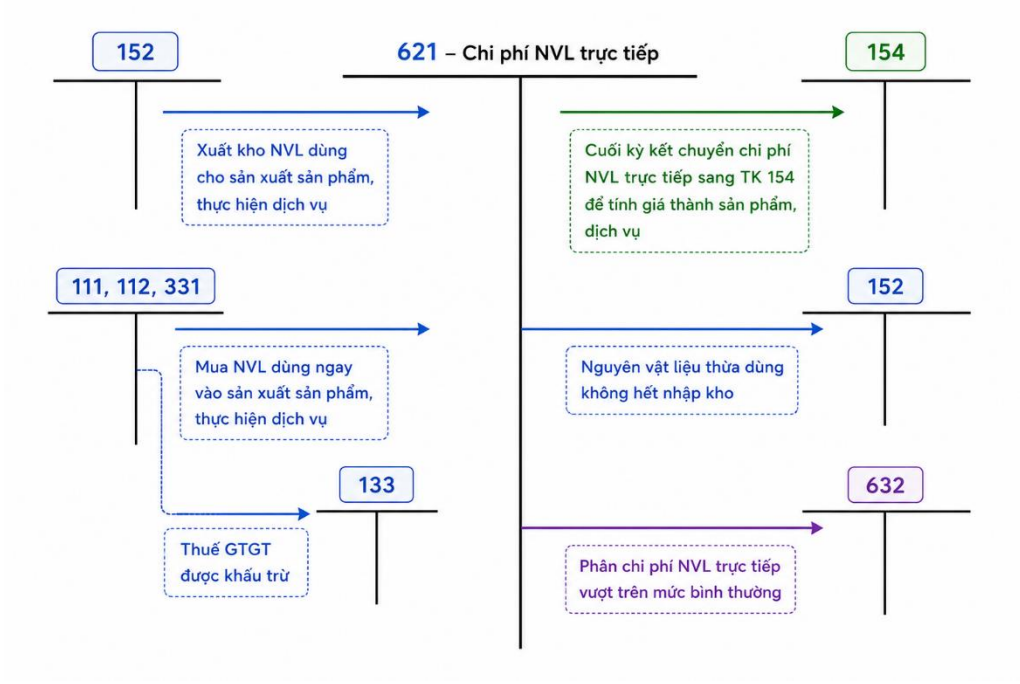


*Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán chi phí NVLTT*

❖ **Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tất cả các khoản chi phí liên quan đến bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như: tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản trích về BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ tính vào chi phí theo quy định.
- Kế toán phải tổ chức theo dõi từng đối tượng hạch toán chi phí nhân công trực tiếp và hạch toán trực tiếp vào từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên, trong trường hợp do chi phí nhân công liên quan đến nhiều đối tượng thì phải phân bổ chi phí tương ứng để hạch toán vào từng đối tượng chi phí.
- Tài khoản kế toán sử dụng: TK 622 - Chi phi nhân công trực tiếp.
- Nội dung: Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp và phân bổ trong kỳ.

| Tài khoản 622 "Chi phí nhân công trực tiếp" | |
|---|---|
| **NỢ** | **CÓ** |
| - Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: Tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ. | - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào bên Nợ TK 154 "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang"<br>- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632 |
| ***Tài khoản 622 không có số dư*** | |

*Sơ đồ 1.3 Kết cấu TK 622*

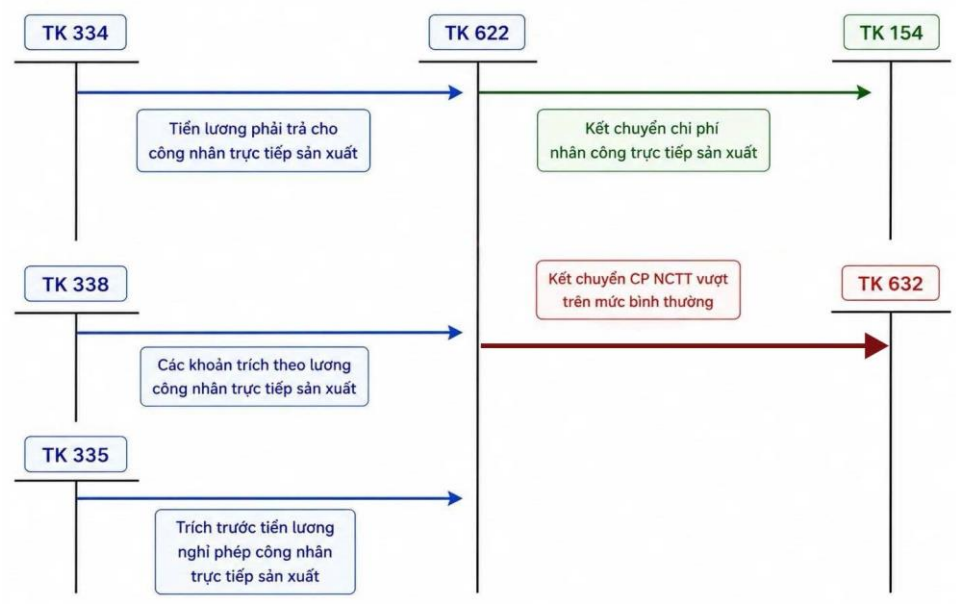


*Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp*

❖ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:**

- Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với từng phân xưởng sản xuất, gồm các khoản: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu và dụng cụ sản xuất dùng ở phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí khác bằng tiền dùng ở phân xưởng.
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 627 - Chi phí sản xuất chung.
- Nội dung: Phản ánh những chi phí quản lý phục vụ cho quá trình sản xuất trong phạm vi phân xưởng hoặc tổ, đội sản xuất.

| Tài khoản 627 "Chi phí sản xuất chung" | |
|---|---|
| **NỢ** | **CÓ** |
| - Các chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ. | - Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung;<br>- Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường;<br>- Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào bên Nợ tài khoản 154 "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang" hoặc vào bên Nợ TK 631 "Giá thành sản xuất" |
| ***Tài khoản 627 không có số dư*** | |

*Sơ đồ 1.5 Kết cấu TK 627*

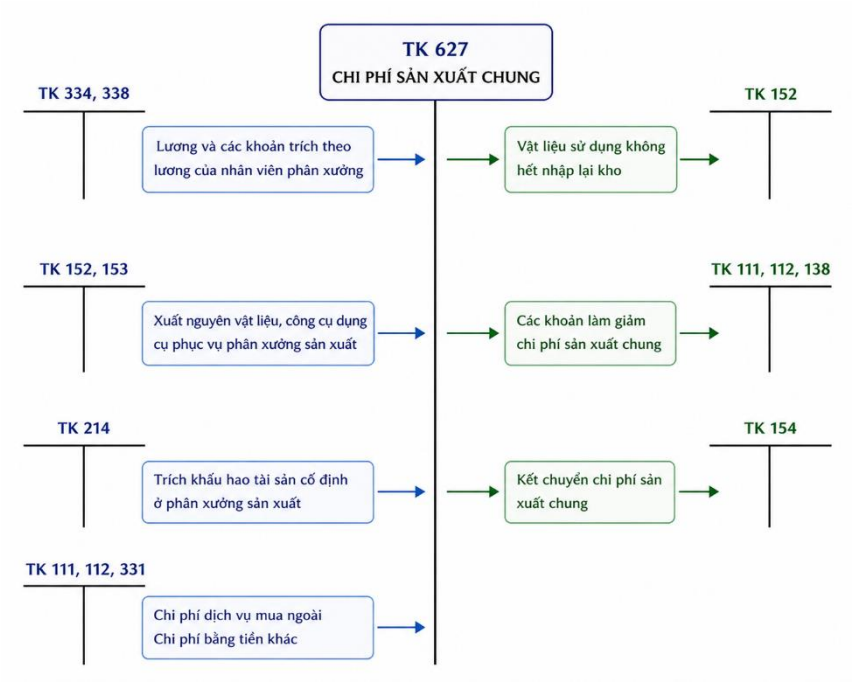


*Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung*

- TK 627 không có số dư cuối kỳ, chi tiết có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng: Phản ánh các khoản tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận sản xuất; Tiền ăn giữa ca của nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận sản xuất; Khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,… được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành trên tiền lương phải trả cho nhân viên phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất,…
- Tài khoản 6272 – Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu xuất dùng cho phân xưởng, như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ, dụng cụ thuộc phân xưởng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời,…
- Tài khoản 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ xuất dùng cho hoạt động quản lý của phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất,…
- Tài khoản 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ và TSCĐ dùng chung cho hoạt động của phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất,…
- Tài khoản 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, bộ phận sản xuất như: Chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện, nước, điện thoại, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ (đối với doanh nghiệp xây lắp)
- Tài khoản 6278 – Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền ngoài các chi phí đã kể trên phục vụ cho hoạt động của phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất.

- So với Thông tư 200/2014/TT-BTC thì TT 99/2025/TT-BTC có xuất hiện thêm 1 tài khoản chi tiết là TK 6275 - Thuế, phí, lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí liên quan trực tiếp đến phân xưởng, bộ phận, tổ, đội sản xuất, ... phục vụ cho sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ như: tiền thuê đất, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ... và sự thay đổi nhỏ trong tên TK chi tiết 6272 từ " Chi phí nguyên liệu vật liệu" thành " Chi phí vật liệu"

❖ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất:**

- Tài khoản sử dụng: TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nội dung: Dùng để tập hợp chi phí sản xuất và cung cấp để tính giá thành sản phẩm hoàn thành, lao vụ, dịch vụ, và được chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí.

| Tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" | |
|---|---|
| **NỢ** | **CÓ** |
| - Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ | - Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho, chuyển đi bán, tiêu dùng nội bộ ngay hoặc sử dụng ngay vào hoạt động XDCB;<br>- Chi phí thực tế của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành cung cấp cho khách hàng;<br>- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được;<br>- Trị giá nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá gia công xong nhập lại kho |
| ***Số dư bên Nợ: chi phí sản xuất kinh doanh còn dở dang cuối kỳ*** | |

*Sơ đồ 1.7 Kết cấu TK 154*

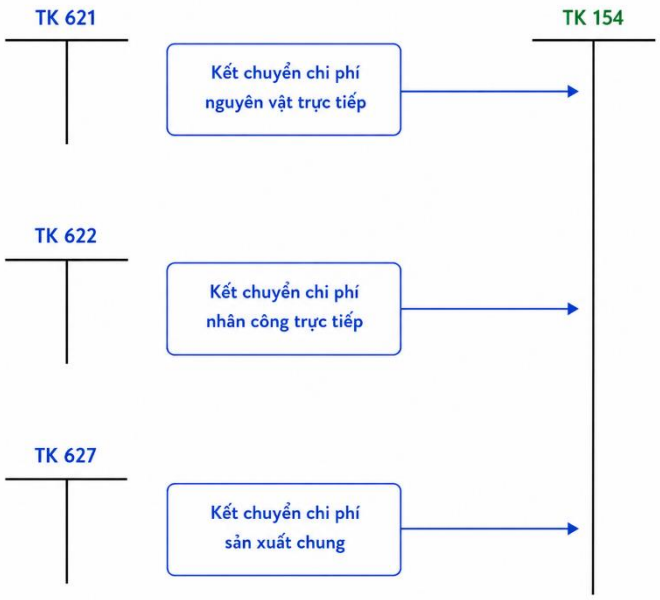


*Sơ đồ 1.8 Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất*

## 1.2 Kế toán tính giá thành

### 1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm (Z) là những chi phí sản xuất gắn liền với một kết quả sản xuất nhất định. Như vậy, giá thành sản phẩm là một đại lượng xác định, biểu hiện mối liên hệ tương quan giữa hai đại lượng: chi phí sản xuất đã bỏ ra và kết quả sản xuất đã đạt được.

Tuy nhiên, cần lưu ý không phải cứ có chi phí sản xuất phát sinh là đã xác định ngay được giá thành, mà cần thấy rằng, giá thành là chi phí đã kết tinh trong một kết quả sản xuất được xác định theo những tiêu chuẩn nhất định.

### 1.2.2 Đối tượng tính giá thành sản xuất

- Đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh. Một số căn cứ thường được sử dụng bao gồm: chi tiết sản phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm hoàn chỉnh, đơn đặt hàng, hạng mục công trình.
- Cách xác định đối tượng tính giá thành dựa trên quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất giản đơn: Đối tượng là sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình.

+ Quy trình sản xuất phức tạp liên tục: Đối tượng là thành phẩm cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn.

+ Quy trình sản xuất phức tạp kiểu song song (lắp ráp): Đối tượng là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc từng bộ phận, chi tiết sản phẩm.

+ Tổ chức sản xuất đơn chiếc: Đối tượng là từng sản phẩm hoặc công việc cụ thể.

### 1.2.3 Phân loại giá thành sản phẩm

Z kế hoạch: là loại Z được xác định trước khi bắt đầu sản xuất của kỳ kế hoạch dựa trên các định mức và dự toán của kỳ kế hoạch Z kế hoạch được coi là mục tiêu mà DN phải cố gắng thực hiện hoàn thành nhằm để thực hiện hoàn thành mục tiêu chung của toàn DN.

Z định mức: là Z được xác định trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch. Z định mức được xem là căn cứ để kiểm soát tình hình thực hiện các định mức tiêu hao các yếu tố vật chất khác nhau phát sinh trong quá trình sản xuất. Z định mức cũng được xây dựng trước khi bắt đầu quá trình sản xuất.

Z thực tế: là Z được xác định trên cơ sở các khoản hao phí thực tế trong kỳ để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm. Z thực tế được xác định sau khi đã xác định được kết quả sản xuất trong kỳ. Z thực tế là căn cứ để kiểm tra, đánh giá tình hình tiết kiệm chi phí, hạ thấp Z và xác định kết quả kinh doanh.

### 1.2.4 Các phương pháp tính giá thành

Phương pháp tính giá thành là một hoặc hệ thống các phương pháp, kỹ thuật sử dụng để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm theo từng khoản mục chi phí sản xuất đã xác định cho từng đối tượng tính giá thành. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, đặc điểm sản phẩm cần quản lý về giá thành, kế toán có thể lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp.

❖ **Phương pháp tính giá thành giản đơn (trực tiếp)**

Phương pháp giản đơn hay còn gọi là phương pháp trực tiếp thường áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất đơn giản, đối tượng tập hợp chi phí trùng với đối tượng tính giá thành.

**Công thức tính:**

Tổng giá thành sản phẩm = CPSX DDĐK + CPSX PSTK – CPSX DDCK

Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm = $\frac{Tổng\ giá\ thành\ sản\ phẩm}{Số\ lượng\ sản\ phẩm\ hoàn\ thành}$

❖ **Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ (định mức)**

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo (dụng cụ, phụ tùng),…Vì vậy, để giảm bớt khối lượng hạch toán thì kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại. Đối tượng tập hợp chi phí là nhóm sản phẩm cùng loại và đối tượng tập hợp giá thành là từng quy cách sản phẩm trong nhóm.

**Công thức tính:**

Tổng giá thành sản xuất sản phẩm = Số sản phẩm tiêu chuẩn * Giá đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn

Giá thành thực tế = Giá thành kế hoạch * Giá thành tỷ lệ

❖ **Phương pháp theo đơn đặt hàng (công trình, sản phẩm…)**

Với việc xác định giá thành trên từng đơn đặt hàng, phương pháp này phù hợp áp dụng cho các công ty xây dựng, các công ty sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ cho từng dự án hay các công ty xuất nhập khẩu theo đơn hàng.

Theo phương pháp này thì đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng và cũng là đối tượng tính giá thành. Giá thành cho từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành, hay giao hàng cho khách hàng.

**Công thức tính:**

Giá thành của từng đơn hàng = Chi phí NVLTT + Chi phí NCTT + Chi phí SXC phát sinh từ lúc bắt đầu cho tới lúc kết thúc đơn đặt hàng.

Những đơn đặt hàng chưa hoàn thành vào thời điểm cuối kỳ thì toàn bộ các chi phí sản xuất đã tập hợp theo đơn đặt hàng đó được coi là giá trị của những sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau.

❖ **Phương pháp hệ số**

Đây là phương pháp được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một chu kỳ sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không tập hợp riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải tập hợp chung cho cả quá trình sản xuất.

Để xác định giá thành cho từng loại sản phẩm chính thì cần phải quy đổi các sản phẩm chính khác nhau về một loại sản phẩm duy nhất, gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được xây dựng sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được chọn làm sản phẩm tiêu chuẩn.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại doanh nghiệp là phân xưởng hay quy trình công nghệ. Đối tượng tính giá thành là sản phẩm chính hoàn thành.

**Công thức tính:**

Giá thành đơn vị sản phẩm gốc = $\frac{Tổng\ giá\ thành\ tất\ cả\ các\ sản\ phẩm}{Tổng\ số\ sản\ phẩm\ gốc\ (kể\ cả\ quy\ đổi)}$

Giá thành đơn vị sản phẩm từng loại = Giá thành đơn vị sản phẩm gốc * Hệ số quy đổi từng loại

Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm = Giá trị sản phẩm DDĐK + Tổng chi phí PSTK - Giá trị sản phẩm DDCK

❖ **Phương pháp phân bước**

Áp dụng đối với các doanh nghiệp có quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận phức tạp khác nhau cũng như trải qua nhiều giai đoạn công nghệ. Trong đó, đối tượng dùng để tập hợp chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm, giai đoạn công nghệ hoặc bộ phận sản xuất. Bên cạnh đó, phương pháp phân bước còn được sử dụng cho các doanh nghiệp có nhu cầu bán nửa thành phẩm ra ngoài hoặc hạch toán nội bộ cao giữa các giai đoạn công nghệ (như bộ phận hay phân xưởng). Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi cần phải xác định giá thành nửa thành phẩm trước khi xác định giá thành thành phẩm.

**Công thức tính:**

Giá thành thành phẩm hoàn thành = Giá thành sản phẩm giai đoạn 1 + Giá thành sản phẩm giai đoạn 2 + … + Giá thành sản phẩm giai đoạn n

### 1.2.5 Nguyên tắc và phương pháp hạch toán kế toán

- Tài khoản sử dụng: TK 632 - Giá vốn hàng bán: TK 632 không có số dư cuối kỳ.
- Nội dung: Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

| Bên Nợ | Bên Có |
|---|---|
| • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc) đã bán trong kỳ;<br>• Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;<br>• Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;<br>• Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). | • Trị giá vốn của hàng bán bị trả lại;<br>• Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ;<br>• Các khoản thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại;<br>• Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ báo cáo (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);<br>• Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh;<br>• Kết chuyển giá trị còn lại và chi phí bán, thanh lý BĐSPT để xác định lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐSPT trong kỳ. |

*** Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

*Sơ đồ 1.9 Kết cấu TK 632*

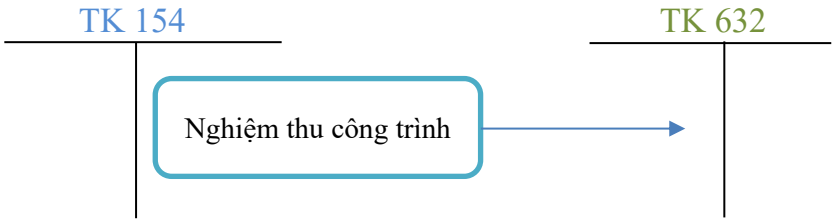


*Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán giá thành*

# CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

## 2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

### 2.1.1 Thông tin khái quát về đơn vị

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy.
- Tên tiếng anh: TUAN HUY ELECTRICAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY
- Mã số thuế: 0400490380
- Người đại diện pháp luật: Phan Công Tuấn
- Số điện thoại: 02363959393
- Quản lý bởi: Thuế Thành phố Đà Nẵng
- Ngày cấp giấy phép và hoạt động: 23/05/2005
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Ngành nghề chính: Tuấn Huy Electric đã có gần 20 năm hình thành, phát triển, cung cấp các dịch vụ và sản phẩm hiện đại nhất và chất lượng tốt nhất trong việc thi công lắp đặt hệ thống điện, điện tử, viễn thông, tin học, hệ thống báo cháy.
- Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp:

Bắt đầu từ năm 2005 với việc thành lập Công ty TNHH TM&DV Kỹ thuật Điện Công nghiệp Tuấn Huy. Trong giai đoạn đầu, công ty tập trung vào hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị điện công nghiệp, thiết bị tự động hóa và tư vấn các giải pháp kỹ thuật cho những công trình điện dân dụng và công nghiệp, từng bước xây dựng uy tín trên thị trường. Đến năm 2007, cùng với sự phát triển về nhân lực và năng lực chuyên môn, công ty mở rộng lĩnh vực hoạt động sang thi công và lắp đặt các tuyến đường dây trung thế, trạm biến áp và hệ thống cơ điện, đánh dấu bước chuyển mình từ thương mại sang thi công – kỹ thuật chuyên sâu.

Năm 2012 là cột mốc quan trọng khi doanh nghiệp đầu tư mở xưởng sản xuất tủ điện, thang máng cáp nhằm chủ động nguồn cung, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh, đồng thời trở thành nhà phân phối chính thức của ABB, khẳng định vị thế và uy tín trong lĩnh vực thiết bị điện công nghiệp.

Tiếp nối đà phát triển đó, năm 2015, doanh nghiệp tiếp tục mở rộng quy mô với việc xây dựng nhà máy tại Lô 47, Đường số 2, Khu công nghiệp An Đồn – Đà Nẵng. Tại đây, các sản phẩm tủ điện hạ thế đạt chứng chỉ Type Test Kema theo tiêu chuẩn IEC,

đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe của các dự án lớn. Cũng trong giai đoạn này, công ty thành lập Công ty Thành Viên Sơn Trà Electric (STPower), góp phần chuyên môn hóa hoạt động sản xuất và thi công.

Năm 2023, doanh nghiệp đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng như đạt chứng chỉ Cơ điện Hạng I trong lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị vào công trình, được cấp giấy phép hoạt động điện lực đến cấp điện áp 110kV và chính thức trở thành tổng thầu thiết kế và thi công MEPF. Những kết quả này không chỉ khẳng định năng lực kỹ thuật và quản lý của doanh nghiệp mà còn tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển bền vững trong tương lai.

### 2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Đơn vị thực tập Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công hệ thống điện. Hoạt động kinh doanh của công ty mang tính dự án/công trình, sản phẩm và dịch vụ được thực hiện theo yêu cầu kỹ thuật riêng của từng khách hàng, do đó thời gian thực hiện thường kéo dài và phụ thuộc nhiều vào tiến độ thi công thực tế vì vậy công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị có những đặc điểm riêng biệt so với các doanh nghiệp sản xuất thông thường.

Chi phí sản xuất phát sinh chủ yếu tại các công trình, hạng mục công trình và diễn ra trong suốt quá trình thi công. Do đó, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị là từng công trình hoặc hạng mục công trình theo hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư. Thời gian thi công thường kéo dài qua nhiều kỳ kế toán, dẫn đến việc phát sinh chi phí liên tục và cần được theo dõi chi tiết, đầy đủ.

Các khoản chi phí sản xuất tại đơn vị bao gồm: chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sản xuất chung. Toàn bộ các khoản chi phí này được kế toán tập hợp và kết chuyển vào chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để phục vụ cho công tác tính giá thành và quyết toán công trình.

Tại đơn vị thực tập, phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất do kế toán tổng hợp trực tiếp thực hiện, dưới sự kiểm tra và giám sát của kế toán trưởng. Việc tổ chức phần hành này góp phần quan trọng trong việc kiểm soát chi phí, đảm bảo tính chính xác của giá thành công trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### 2.1.3 Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

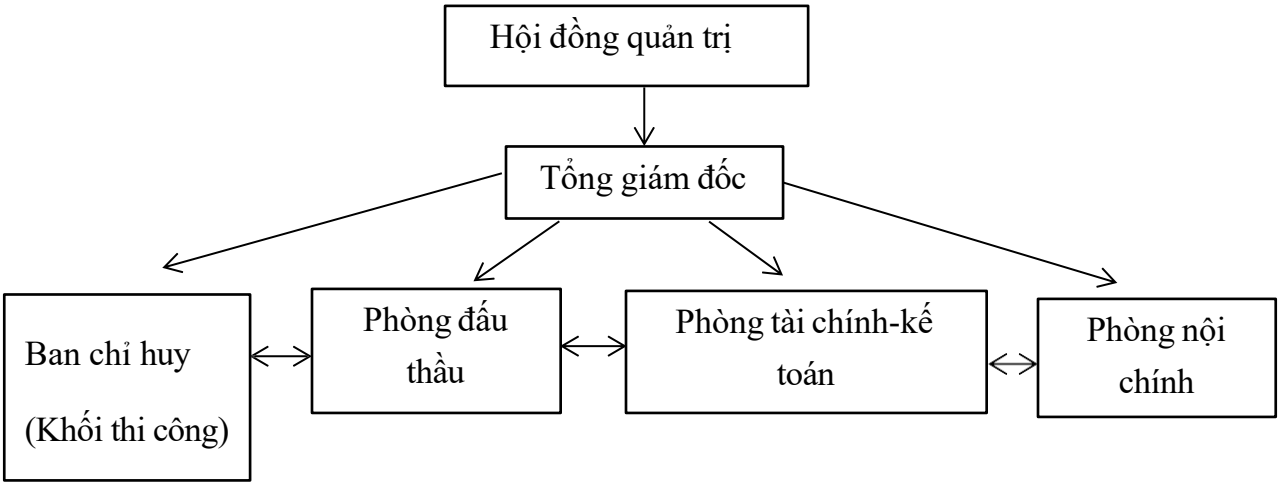


*Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị*

Ghi chú: Quan hệ trực tiếp ⟶
Quan hệ phối hợp ⟷

❖ **Chức năng từng bộ phận:**

- **Hội đồng quản trị**: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần, thay mặt cổ đông định hướng chiến lược, quyết định các chính sách lớn, và giám sát toàn bộ hoạt động của ban điều hành; bao gồm lựa chọn nhân sự cấp cao, phê duyệt kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư, quản lý rủi ro, và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- **Tổng giám đốc**: Tổng giám đốc của đơn vị là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của doanh nghiệp theo định hướng và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Với vai trò là cổ đông chi phối, Tổng giám đốc trực tiếp quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển, đầu tư, tổ chức bộ máy, quản lý tài chính, nhân sự và ký kết các hợp đồng kinh tế lớn. Đồng thời, Tổng giám đốc chỉ đạo, kiểm soát hoạt động của các phòng ban chức năng, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và phát triển bền vững của công ty.
- **Ban chỉ huy** ( Khối thi công): chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, điều hành các công trình, dự án thi công. Nhiệm vụ chính bao gồm tổ chức thi công theo đúng thiết kế, tiến độ và chất lượng đã cam kết; quản lý nhân lực, vật tư, thiết bị tại công trình; giám sát an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phối hợp với các phòng ban liên quan trong quá trình nghiệm thu, bàn giao công trình.

**- Phòng đấu thầu**: có chức năng tìm kiếm, tiếp cận các dự án, chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ chào giá và tham gia quá trình đấu thầu. Đồng thời, phòng chịu trách nhiệm phân tích hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của dự án, phối hợp với các bộ phận liên quan để xây dựng phương án dự thầu phù hợp và theo dõi, quản lý các hợp đồng sau khi trúng thầu.

**- Phòng tài chính – kế toán**: có chức năng quản lý toàn bộ công tác tài chính, kế toán của công ty. Nhiệm vụ bao gồm tổ chức hạch toán kế toán, quản lý nguồn vốn, tài sản, chi phí và doanh thu; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định; tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**- Phòng nội chính**: thực hiện công tác hành chính – nhân sự và quản lý nội bộ của công ty. Chức năng chính bao gồm quản lý hồ sơ nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động; quản lý công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; đảm bảo việc tuân thủ nội quy, quy chế và hỗ trợ các phòng ban trong hoạt động thường xuyên. Phòng nội chính còn có nhân viên mua hàng chịu trách nhiệm tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp để đặt hàng theo đề nghị vật tư của Ban chỉ huy ngoài công trình. Nhân viên này đảm bảo việc lựa chọn nhà cung cấp đáp ứng được tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả và thời gian giao hàng, phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ huy để cung ứng kịp thời vật tư, thiết bị phục vụ cho các dự án thi công, từ đó góp phần đảm bảo tiến độ và hiệu quả công trình.

### 2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị

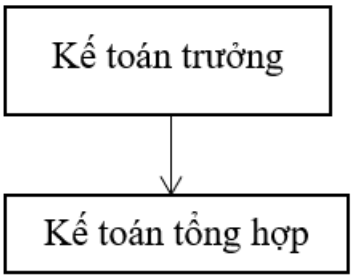


*Sơ đồ 2.2 Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị*

- **Kế toán trưởng:** là người đứng đầu bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm toàn diện về công tác kế toán và tài chính của công ty. Người này tổ chức, giám sát việc lập, ghi chép và tổng hợp các chứng từ kế toán, đảm bảo báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định pháp luật và chuẩn mực kế toán hiện hành. Kế toán trưởng cũng chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống kế toán hiệu quả, chính xác và kịp thời, đồng thời tham mưu cho Ban giám đốc về các chính sách tài chính, thuế và quản lý chi phí nhằm hỗ trợ việc ra quyết định kinh doanh. Ngoài ra, kế toán trưởng quản lý, phân công nhiệm vụ cho kế toán tổng hợp và là đầu mối liên hệ với các cơ quan thuế, kiểm

toán và đối tác tài chính bên ngoài.

- **Kế toán tổng hợp:** thực hiện công việc ghi chép và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp, lập các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo quản trị theo yêu cầu của kế toán trưởng và Ban giám đốc. Bên cạnh đó, kế toán tổng hợp hỗ trợ kế toán trưởng trong tổ chức công tác kế toán và thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### 2.1.5 Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy sử dụng hình thức sổ nhật ký chung:

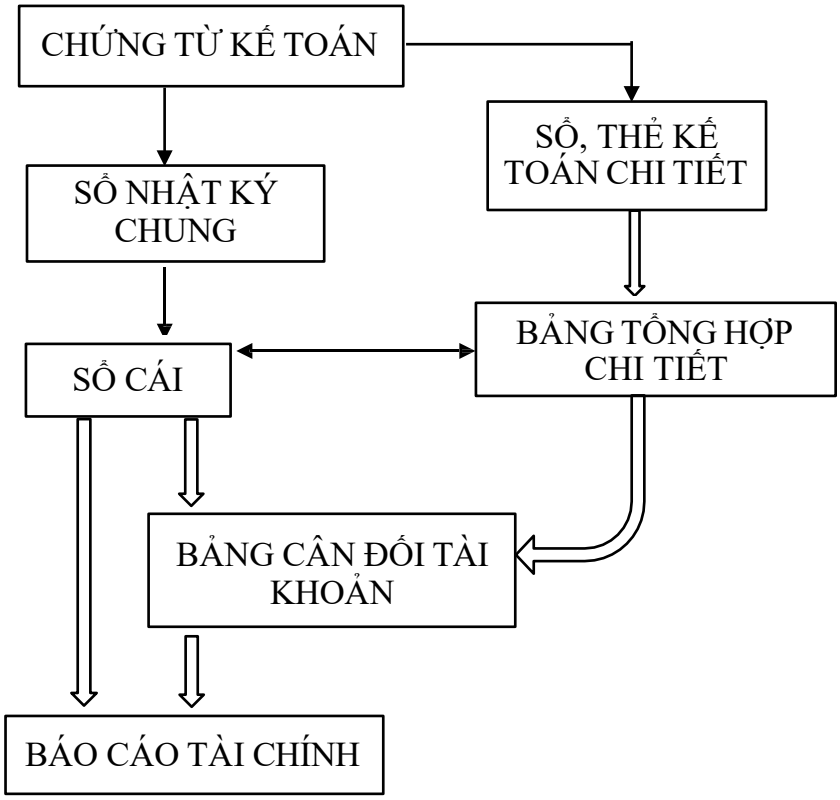


*Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức sổ nhật ký chung*

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⇨

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ⟷

- Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm được thực hiện như sau:

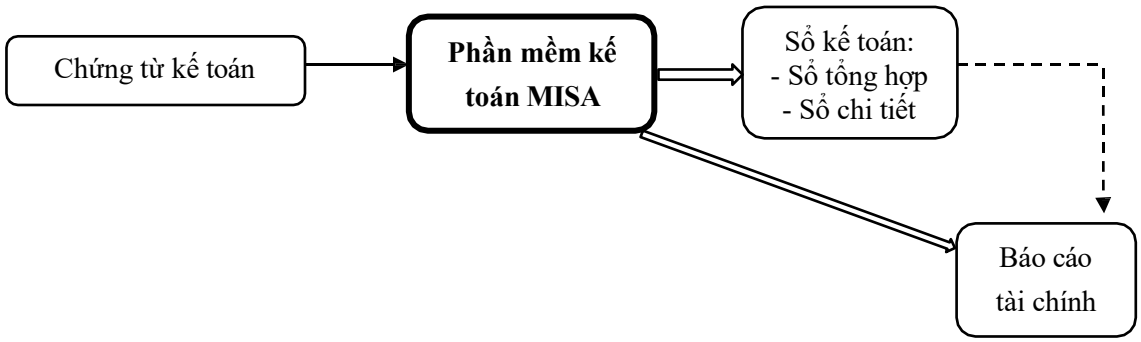


*Sơ đồ 2.4 Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm MISA*

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Sổ, báo cáo cuối kỳ kế toán: ⇨

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: - - - - - - ▸

### 2.1.6 Chế độ và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2026 Công ty áp dụng theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025.
- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm theo dương lịch, kỳ báo cáo tài chính được lập theo năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Việt Nam Đồng (VNĐ).
- Phương pháp khấu hao: khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, hướng dẫn về quản lý và trích khấu hao tài sản cố định.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng (giá thành theo công trình).
- Giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ.
- Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA AMIS và áp dụng hình thức hóa đơn điện tử thông qua hệ thống MISA meInvoice.

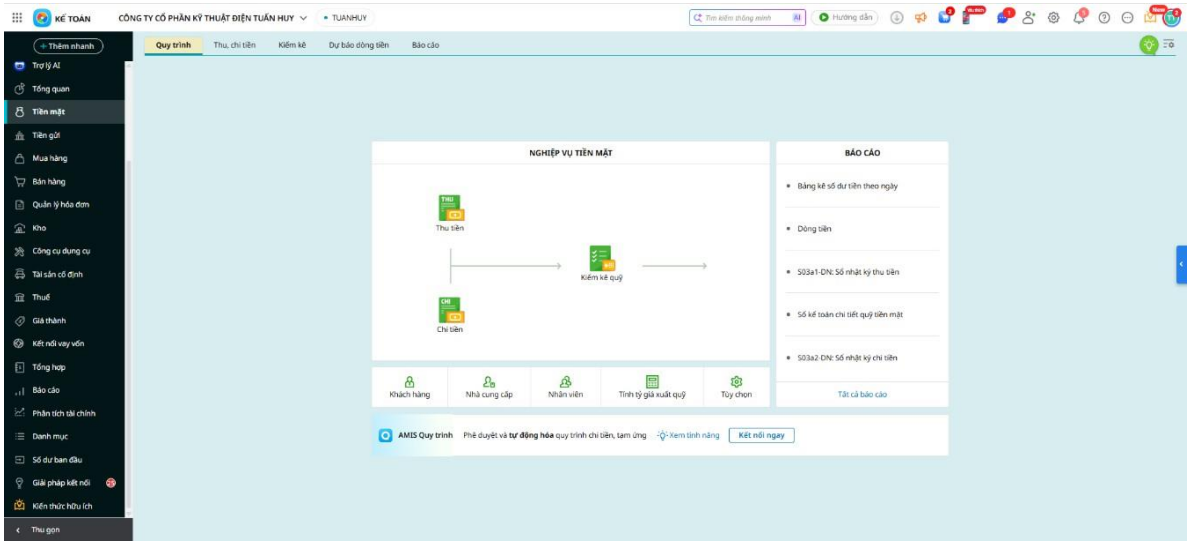


*Hình 2.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA AMIS*

## 2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

### 2.2.1 Tổng quan hoạt động thi công công trình tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Khi công ty nhận được thông báo mời thầu từ chủ đầu tư, dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc, phòng đấu thầu tiến hành lập dự toán chi phí và chuẩn bị hồ sơ tham gia đấu thầu.

Trường hợp trúng thầu, hai bên tiến hành ký kết hợp đồng xây dựng theo các điều khoản đã thỏa thuận. Sau khi hợp đồng được ký kết, căn cứ vào điều khoản tạm ứng trong hợp đồng, bộ phận kế toán lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi đến chủ đầu tư.

Khi nhận được khoản tiền tạm ứng từ đối tác, công ty tiến hành tổ chức thi công công trình theo đúng tiến độ và nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

❖ Quy trình hoạt động: Do đặc điểm về sản phẩm ngành thi công, nên quy trình của công ty có đặc điểm là phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi công trình có một dự toán riêng và các công trình thi công ở các địa điểm khác nhau.

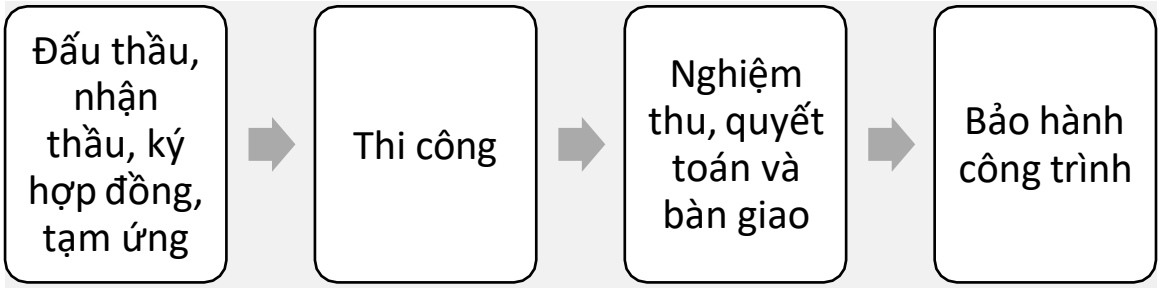


*Sơ đồ 2.5 Quy trình hoạt động thi công tại đơn vị*

### 2.2.2 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Trong thời gian thực tập, em được tìm hiểu và theo dõi công tác kế toán chi phí sản xuất tại 2 công trình là 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH và 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH do Công ty Cổ phần Kim Long Motor Huế làm chủ đầu tư. Sau khi trúng thầu, công ty tiến hành ký hợp đồng, nhận tạm ứng và triển khai thi công các công trình theo kế hoạch.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy được xác định là từng công trình hay từng hạng mục công trình theo từng hợp đồng được ký kết. Chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy được phân loại dựa trên mục đích, công dụng của chi phí. Được chia theo 3 khoản mục chi phí là:

- Chi phí nguyên vật kiệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

#### 2.2.2.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

❖ Chi phí NVLTT là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ công trình thi công, vì vậy việc hạch toán đúng, đủ chi phí NVL có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định tiêu hao vật chất trong sản xuất thi công, đảm bảo tính chính xác của toàn công trình xây dựng cũng như phản ánh tình hình sử dụng vật liệu đối với từng công trình và hạng mục công trình. Và nhằm để quản lý việc sử dụng vật liệu tiết kiệm hay lãng phí ảnh hưởng rất lớn đến sự biến động giá thành và kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị

❖ Chứng từ liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Phiếu đề nghị vật tư
- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (nếu có)
- Biên bản giao nhận vật tư tại công trình

❖ Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết tài khoản theo công trình, các tài khoản liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Sau khi trúng thầu, công ty tiến hành ký hợp đồng, nhận tạm ứng và triển khai thi công các công trình theo kế hoạch. Căn cứ vào nội dung hợp đồng và nhu cầu vật tư tại công trình, nhân viên mua hàng tiến hành tìm kiếm và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp với yêu cầu về chủng loại, số lượng và định mức vật tư đã được xác định. Phương án lựa chọn nhà cung cấp được trình Ban Giám đốc xem xét và phê duyệt.

Được phê duyệt thì nhân viên mua hàng lập hồ sơ đề nghị thanh toán trên AMIS quy trình kèm theo các chứng từ liên quan như phiếu đề nghị vật tư, báo giá, hợp đồng mua bán, hóa đơn,… và chuyển đến phòng kế toán để thực hiện kiểm tra và tiến hành các thủ tục thanh toán. Trường hợp cần thanh toán trước, kế toán tiến hành lập Ủy nhiệm chi để chuyển tiền cho nhà cung cấp theo đúng thỏa thuận.

Khi hàng hóa được giao đến công trình, Ban chỉ huy công trình tiến hành kiểm tra về số lượng, chất lượng và chủng loại vật tư so với nội dung đã đặt hàng. Nếu hàng hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo hợp đồng, hai bên tiến hành xác nhận trên biên bản giao nhận hàng hóa. Sau đó, hóa đơn được chuyển về cho nhân viên mua hàng để hoàn thiện hồ sơ.

Căn cứ vào hóa đơn và các chứng từ liên quan, kế toán thực hiện ghi nhận nghiệp vụ vào hệ thống kế toán, đồng thời sắp xếp và lưu trữ chứng từ theo đúng quy định hiện hành.

❖ Nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

**Nghiệp vụ 1**: Ngày 20/06/2025 và 11/07/2025, Ban chỉ huy công trình lập Phiếu yêu cầu vật tư số 09 và 11 thuộc công trình số 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH gửi bộ phận mua hàng để phục vụ thi công. Căn cứ nhu cầu vật tư đã được phê duyệt, nhân viên mua hàng tiến hành lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Công ty Cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ được lựa chọn cung cấp vật tư và đã giao hàng trực tiếp tại công trình vào ngày 15/07/2025, đồng thời xuất hóa đơn GTGT số 1552 ngày 25/07/2025 với tổng giá trị thanh toán 3.617.892 đồng (đã bao gồm VAT 8%).

Căn cứ các chứng từ liên quan như phiếu yêu cầu vật tư, hóa đơn và biên bản giao nhận, nhân viên mua hàng lập đề nghị thanh toán trên phần mềm MISA AMIS. Sau khi hồ sơ được phê duyệt theo quy trình nội bộ, ngày 07/08/2025 công ty thực hiện thanh toán công nợ cho nhà cung cấp bằng hình thức chuyển khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ**

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0 1 0 1 0 2 1 3 9 8**

Địa chỉ *(Address)*: Số 92, phố Yết Kiêu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 0936383919

Số tài khoản *(Account No.)*: 110000192663 tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Hoàn Kiếm

1506311002147 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn VN - CN Tây Hồ

410071328 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

1600021168 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch 3

Mã của Cơ quan thuế: **007AA7C416D4C645F69456BEDEE2F6A6FE**

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

*(VAT INVOICE)*

Ngày *(date)* **25** tháng *(month)* **07** năm *(year)* **2025**

Mẫu số - Ký hiệu *(Serial No.)*: **1C25THS**

Số *(Invoice No.)*: **00001552**

Họ tên người mua hàng *(Buyer full name)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400490380**

Địa chỉ *(Address)*: 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản *(Account No.)*:

| STT *(No.)* | Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)* | Đơn vị tính *(Unit)* | Số lượng *(Quantity)* | Đơn giá *(Unit Price)* | Thành tiền *(Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | Ty ren M12x3000 nhúng nóng | Cây | 20 | 89.500 | 1.790.000 |
| 2 | Ecu M12 nhúng nóng | Con | 200 | 1.008 | 201.600 |
| 3 | Đệm phẳng M12 nhúng nóng | Con | 400 | 396 | 158.400 |
| 4 | Đệm vênh M12 nhúng nóng | Con | 400 | 230 | 92.000 |
| 5 | Tacke nở M12x100 | Bộ | 50 | 4.750 | 237.500 |
| 6 | Bulong M12x70 nhúng nóng (T.e) | Bộ | 200 | 4.352 | 870.400 |

| STT *(No.)* | Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)* | Đơn vị tính *(Unit)* | Số lượng *(Quantity)* | Đơn giá *(Unit Price)* | Thành tiền *(Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |

| | | |
|---|---|---|
| | Cộng tiền hàng *(Sub total)*: | **3.349.900** |
| Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: **8%** | Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: | **267.992** |
| | Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: | **3.617.892** |

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Ba triệu sáu trăm mười bảy nghìn tám trăm chín mươi hai đồng chẵn./.**

**Người mua hàng** *(Buyer)*

**Người bán hàng** *(Seller)*

**Đã được ký điện tử bởi**
*(Signed digitally by)*
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ**

*(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*

**Giải pháp Hóa đơn Điện tử** được cung cấp bởi **Công ty Cổ phần Bkav** - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - **http://ehoadon.vn**

Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại **http://tracuu.ehoadon.vn**. Mã tra cứu HĐĐT này: **LJKVOVGLBJE**

*Hình 2.2 Hóa đơn GTGT số 00001552 nghiệp vụ 1*

❖ Quy trình hạch toán chi phí được thực hiện trên phần mềm MISA AMIS như sau: kế toán truy cập vào phân hệ "Mua hàng", chọn chức năng "Xử lý hóa đơn đầu vào", sau đó thực hiện "Lập chứng từ mua hàng" căn cứ vào hóa đơn mua vật tư của nhà cung cấp. Trong quá trình lập chứng từ, kế toán tiến hành tạo mới mã nguyên vật liệu trong trường hợp vật tư chưa có sẵn trong danh mục hệ thống.

❖ Tiếp theo, kế toán lựa chọn tài khoản hạch toán chi phí là TK 621 – Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, đồng thời theo dõi chi tiết cho công trình số **15/2025/HĐCCLD/KLM-TH** nhằm đảm bảo tập hợp chi phí đúng đối tượng. Sau khi kiểm tra đầy đủ các thông tin trên chứng từ, kế toán thực hiện thao tác "Cất" để hoàn tất việc ghi nhận nghiệp vụ trên phần mềm.

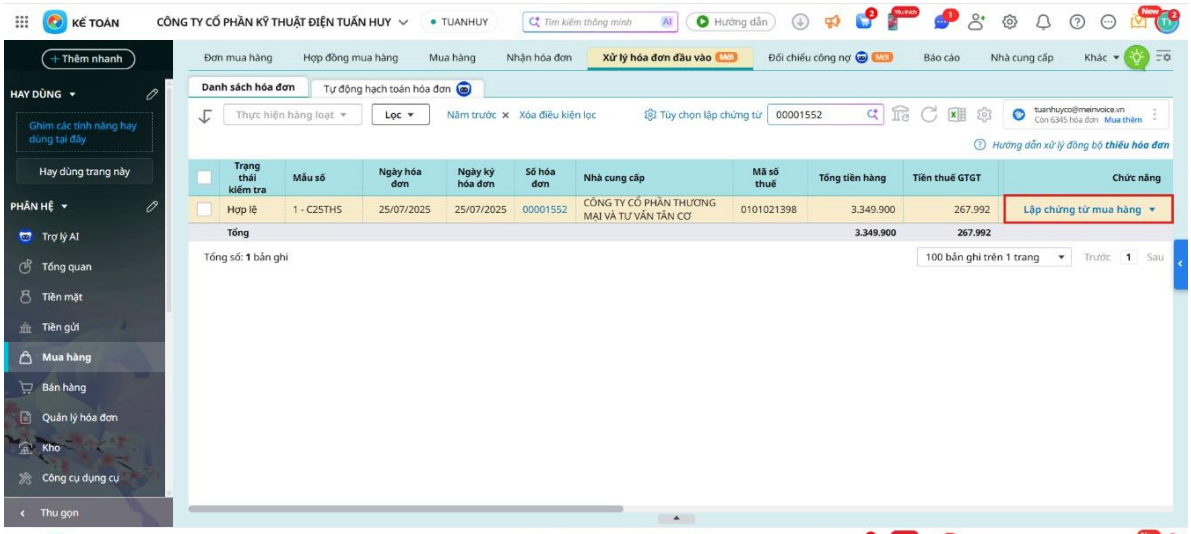


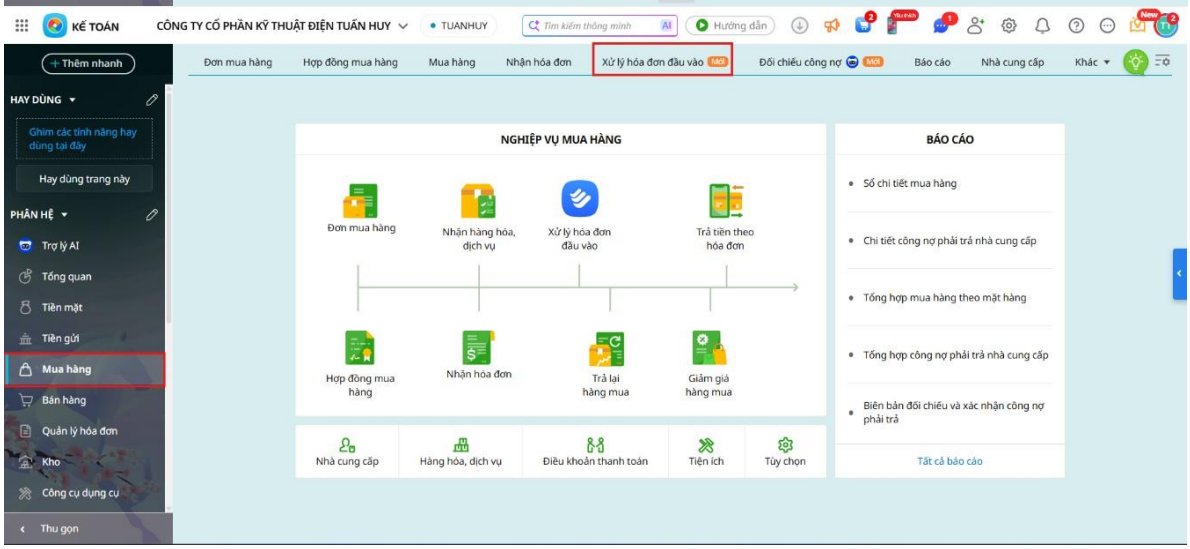

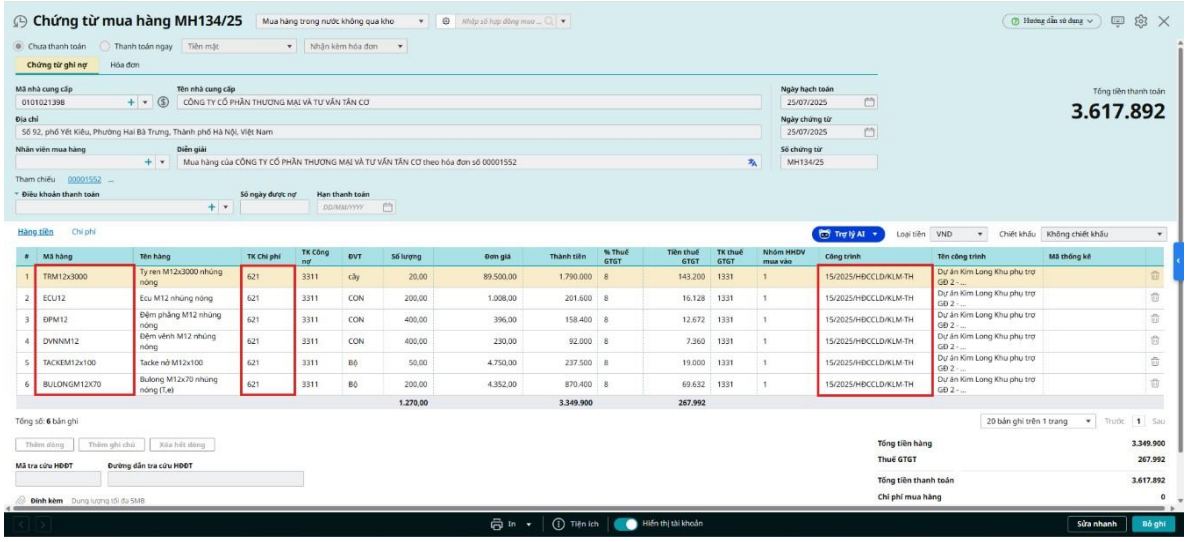


*Hình 2.3 Giao diện hạch toán vào chi phí NVT trực tiếp nghiệp vụ 1*

❖ Sau khi " Cất " thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621 theo công trình.

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | … | … | … | … | … | … |
| 25/07/2025 | MH134/25 | 25/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ theo hóa đơn số 00001552 | 621 | 3,349,900 | |
| 25/07/2025 | MH134/25 | 25/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ theo hóa đơn số 00001552 | 3311 | | 3,349,900 |
| 25/07/2025 | MH134/25 | 25/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ theo hóa đơn số 00001552 | 1331 | 267,992 | |
| 25/07/2025 | MH134/25 | 25/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ theo hóa đơn số 00001552 | 3311 | | 267,992 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.4 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 1*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp**
**Số hiệu 621**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 25/07/2025 | MH134/25 | 25/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ theo hóa đơn số 00001552 | 3311 | 3,349,900 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **86.752.121.720** | **86.752.121.720** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** (Ký, họ tên, đóng dấu)

*Hình 2.5 Trích sổ cái tài khoản 621 nghiệp vụ 1*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH** | | | | | | |
| **Tài khoản: 621** | | | | | | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Ty ren M12x3000 nhúng nóng | 3311 | 1,790,000 | |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Ecu M12 nhúng nóng | 3311 | 201,600 | |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Đệm phẳng M12 nhúng nóng | 3311 | 158,400 | |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Đệm vênh M12 nhúng nóng | 3311 | 92,000 | |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Tacke nở M12x100 | 3311 | 237,500 | |
| 25/07/2025 | 25/07/2025 | MH134/25 | Bulong M12x70 nhúng nóng (T,e) | 3311 | 870,400 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **29,126,109,026** | **29,126,109,026** |

*Hình 2.6 Trích sổ chi tiết TK 621 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

❖ Ngày 31/07/2025 nhân viên bộ phận nội chính tiến hành lập đề nghị thanh toán cho nhà cung cấp trên quy trình của Misa Amis kèm theo các chứng từ. Các chứng từ kèm theo em trình bày ở phụ lục 02

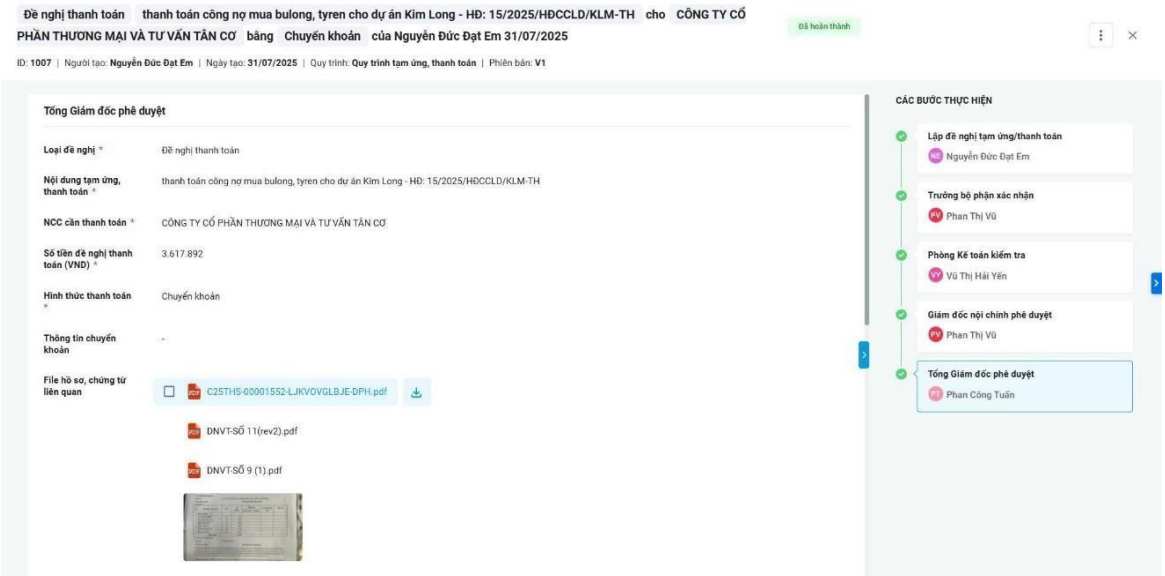


*Hình 2.7 Giao diện quy trình thanh toán nghiệp vụ 1*

❖ Sau khi kiểm tra kế toán tiến hành thanh toán và lập ủy nhiệm chi trên phần mềm kế toán

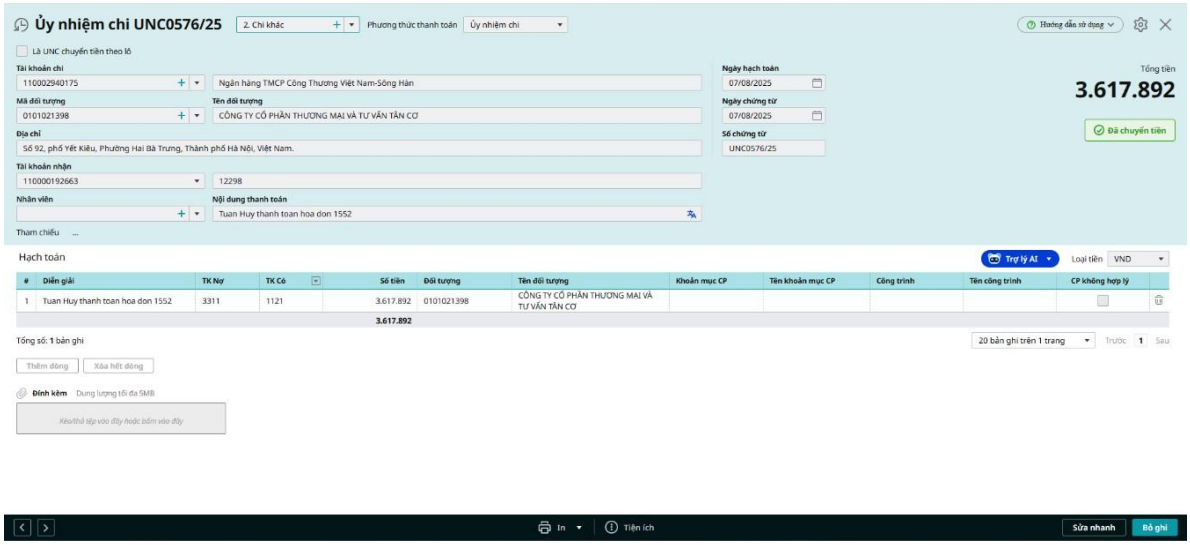


*Hình 2.8 Giao diện lập ủy nhiệm chi nghiệp vụ 1*

**Nghiệp vụ 2:** Ngày 29/04/2025, Ban chỉ huy công trình lập Phiếu yêu cầu vật tư số 01 thuộc công trình số 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH gửi bộ phận mua hàng để phục vụ thi công hạng mục "Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA". Căn cứ phiếu yêu cầu vật tư, nhân viên mua hàng tiến hành lựa chọn nhà cung cấp là Công ty TNHH Thiết bị điện Đăng Dương, sau khi NCC báo giá bộ phận mua hàng sẽ thực hiện đề nghị thanh toán trên phần mềm MISA AMIS dựa trên các chứng từ liên quan như phiếu yêu cầu vật tư và báo giá. Sau khi kiểm tra, kế toán lập Ủy nhiệm chi thanh toán theo báo giá cho nhà cung cấp.

Ngày 12/05/2025, nhà cung cấp tiến hành giao nguyên vật liệu trực tiếp tại công trình và xuất hóa đơn GTGT số 247, 248 ngày 14/05/2025 với tổng giá trị thanh toán là 27.968.340 đồng, đã bao gồm thuế GTGT 8%.

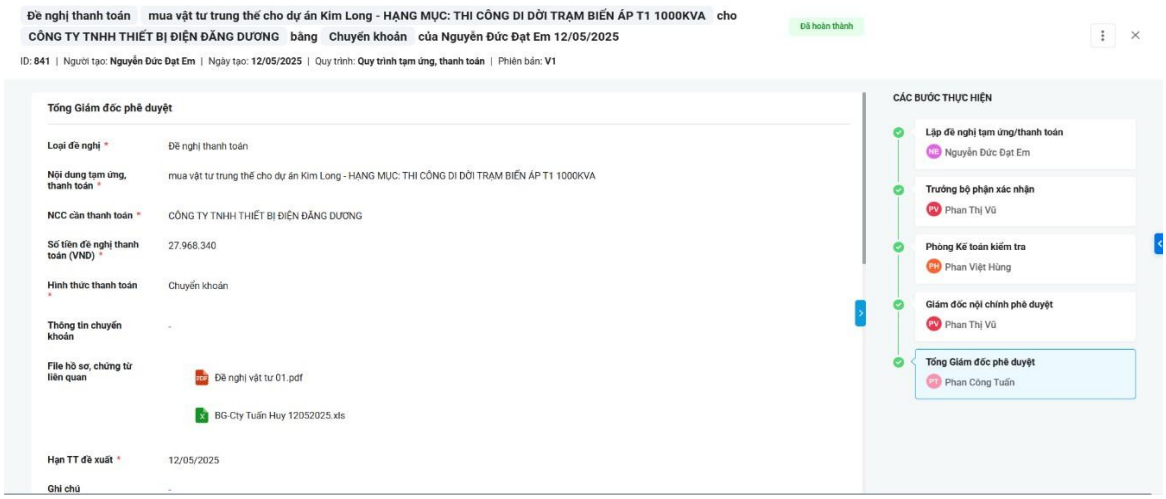


*Hình 2.9 Giao diện quy trình thanh toán nghiệp vụ 2*

id 841

# CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG

MST : 0402151746
Văn phòng giao dịch : 204 Quách Thị Trang-Tp. Đà Nẵng
ĐT: 094 880 6679

## BÁO GIÁ

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TUẤN HUY**
**Địa chỉ: 67-69-71 Nguyễn Hàng, P Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng**
**ĐT : Anh Đạt**
**Số báo giá : BG 12052025**

**Ngày 12 tháng 05 năm 2025**
**Lần thứ : 1**

Chúng tôi xin chuyển tới Quý Công ty lời chào trân trọng nhất và xin gửi bản chào giá chào hàng theo yêu cầu của quý Công ty như sau:

| STT | Danh mục | Nhà SX | Tiến Độ | ĐVT | Số Lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) | Thuế suất | Tiền Thuế (VAT) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | FCO 100 A - 27 kV - 150k kV BIL, sứ (không bass) | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 3 | 1,406,000 | 4,218,000 | 8% | 337,440 |
| 2 | Bass FCO | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 3 | 68,000 | 204,000 | 8% | 16,320 |
| 3 | Dây chì 65K, dài 584 mm | *Tuấn Ân* | có sẵn | sợi | 3 | 74,000 | 222,000 | 8% | 17,760 |
| 4 | Sứ tăng cường FCO, LBFCO, polymer | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 3 | 376,000 | 1,128,000 | 8% | 90,240 |
| 5 | Chuỗi treo 24Kv - 70KN, Polymer | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 12 | 216,000 | 2,592,000 | 8% | 207,360 |
| 6 | Móc Umani mạ nhúng nóng | *VN* | có sẵn | cái | 12 | 28,000 | 336,000 | 10% | 33,600 |
| 7 | LA 21KV - MCOV 17.0 - 10KA | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 1 | 1,236,000 | 1,236,000 | 8% | 98,880 |
| 8 | Chuỗi treo 24Kv - 70KN, Polymer | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 9 | 216,000 | 1,944,000 | 8% | 155,520 |
| 9 | Móc Umani mạ nhúng nóng | *VN* | có sẵn | cái | 12 | 28,000 | 336,000 | 10% | 33,600 |
| 10 | Giáp níu dây bọc ADG2450-BP, dài 1390mm, 24,1 ÷ 28,1mm (185-240mm2) | *Polymer Alpha* | có sẵn | sợi | 6 | 312,500 | 1,875,000 | 10% | 187,500 |
| 11 | Bộ U + Yếm cho giáp níu MNN- lớn | *VN* | có sẵn | bộ | 6 | 34,000 | 204,000 | 10% | 20,400 |
| 12 | Nối bọc IPC trung thế 300, tiếp địa | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 3 | 516,000 | 1,548,000 | 8% | 123,840 |
| 13 | Bar tiếp địa nhôm | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 3 | 68,000 | 204,000 | 10% | 20,400 |
| 14 | Kẹp đấu rẽ TA-CDB 86 93G28 - 95mm2 | *Tuấn Ân* | có sẵn | cái | 6 | 242,000 | 1,452,000 | 10% | 145,200 |
| 15 | Chụp trên FCO ( 3 màu) | *Song Hào* | có sẵn | cái | 3 | 56,000 | 168,000 | 8% | 13,440 |
| 16 | Chụp dưới FCO ( 3 màu) | *Song Hào* | có sẵn | cái | 3 | 56,000 | 168,000 | 8% | 13,440 |
| 17 | Chụp LA ( 3 màu) | *Song Hào* | có sẵn | cái | 3 | 28,000 | 84,000 | 8% | 6,720 |
| 18 | Sứ đứng Pinpost 24kV + ty, ĐR 600 | *Minh Long* | có sẵn | bộ | 24 | 329,000 | 7,896,000 | 8% | 631,680 |
| | | | | | | **Tổng thành tiền** | | | **25,815,000** |
| | | | | | | **Thuế GTGT** | | | **2,153,340** |
| | | | | | | **Tổng tiền thanh toán** | | | **27,968,340** |

**Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm tám mươi đồng**.
Đơn giá trên chỉ áp dụng cho đặt hàng với số lượng tối thiểu từng mục như trên.
Hàng mới 100%,
Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí kiểm nghiệm.
Địa điểm giao hàng:
Thời gian giao hàng: 1 ngày sau khi đặt hàng
Điều kiện thanh toán: Chuyển Khoản
Thông tin chuyển khoản: 19038606052012. Tại Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, CN Đà Nẵng
Hiệu lực báo giá: 10 ngày từ ngày báo giá
*Chúng tôi rất mong được sự phản hồi của Quý khách hàng,mọi chi tiết về sản phẩm xin Qúy khách vui lòng liên hệ lại.*

**XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG** **CÔNG TY TNHH TBĐ ĐĂNG DƯƠNG**

*Hình 2.10 Báo giá NCC nghiệp vụ 2*

❖ Sau khi kiểm tra báo giá và phiếu đề nghị vật tư ( trình bày ở phụ 02) kế toán tiến hành lập UNC thanh toán cho NCC theo số tiền đề nghị thanh toán để NCC tiến hành giao hàng.

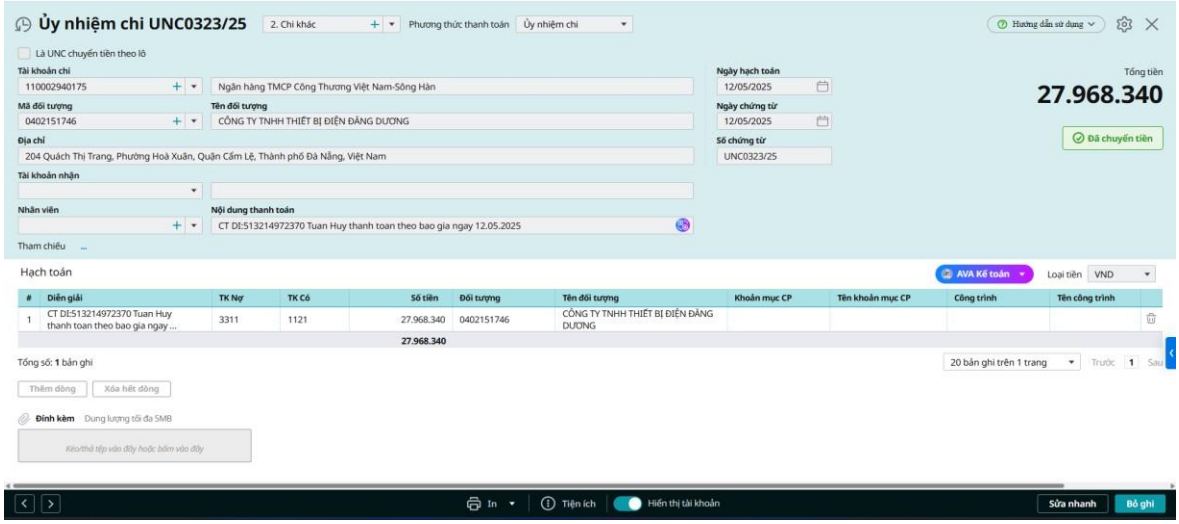


*Hình 2.11 Giao diện lập UNC nghiệp vụ 2*

❖ Sau khi giao hàng cho đơn vị (Biên bản giao nhận hàng ở phụ lục 02) NCC xuất hóa đơn GTGT số 247, 248 gửi đến đơn vị, kế toán tiến hành hạch toán vào TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp thuộc công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

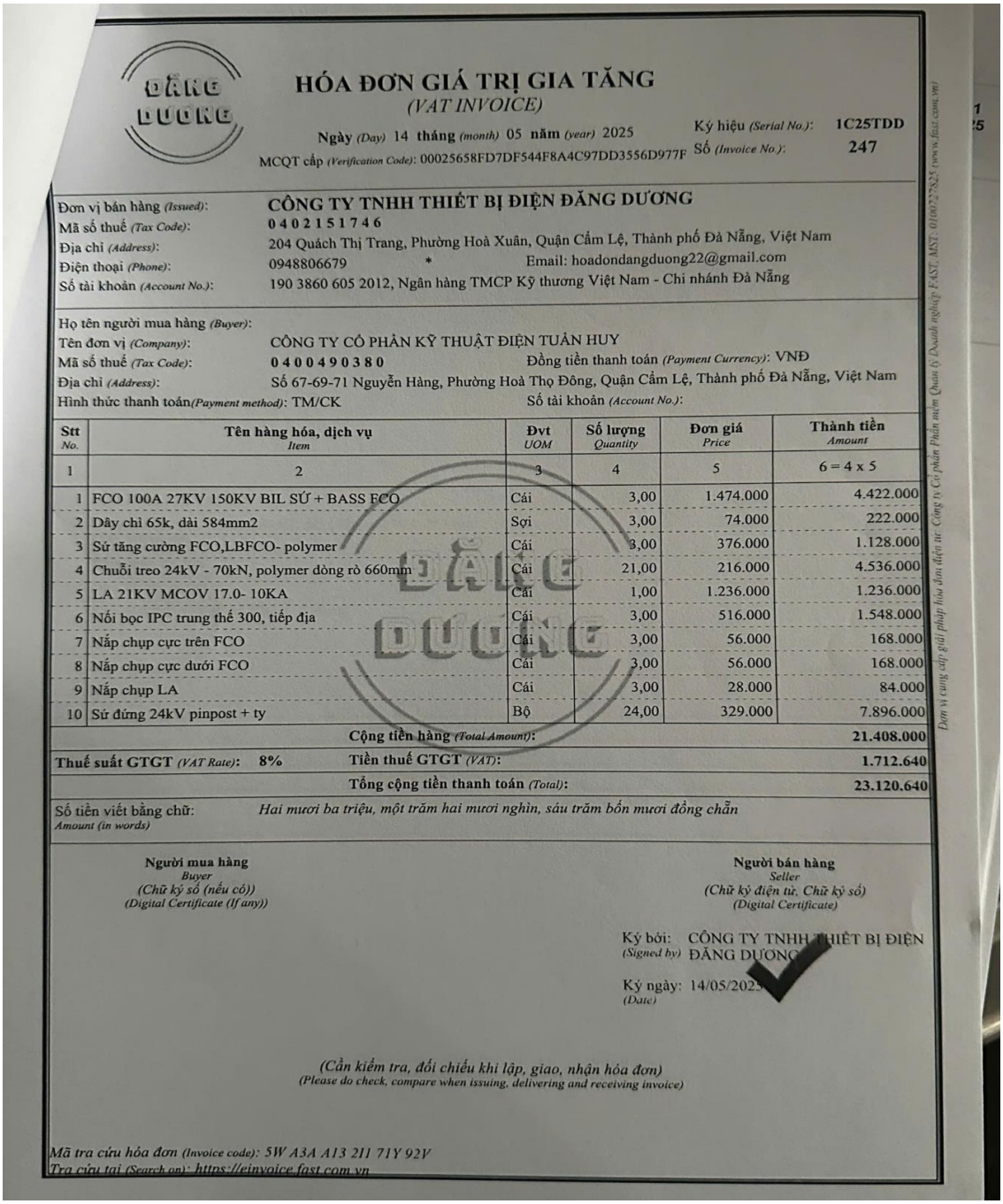

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
*(VAT INVOICE)*

**Ngày** *(Day)* 14 **tháng** *(month)* 05 **năm** *(year)* 2025 — Ký hiệu *(Serial No.)*: **1C25TDD**
MCQT cấp *(Verification Code)*: 00025658FD7DF544F8A4C97DD3556D977F — Số *(Invoice No.)*: **247**

Đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG**
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0402151746**
Địa chỉ *(Address)*: 204 Quách Thị Trang, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại *(Phone)*: 0948806679 * Email: hoadondangduong22@gmail.com
Số tài khoản *(Account No.)*: 190 3860 605 2012, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400490380** — Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VNĐ
Địa chỉ *(Address)*: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK — Số tài khoản *(Account No.)*:

| Stt *No.* | Tên hàng hóa, dịch vụ *Item* | Đvt *UOM* | Số lượng *Quantity* | Đơn giá *Price* | Thành tiền *Amount* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | FCO 100A 27KV 150KV BIL SỨ + BASS FCO | Cái | 3,00 | 1.474.000 | 4.422.000 |
| 2 | Dây chì 65k, dài 584mm2 | Sợi | 3,00 | 74.000 | 222.000 |
| 3 | Sứ tăng cường FCO,LBFCO- polymer | Cái | 3,00 | 376.000 | 1.128.000 |
| 4 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, polymer dòng rò 660mm | Cái | 21,00 | 216.000 | 4.536.000 |
| 5 | LA 21KV MCOV 17.0- 10KA | Cái | 1,00 | 1.236.000 | 1.236.000 |
| 6 | Nối bọc IPC trung thế 300, tiếp địa | Cái | 3,00 | 516.000 | 1.548.000 |
| 7 | Nắp chụp cực trên FCO | Cái | 3,00 | 56.000 | 168.000 |
| 8 | Nắp chụp cực dưới FCO | Cái | 3,00 | 56.000 | 168.000 |
| 9 | Nắp chụp LA | Cái | 3,00 | 28.000 | 84.000 |
| 10 | Sứ đứng 24kV pinpost + ty | Bộ | 24,00 | 329.000 | 7.896.000 |
| | | | **Cộng tiền hàng** *(Total Amount)*: | | **21.408.000** |
| **Thuế suất GTGT** *(VAT Rate)*: **8%** | | | **Tiền thuế GTGT** *(VAT)*: | | **1.712.640** |
| | | | **Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total)*: | | **23.120.640** |

Số tiền viết bằng chữ: *Hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng chẵn*
*Amount (in words)*

**Người mua hàng** *Buyer* *(Chữ ký số (nếu có))* *(Digital Certificate (If any))*

**Người bán hàng** *Seller* *(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)* *(Digital Certificate)*

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG *(Signed by)*
Ký ngày: 14/05/2025 *(Date)*

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*
*(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)*

*Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 5W A3A A13 2I1 71Y 92V*
*Tra cứu tại (Search on): https://einvoice.fast.com.vn*

*Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST, MST: 0100772925 (www.fast.com.vn)*

*Hình 2.12 Hóa đơn GTGT số 247 nghiệp vụ 2*

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
*(VAT INVOICE)*

**Ngày** *(Day)* 14 **tháng** *(month)* 05 **năm** *(year)* 2025 — Ký hiệu *(Serial No.)*: **1C25TDD**

MCQT cấp *(Verification Code)*: 0058ABC646256E4D47A92971717A9CCB0D — Số *(Invoice No.)*: **248**

Đơn vị bán hàng *(Issued)*: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG**
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0402151746**
Địa chỉ *(Address)*: 204 Quách Thị Trang, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại *(Phone)*: 0948806679 * Email: hoadondangduong22@gmail.com
Số tài khoản *(Account No.)*: 190 3860 605 2012, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:
Tên đơn vị *(Company)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400490380** — Đồng tiền thanh toán *(Payment Currency)*: VNĐ
Địa chỉ *(Address)*: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK — Số tài khoản *(Account No.)*:

| Stt *No.* | Tên hàng hóa, dịch vụ *Item* | Đvt *UOM* | Số lượng *Quantity* | Đơn giá *Price* | Thành tiền *Amount* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | Móc Umani CK7 MKNN | Cái | 24,00 | 28.000 | 672.000 |
| 2 | Giáp níu dây bọc ADG2450-BP, dài 1390mm, 24,1-28,1mm (185-240mm2) | Sợi | 6,00 | 312.500 | 1.875.000 |
| 3 | Yếm giáp níu lớn | Bộ | 6,00 | 34.000 | 204.000 |
| 4 | Bar tiếp địa nhôm | Cái | 3,00 | 68.000 | 204.000 |
| 5 | Kẹp đấu rẽ TA-CDB 86 93G28 -95mm2 | Cái | 6,00 | 242.000 | 1.452.000 |

**Cộng tiền hàng** *(Total Amount)*: **4.407.000**
**Thuế suất GTGT** *(VAT Rate)*: **10%** — **Tiền thuế GTGT** *(VAT)*: **440.700**
**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total)*: **4.847.700**

Số tiền viết bằng chữ: *Bốn triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm đồng chẵn*
*Amount (in words)*

**Người mua hàng**
*Buyer*
*(Chữ ký số (nếu có))*
*(Digital Certificate (If any))*

**Người bán hàng**
*Seller*
*(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)*
*(Digital Certificate)*

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG
*(Signed by)*
Ký ngày: 14/05/2025
*(Date)*

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*
*(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)*

*Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 5W A55 C1C 26A 120 9CC*
*Tra cứu tại (Search on): https://einvoice.fast.com.vn*

*Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST, MST: 0100777825 (www.fast.com.vn)*

*Hình 2.13 Hóa đơn GTGT số 248 nghiệp vụ 2*

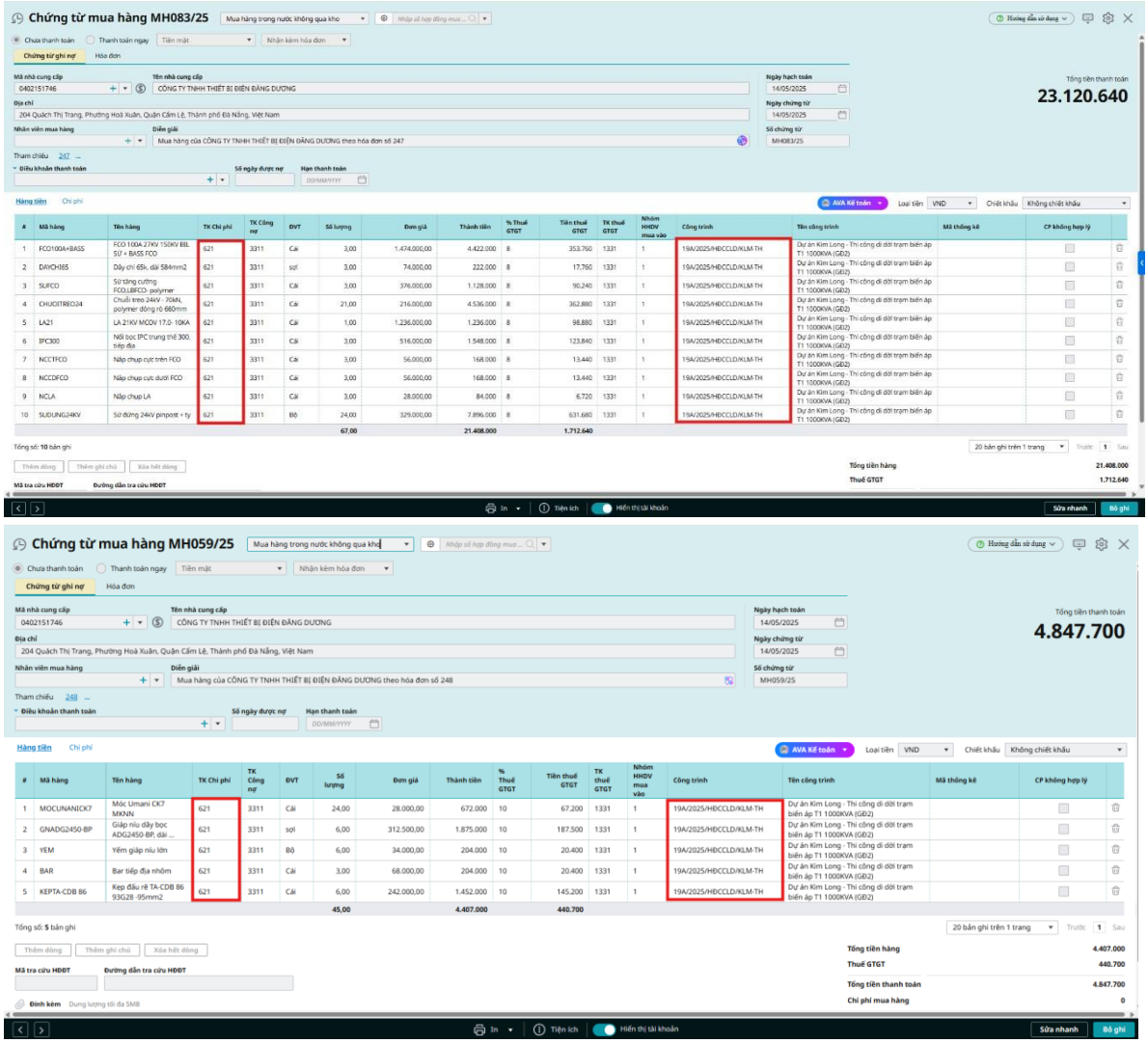


*Hình 2.14 Giao diện hạch toán vào chi phí NVLTT nghiệp vụ 2*

❖ Sau khi hạch toán vào chi phí thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 621, sổ chi tiết TK 621 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** | **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** | *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | … | … | … | … | … | … |
| 14/05/2025 | MH059/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 248 | 621 | 4.407.000 | |
| 14/05/2025 | MH059/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 248 | 3311 | | 4.407.000 |
| 14/05/2025 | MH059/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 248 | 1331 | 440.700 | |
| 14/05/2025 | MH059/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 248 | 3311 | | 440.700 |
| 14/05/2025 | MH083/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 247 | 621 | 21.408.000 | |
| 14/05/2025 | MH083/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 247 | 3311 | | 21.408.000 |
| 14/05/2025 | MH083/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 247 | 1331 | 1.712.640 | |
| 14/05/2025 | MH083/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 247 | 3311 | | 1.712.640 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1.369.863.388.646** | **1.369.863.388.646** |

Ngày 31/12/2025

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.15 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 2*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp**
**Số hiệu 621**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 14/05/2025 | MH059/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 248 | 3311 | 4.407.000 | … |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 14/05/2025 | MH083/25 | 14/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG theo hóa đơn số 247 | 3311 | 21.408.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **86.752.121.720** | **86.752.121.720** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.16 Trích sổ cái TK 621 nghiệp vụ 2*

## TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO CÔNG TRÌNH

*Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2)** | | | | | | |
| **Tài khoản: 621** | | | | | | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH059/25 | Móc Umani CK7 MKNN | 3311 | 672,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH059/25 | Giáp níu dây bọc ADG2450-BP, dài 1390mm, 24,1-28,1mm (185-240mm2) | 3311 | 1,875,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH059/25 | Yếm giáp níu lớn | 3311 | 204,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH059/25 | Bar tiếp địa nhôm | 3311 | 204,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH059/25 | Kẹp đầu rẽ TA-CDB 86 93G28 -95mm2 | 3311 | 1,452,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | FCO 100A 27KV 150KV BIL SỨ + BASS FCO | 3311 | 4,422,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Dây chì 65k, dài 584mm2 | 3311 | 222,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Sứ tăng cường FCO,LBFCO- polymer | 3311 | 1,128,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, polymer dòng rò 660mm | 3311 | 4,536,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | LA 21KV MCOV 17.0- 10KA | 3311 | 1,236,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Nối bọc IPC trung thế 300, tiếp địa | 3311 | 1,548,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Nắp chụp cực trên FCO | 3311 | 168,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Nắp chụp cực dưới FCO | 3311 | 168,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Nắp chụp LA | 3311 | 84,000 | |
| 14/05/2025 | 14/05/2025 | MH083/25 | Sứ đứng 24kV pinpost + ty | 3311 | 7,896,000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **185,899,260** | **185,899,260** |

*Hình 2.17 Trích sổ chi tiết TK 621 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

#### 2.2.2.2 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

❖ Tại công ty, chi phí nhân công trực tiếp chủ yếu phát sinh từ việc thuê ngoài lao động thông qua các nhà thầu phụ, thay vì sử dụng lao động trong biên chế. Hình thức này giúp doanh nghiệp chủ động về nguồn nhân lực, linh hoạt trong việc điều động lao động theo từng giai đoạn thi công.

❖ Chứng từ liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp

- Hợp đồng thầu phụ
- Hồ sơ thanh toán, hồ sơ quyết toán
- Hóa đơn GTGT
- Ủy nhiệm chi

❖ Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 622, các tài khoản liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng: TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Chi phí nhân công trực tiếp thuê ngoài tại công ty được thực hiện thông qua quy trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ. Cụ thể, công ty ký kết hợp đồng với nhà thầu phụ để thực hiện các hạng mục thi công. Sau khi hoàn thành từng phần công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu và lập biên bản nghiệm thu khối lượng làm căn cứ thanh toán. Nhà thầu phụ lập hóa đơn gửi kèm hồ sơ thanh toán về công ty. Phòng Kế toán tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ, trình phê duyệt và thực hiện thanh toán. Đồng thời, kế toán ghi nhận chi phí NCTT vào TK 622 và lưu trữ chứng từ theo quy định.

❖ Nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

**Nghiệp vụ 3:** Trong kỳ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy đã phát sinh khoản chi phí nhân công thuê ngoài liên quan đến khối lượng thi công thực tế từ nhà thầu phụ là Công ty TNHH dịch vụ SE24 nhưng đến cuối kỳ chưa nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ từ nhà thầu phụ, công ty đã thực hiện trích trước chi phí nhằm đảm bảo phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất trong kỳ. Căn cứ vào giá trị tạm tính theo hợp đồng, kế toán thực hiện trích trước chi phí vào tài khoản 335 – Chi phí phải trả. Khi nhận được đầy đủ hóa đơn, chứng từ ( Trình bày tại phụ lục 03) từ nhà thầu phụ, kế toán tiến hành đối chiếu và thực hiện hạch toán điều chỉnh theo thực tế phát sinh.

❖ Ngày 31/12/2025 kế toán thực hiện hạch toán trích chi phí nhân công vào TK 335 – Chi phí phải trả

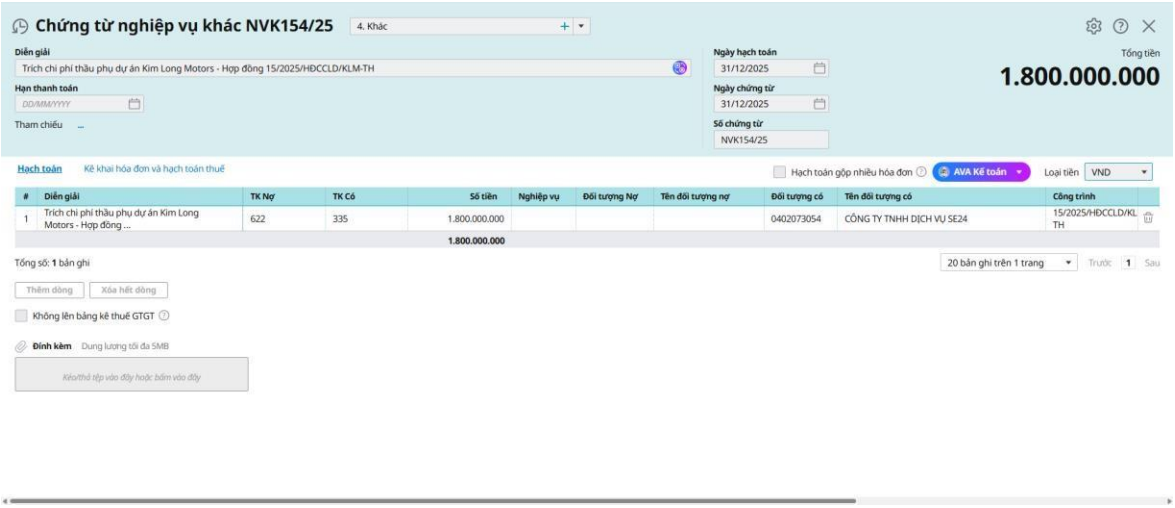


*Hình 2.18 Giao diện trích trước chi phí thầu phụ nghiệp vụ 3*

❖ Sau khi hạch toán vào chi phí thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 622, sổ chi tiết TK 622 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | … | … | … | … | … | … |
| 31/12/2025 | NVK154/25 | 31/12/2025 | Trích chi phí thầu phụ dự án Kim Long Motors - Hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 622 | 1,800,000,000 | |
| 31/12/2025 | NVK154/25 | 31/12/2025 | Trích chi phí thầu phụ dự án Kim Long Motors - Hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 335 | | 1,800,000,000 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.19 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 3*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Nhân công trực tiếp**
**Số hiệu 622**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 3311 | 208.841.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/12/2025 | NVK154/25 | 31/12/2025 | Trích chi phí thầu phụ dự án Kim Long Motors - Hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLMTH | 335 | 1.800.000.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **12.838.881.700** | **12.838.881.700** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** (Ký, họ tên, đóng dấu)

*Hình 2.20 Trích sổ cái TK 622 nghiệp vụ 3*

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Tài khoản: 622, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH** | | | | | | |
| **Tài khoản: 622** | | | | | | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK154/25 | Trích chi phí thầu phụ dự án Kim Long Motors - Hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 335 | 1,800,000,000 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 622 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 154 | | 1,800,000,000 |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **1,800,000,000** | **1,800,000,000** |

*Hình 2.21 Sổ chi tiết TK 622 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 4:** Ngày 12/05/2025 Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy ký kết hợp đồng nhân công cho dự án Kim long 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH hạng mục: thi công di dời trạm biến áp t1 1000kva với nhà thầu phụ là Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư và Xây dựng Hoàng Duy. Theo điều khoản tạm ứng thực hiện hợp đồng, đơn vị tiến hành tạm ứng 112.763.000 đồng cho Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư và Xây dựng Hoàng Duy để NCC tiến hành thực hiện hợp đồng.

Ngày 12/06/2025 kế toán nhận được hóa đơn GTGT số 4, giấy đề nghị thanh toán, hồ sơ nghiệm thu thanh toán, văn bản thanh lý hợp đồng từ Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư và Xây dựng Hoàng Duy. Kế toán tiến hành xem xét và lập UNC thanh toán cho NCC.

❖ Ngày 12/05/2025 Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy tạm ứng chi phí nhân công cho Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư và Xây dựng Hoàng Duy.

*Hình 2.22 Giao diện quy trình đề nghị thanh toán của phần mềm*

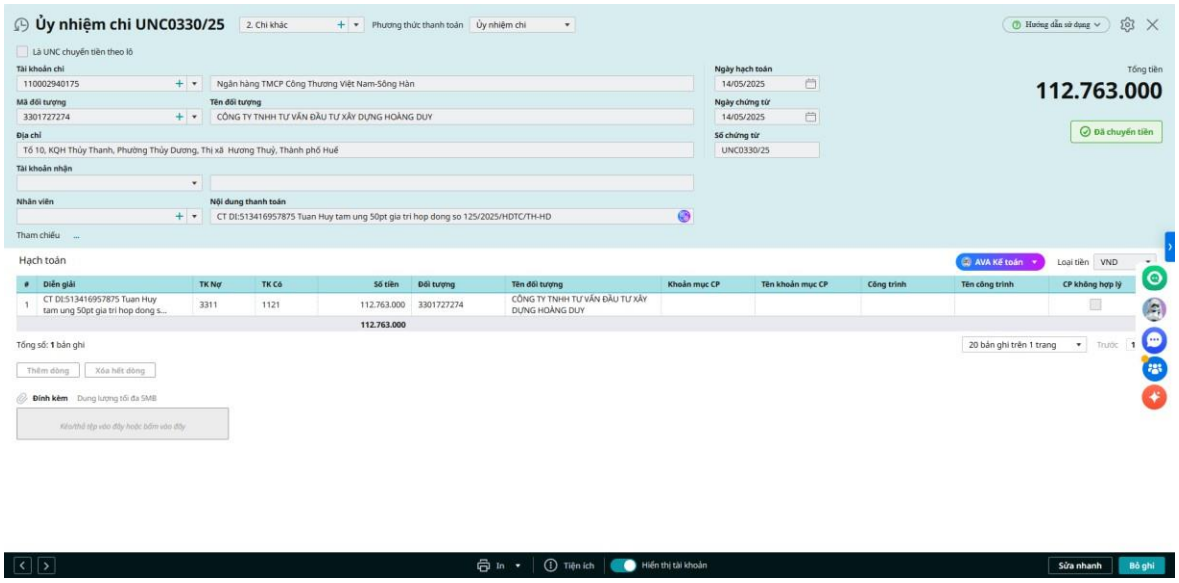


*Hình 2.23 Giao diện lập UNC tạm ứng nghiệp vụ 4*

❖ Sau khi hoàn thành khối lượng thi công, ngày 16/05/2025 Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư và Xây dựng Hoàng Duy gửi hồ sơ thanh toán đến Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy, bao gồm: giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT và hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành (trình bày ở phụ lục 04) để đề nghị thanh toán phần chi phí nhân công còn lại sau khi đã trừ khoản tạm ứng theo thỏa thuận giữa hai bên.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY HOÀNG DUY
Số: 01/HD-ĐNTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
---
*TP Huế, ngày..... tháng ... năm 2025*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

**Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

Căn cứ Hợp đồng Thi công số: 125/2025 /HĐTC/TH-HD, ngày 12/05/2025 giữa Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy về việc thi công Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế tại Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế.

Căn cứ thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ/TH-HD, ngày ...../..../2025 giữa Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy.

Trong đó: Giá trị hợp đồng: 225.525.600 đồng
Giá trị nghiệm thu thanh toán: 225.548.280 đồng
Giá trị đã tạm ứng: 112.763.000 đồng
Giá trị thanh toán còn lại: 112.785.280 đồng

Kính đề nghị Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy thanh toán cho Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy với số tiền là: **112.785.280đ (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng.)**

Số tiền thanh toán trên xin chuyển về tài khoản của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy

Số tài khoản 010203679 tại Ngân hàng TMCP Nam Á- CN TT-Huế

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy xin cảm ơn ./.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY
Giám Đốc

Đoàn Tứ

*Hình 2.24 Giấy đề nghị thanh toán nghiệp vụ 4*

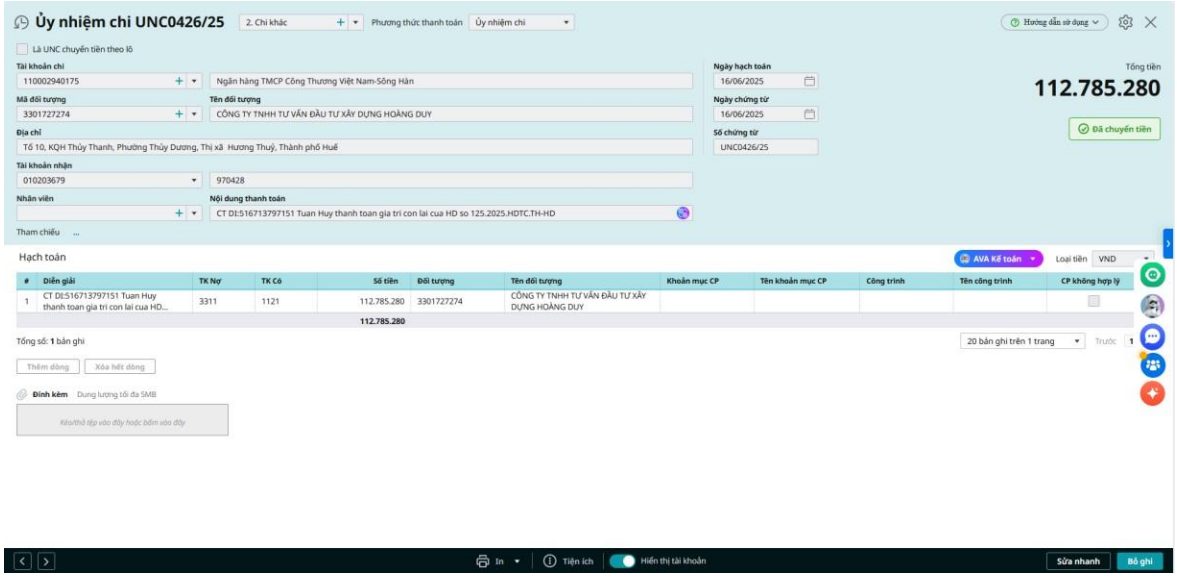


*Hình 2.25 Giao diện lập UNC nghiệp vụ 4*

❖ Sau khi nhận được hóa đơn GTGT số 4, kế toán tiến hành hạch toán vào TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp thuộc công trình Kim Long 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
*(VAT INVOICE)*

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25THD
Số *(No.)*: 4

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
*(Electronic invoice display)*

Ngày *(date)* 12 tháng *(month)* 06 năm *(year)* 2025

**Đơn vị bán hàng** *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY**
**Mã số thuế** *(Tax code)*: **3301727274**
**Địa chỉ** *(Address)*: **Tổ 10, KQH Thủy Thanh, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam**
**Điện thoại** *(Tel)*: **0935437504** **Fax:** **Website:**
**Số tài khoản** *(Account No.)*: **26001010085861** **Ngân hàng** *(Bank)*: **TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Huế**

**Họ tên người mua hàng** *(Customer's name)*:
**Tên đơn vị** *(Company's name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
**Mã số thuế** *(Tax code)*: **0400490380**
**Địa chỉ** *(Address)*: **Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam**
**Số tài khoản** *(Account No.)*: **Ngân hàng** *(Bank)*:
**Hình thức thanh toán** *(Payment method)*: **Chuyển khoản**
**Ghi chú** *(Note)*:

| STT *(No.)* | Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)* | Đơn vị tính *(Unit)* | Số lượng *(Quantity)* | Đơn giá *(Unit price)* | Thành tiền *(Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 |
| 1 | Thanh toán khối lượng hoàn thành hạng mục: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế tại địa điểm: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, Thành phố Huế theo hợp đồng thi công số : 125/2025/HĐTC/TH-HĐ ký ngày 12/05/2025 | Gói | 1 | 208.841.000 | 208.841.000 |
| | | | | Cộng tiền hàng *(Total amount)*: | 208.841.000 |
| | Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8% | | | Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: | 16.707.280 |
| | | | | TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN *(Total payment)*: | 225.548.280 |

**Số tiền viết bằng chữ** *(Amount in words)*: Hai trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng

**Người mua hàng** *(Buyer)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign, full name)*

**Người bán hàng** *(Seller)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign, full name)*
Signature valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY
Ký ngày 12/06/2025

*Mã của cơ quan thuế: 00ACFBFE52C72F41F98021DCEB8466314F*
*Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106*
*Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search - Mã số bí mật:* PTLTXHP276TZWNY

*Hình 2.26 Hóa đơn GTGT số 4 nghiệp vụ 4*

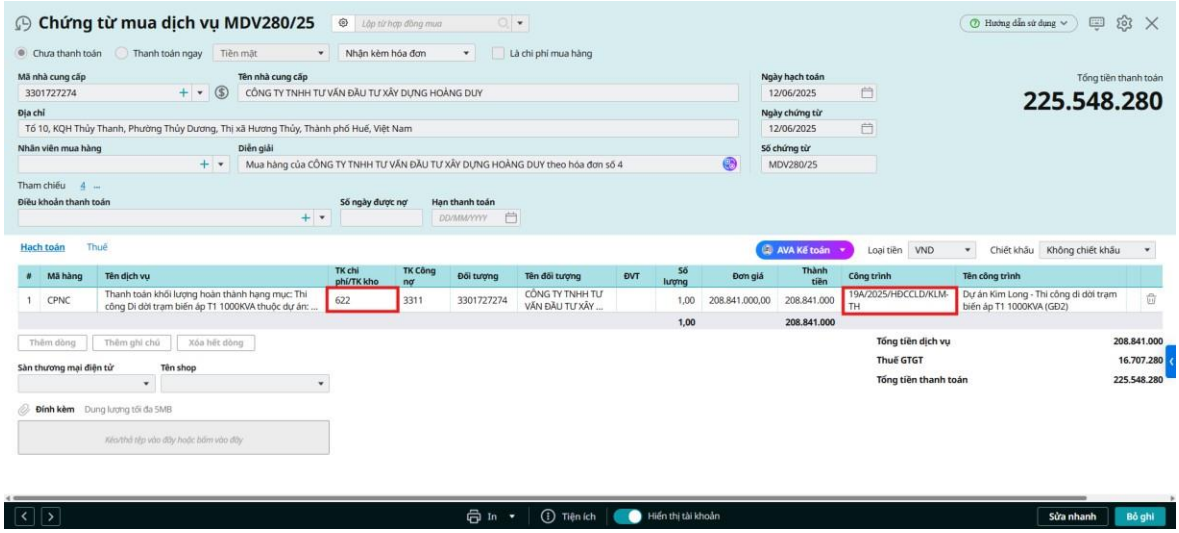


*Hình 2.27 Giao diện hạch toán chi phí NCTT nghiệp vụ 4*

❖ Sau khi hạch toán vào chi phí thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 622, sổ chi tiết TK 622 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu sổ S03a-DN**
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 622 | 208,841,000 | |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 3311 | | 208,841,000 |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 1331 | 16,707,280 | |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 3311 | | 16,707,280 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

*Ngày 31/12/2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*Hình 2.28 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 4*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Nhân công trực tiếp**
**Số hiệu 622**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 06/12/2025 | MDV280/25 | 06/12/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY theo hóa đơn số 4 | 3311 | 208.841.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/12/2025 | NVK154/25 | 31/12/2025 | Trích chi phí thầu phụ dự án Kim Long Motors - Hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLMTH | 335 | 1.800.000.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **12.838.881.700** | **12.838.881.700** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** (Ký, họ tên, đóng dấu)

*Hình 2.29 Trích sổ cái TK 622 nghiệp vụ 4*

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2), Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2)** | | | | | | |
| **Tài khoản: 622** | | | | | | |
| 12/06/2025 | 12/06/2025 | MDV280/25 | Thanh toán khối lượng hoàn thành hạng mục: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế tại địa điểm: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, Thành phố Huế theo hợp đồng thi công số : 125/2025/HĐTC/TH-HĐ ký ngày 12/05/2025 | 3311 | 208,841,000 | |
| 30/06/2025 | 30/06/2025 | KC387 | Kết chuyển chi phí 622 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 154 | | 208,841,000 |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **208,841,000** | **208,841,000** |

*Hình 2.30 Sổ chi tiết TK 622 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

#### 2.2.2.3 Kế toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Chi phí sản xuất chung tại công ty là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ quá trình thi công, không thể hạch toán trực tiếp cho từng công trình. Các khoản này bao gồm chi phí quản lý công trình, chi phí CCDC, khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước,…

Trong thực tế, tại một địa điểm có thể thi công nhiều công trình cùng lúc nên các chi phí như điện, nước không thể tách riêng cho từng công trình. Do đó, các chi phí này được tập hợp chung và phân bổ theo tiêu thức NVL trực tiếp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển vào tài khoản 154 để tính giá thành.

❖ Chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất chung

- Hóa đơn tiền điện, nước phục vụ thi công, hóa đơn thuê máy móc, thiết bị thi công
- Hóa đơn chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc
- Bảng lương, bảng chấm công khối công trình
- Bảng phân bổ CCDC
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi, Ủy nhiệm chi

❖ Sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết các tài khoản

❖ Tài khoản sử dụng: TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Tài khoản chi tiết

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272: Chi phí nguyên vật liệu

TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Các chi phí khác bằng tiền

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Khi các khoản chi phí như chi phí lương quản lý công trình, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, thuê máy móc…) phát sinh, các bộ phận liên quan tiến hành lập và chuyển các chứng từ như hóa đơn, hợp đồng, bảng lương, bảng phân bổ công cụ dụng cụ, bảng tính khấu hao tài sản cố định… về phòng Kế toán. Kế toán tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ và thực hiện ghi nhận vào tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung.

Đối với các khoản chi phí như công cụ dụng cụ và khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho nhiều công trình nên không thể theo dõi riêng cho từng công trình ngay từ đầu, kế toán sẽ tập hợp chung và cuối kỳ tiến hành phân bổ cho các công trình theo

tiêu thức phù hợp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Sau khi phân bổ, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản 154 để phục vụ cho việc tính giá thành công trình.

❖ Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

**Nghiệp vụ 5:** Ngày 29/12/2025 Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy nhận được biên bảng đối chiếu và tiêu hao tiện ích kèm theo hóa đơn GTGT số 3953 của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ về việc tiền điện tiêu thụ tại công trường 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH tháng 11 với số tiền là 5.355.000 đồng ( đã bao gồm VAT 8%).

KIM LONG MOTOR

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
*(VAT INVOICE)*
Ngày *(day)* **29** tháng *(month)* **12** năm *(year)* **2025**

Mẫu số - Ký hiệu *(Serial No.)*: **1C25TAP**
Số *(Invoice No.)*: **00003953**

Mã của Cơ quan thuế: **0009AD2541910944FC924623D994E492D1**

Đơn vị bán *(Seller)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**
MST *(Tax Code)*: **3301626861**
Địa chỉ *(Address)*: **Đường nối quốc lộ 1A - cảng Chân Mây, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam**
Điện thoại *(Tel)*: **02363575757**
STK *(Account No.)*:

Người mua *(Buyer)*: CCCD *(Citizen ID No.)*:
Đơn vị *(Co. name)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
MST *(Tax Code)*: **0400490380**
Địa chỉ *(Address)*: **Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
HTTT *(Pay. method)*: **Tiền mặt/Chuyển khoản**
STK *(Account No.)*:

| STT *(No.)* | Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)* | ĐVT *(Unit)* | SL *(Quantity)* | Đơn giá *(Unit Price)* | Thành tiền *(Amount)* | Thuế suất *(Tax Rate)* | Tiền thuế *(Tax Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 4 x 5 | 7 | 8 = 6 x 7 |
| 1 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | | | | 2.670.833 | 8% | 213.667 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | Cộng tiền hàng *(Sub total)*: | | | 2.670.833 |
| | | | | Cộng tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: | | | 213.667 |
| | | | | Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment)*: | | | 2.884.500 |

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words)*: **Hai triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng chẵn./.**

**Người mua hàng** *(Buyer)*

**Người bán hàng** *(Seller)*

**Đã được ký điện tử bởi**
*(Signed digitally by)*
**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**
Ngày: 29/12/2025

*(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)*

**Giải pháp Hóa đơn Điện tử** được cung cấp bởi **Công ty Cổ phần Bkav** - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - **http://ehoadon.vn**
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại **http://tracuu.ehoadon.vn**. Mã tra cứu HĐĐT này: **WOFFD3TMOU3**

*Hình 2.31 Hóa đơn GTGT số 3953 nghiệp vụ 5*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU VÀ XÁC NHẬN TIÊU HAO TIỆN ÍCH

**Tên dự án: Khu Liên Hợp Sản Xuất Lắp Ráp KIM LONG MOTORS Huế**
**Địa điểm: Khu CN Chân Mây, xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**A/ Căn cứ:**
- Căn cứ chỉ đạo của lãnh đạo công ty về việc "Phân bổ chi phí tiện ích tại khu Liên Hợp Sản xuất Lắp Ráp KIM LONG MOTORS Huế".
- Căn cứ nội dung trao đổi giữa các bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2025, tại Khu Liên Hợp Sản Xuất Lắp Ráp KIM LONG MOTORS Huế chúng tôi gồm có:

**B/ THÀNH PHẦN THAM GIA**

**I. Đại diện: Ban QLDA KIM LONG MOTORS HUẾ**
Ông: Nguyễn Quang An Chức vụ: Trưởng phòng QLTC
Ông : Nguyễn Văn Lượng Chức vụ : NV vận hành điện

**II. Đại diện: Công ty CP KT Điện Tuấn Huy**
Ông: Lê Tấn Ngĩa Chức vụ: Kỹ thuật

Nội dung làm việc: Thống nhất cách tính chi phí phân bổ tiện ích tại Khu Liên Hợp Sản Xuất Lắp Ráp KIM LONG MOTORS Huế

Sau khi làm việc các bên thống nhất cách tính phân bổ chi phí tiện ích như sau:
- Điện sử dụng tại dự án được tính trên đồng hồ riêng và giá tính 4,500 đồng/kwh.

**Bảng tổng hợp phân bổ chi phí tiện ích tại Khu Liên Hợp Sản Xuất Lắp Ráp KIM LONG MOTORS Huế**

| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | Số đầu kỳ | Số cuối kỳ | Hệ số nhân | Điện năng tiêu | đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tiền điện phát sinh tại công trường từ ngày 01/11/2025-30/11/2025 | | | | | | |
| *1,1* | 22775235 | 6017 | 6658 | 1 | **641** | *4.500* | *2.884.500* |
| | | | | | | | |
| | ***Tổng cộng*** | | | | **641** | | **2.884.500** |
| ***Bằng chữ:*** | *Hai triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm đồng chẵn* | | | | | | |

**C/ KẾT LUẬN**

Các bên cùng thống nhất nội dung nêu trên, biên bản được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 (một) bản
Các đơn vị hoàn tất các chi phí này trước khi thanh toán các đợt tiếp theo.

**Đại diện**
**Ban Quản Lý Dự Án**

**Đại diện**
**Nhà Thầu**

*Hình 2.32 Biên bản đối chiếu và xác nhận tiêu hao tiện ích nghiệp vụ 5*

❖ Khi nhận được hóa đơn và biên bản, ngày 30/12/2025 kế toán tiến hành làm đề nghị thanh  toán cho nhà cung cấp trên phần mềm Amis quy trình.

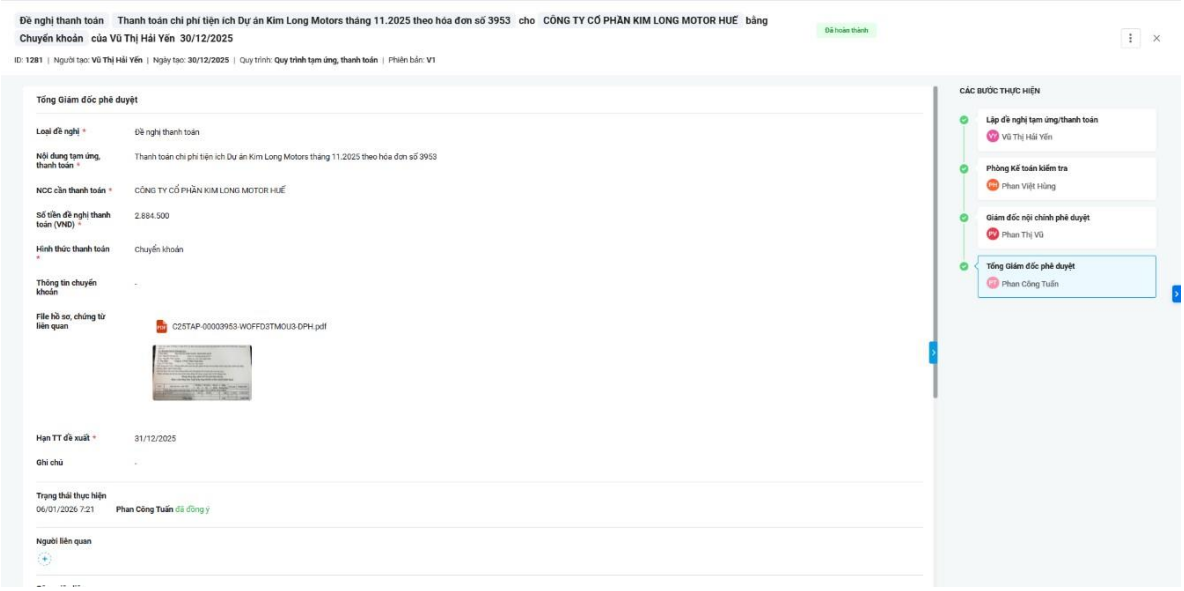


*Hình 2.33 Giao diện đề nghị thanh toán nghiệp vụ  5*

❖ Quy trình hạch toán chi phí được thực hiện trên phần mềm MISA AMIS như sau: kế toán truy cập vào phân hệ "Mua hàng", chọn chức năng "Xử lý hóa đơn đầu vào", sau đó thực hiện "Lập chứng từ mua dịch vụ" căn cứ vào hóa đơn mua dịch vụ của nhà cung cấp.

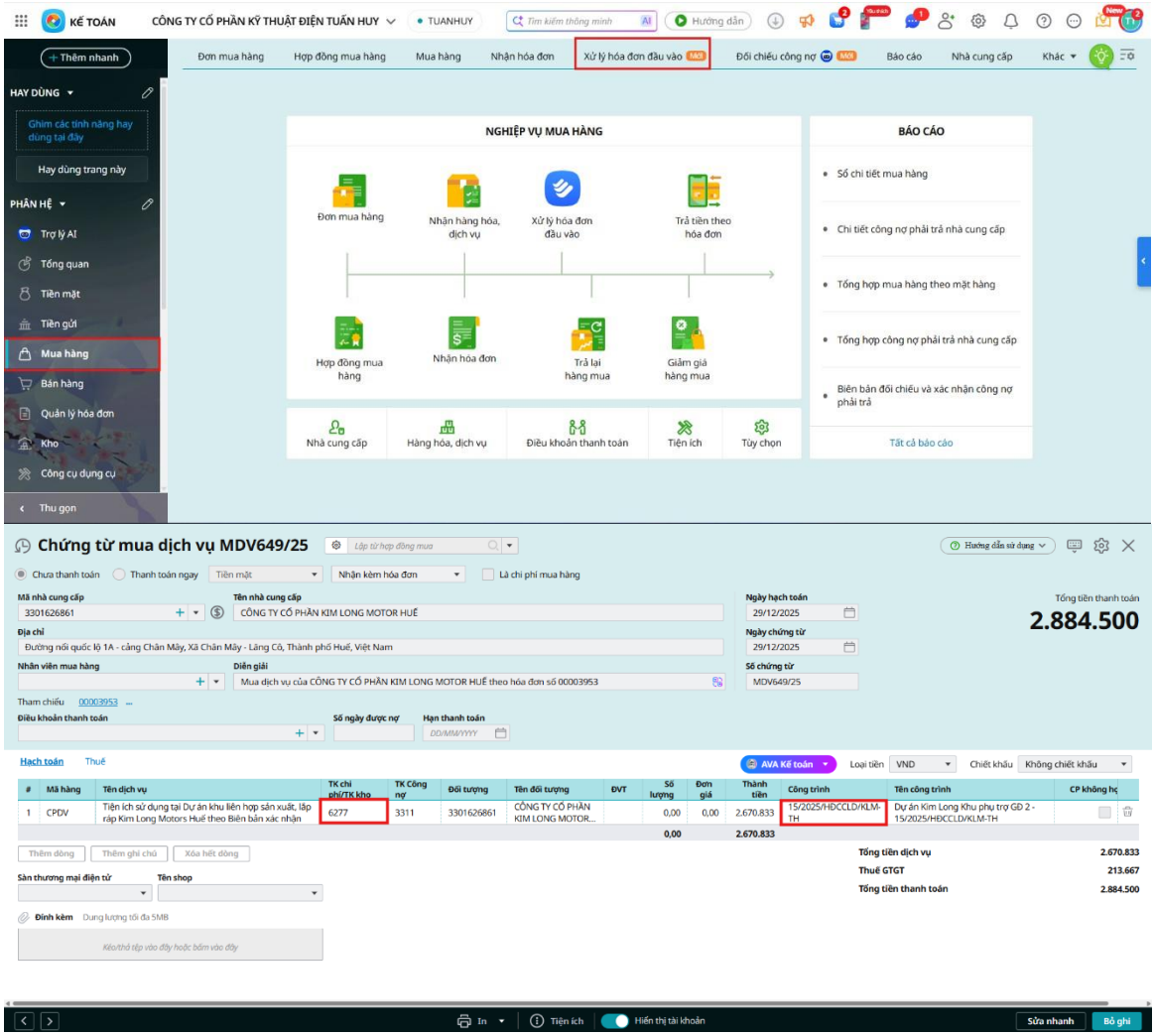


*Hình 2.34 Giao diện hạch toán vào chi phí sản xuất chung*

❖ Sau khi hạch toán chi phí, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu sổ S03a-DN**
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 6277 | 2,670,833 | |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | | 2,670,833 |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 1331 | 213,667 | |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | | 213,667 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

*Ngày 31/12/2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*Hình 2.35 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 5*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**
**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | 7.500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | 9.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 3.792.600 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1.347.222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | 2.670.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.36 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 5*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Tài khoản: 627, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH** | | | | | | |
| **Tài khoản: 627** | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **852,392,917** | **852,392,917** |

*Hình 2.37 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6277 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 6277 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **264,288,240** | **264,288,240** |

*Hình 2.38 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 6:** Ngày 23/07/2025 Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy nhận được hóa đơn GTGT số 130 của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT về chi phí cẩu MBA, tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế thuộc công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH với số tiền là 9.720.000 đồng ( đã bao gồm VAT 8%).

Khi nhận được hóa đơn, ngày 25/07/2025 ông Nguyễn Đức Đạt Em tiến hành làm đề nghị thanh toán cho nhà cung cấp trên phần mềm Amis quy trình kèm các chứng từ

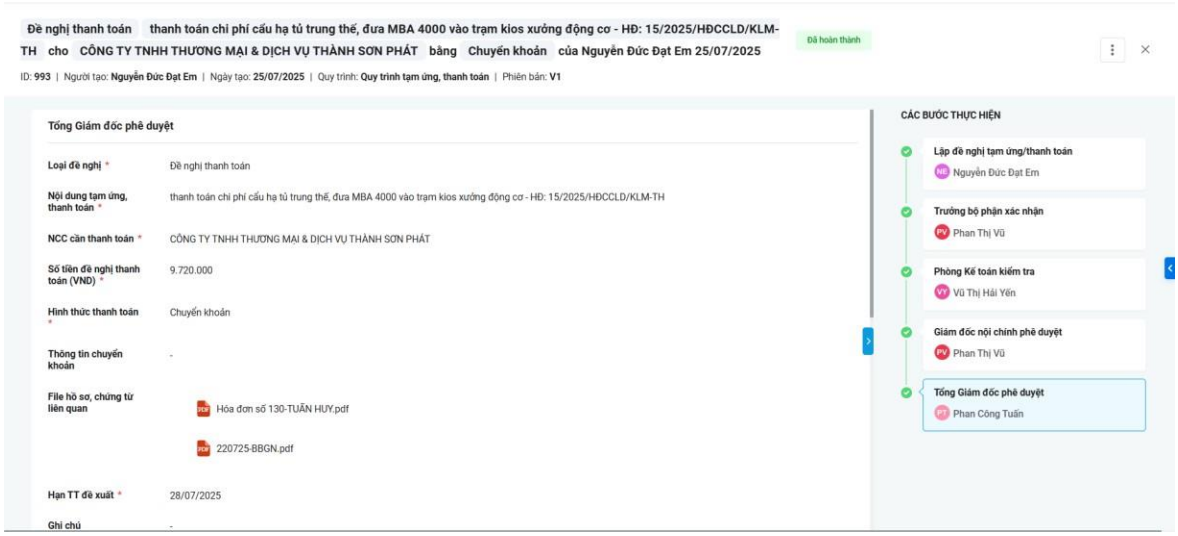


*Hình 2.39 Giao diện lập đề nghị thanh toán nghiệp vụ 6*

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*(VAT INVOICE)*

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

*(Electronic invoice display)*

Ngày *(date)* 23 tháng *(month)* 07 năm *(year)* 2025

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C25TSP**

Số *(No.)*: **130**

**Đơn vị bán hàng** *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT**

**Mã số thuế** *(Tax code)*: **0402096069**

**Địa chỉ** *(Address)*: Thôn An Ngãi Đông, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Điện thoại** *(Tel)*: 0905686890

**Số tài khoản** *(A/C No)*: 568768568 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Hòa Khánh - CN Đà Nẵng

**Họ tên người mua hàng** *(Buyer's fullname)*:

**Tên đơn vị** *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

**Địa chỉ** *(Address)*: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mã số thuế** *(Tax code)*: 0400490380

**Hình thức thanh toán** *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản

**Số tài khoản** *(A/C No)*:

| **STT** *(No.)* | **Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)* | **Đơn vị tính** *(Unit)* | **Số lượng** *(Quantity)* | **Đơn giá** *(Unit price)* | **Thành tiền** *(Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (4) x (5) |
| 1 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | Trọn gói | 1 | 9.000.000 | 9.000.000 |
| | | | | Cộng tiền hàng *(Total amount)*: | 9.000.000 |
| Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*: 8% | | | | Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: | 720.000 |
| | | | | **Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*: | **9.720.000** |

**Số tiền viết bằng chữ** *(In words)*: *Chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*

**Người mua hàng** *(Buyer)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign & Fullname)*

**Người bán hàng** *(Seller)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign & Fullname)*

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT
Ngày ký: *23 / 07 / 2025*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 2QMVDJRBDWHE
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901
Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp

*Hình 2.40 Hóa đơn GTGT số 130 nghiệp vụ 6*

❖ Sau khi tiếp nhận hồ sơ, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ ( hóa đơn GTGT và biên bản xác nhận trình bày ở phụ lục 05) sau đó thực hiện luân chuyển hồ sơ theo quy trình nội bộ để trình Giám đốc nội chính và Tổng Giám đốc xem xét, phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, vào ngày 28/07/2025, kế toán tiến hành lập Ủy nhiệm chi để thực hiện thanh toán theo quy định.

❖ Bước tiếp đến kế toán tiến hành hạch toán chi phí trên phần mềm kế toán.

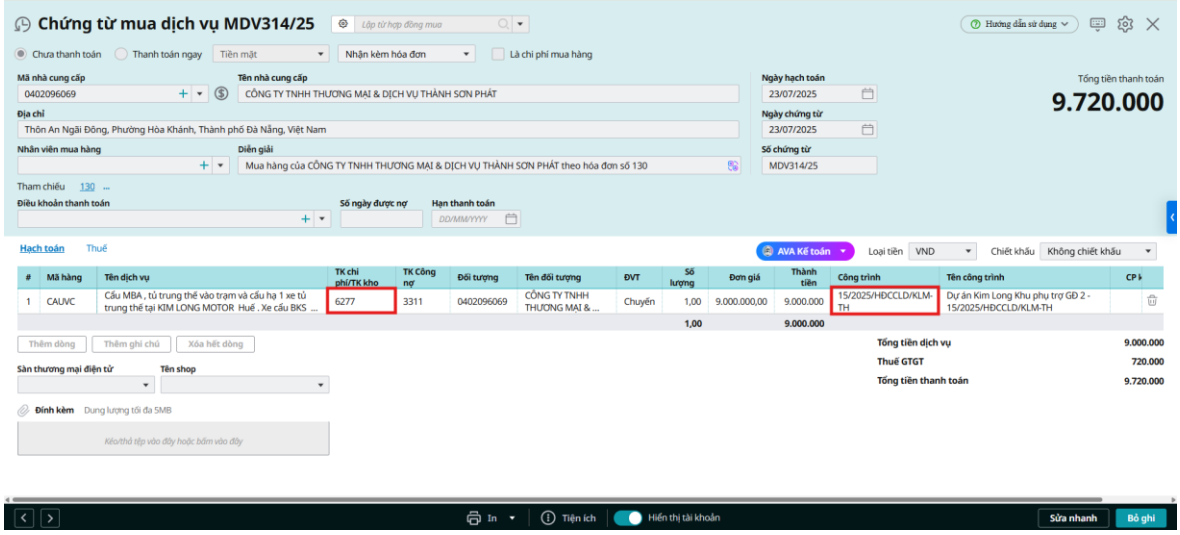


*Hình 2.41 Giao diện hạch toán vào chi phí SXC nghiệp vụ 6*

❖ Sau khi ghi nhận chi phí thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 627 | 9,000,000 | |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | | 9,000,000 |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 1331 | 720,000 | |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | | 720,000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.42 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 6*

| | |
|---|---|
| **Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy** | **Mẫu số S03b-DN** |
| **Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** | (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) |

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**
**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | 7.500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | 9.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 3.792.600 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1.347.222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | 2.670.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.43 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 6*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Tài khoản: 627, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH** | | | | | | |
| **Tài khoản: 627** | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **852,392,917** | **852,392,917** |

*Hình 2.44 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6277 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 6277 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **264,288,240** | **264,288,240** |

*Hình 2.45 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 7:** Ngày 21/05/2025 Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy nhận được hóa đơn GTGT số 83 của Công ty TNHH Cầu tải Trinh Nguyễn về chi phí vận chuyển trụ bê tông cho dự án Kim Long thuộc công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH với số tiền là 8.100.000 đồng ( đã bao gồm VAT 8%).

Khi nhận được hóa đơn, ngày 22/05/2025 ông Nguyễn Đức Đạt Em tiến hành làm đề nghị thanh toán cho nhà cung cấp trên phần mềm Amis quy trình kèm các chứng từ được trình bày ở phụ lục 06.

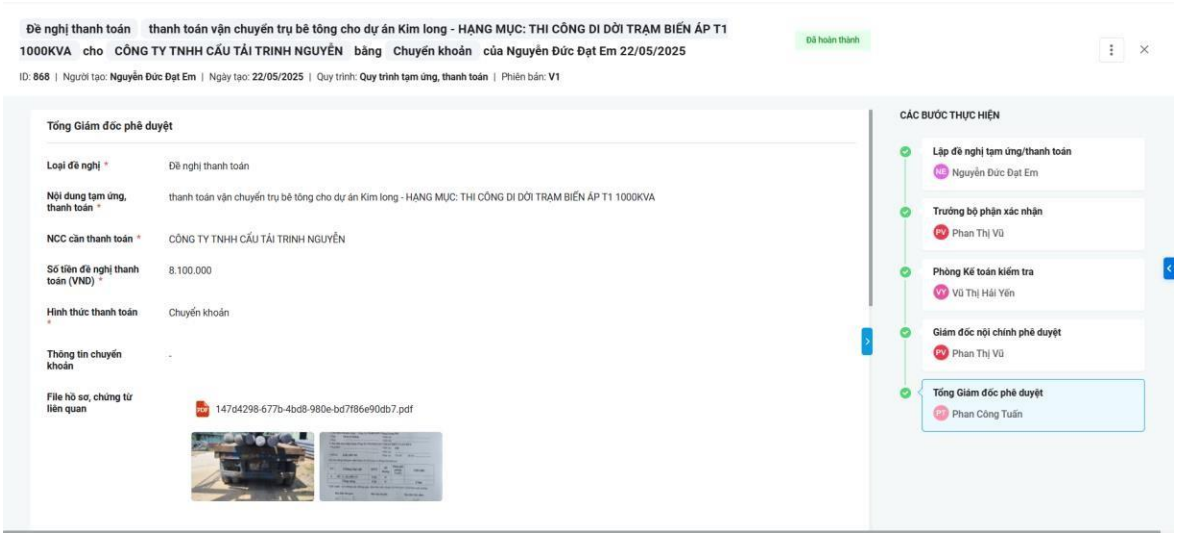


*Hình 2.46 Giao diện quy trình thanh toán của phần mềm*

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
*(VAT INVOICE)*

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
*(Electronic invoice display)*

Ký hiệu *(Serial No)*: **1C25TTN**
Số *(No.)*: **83**

Ngày *(date)* 21 tháng *(month)* 05 năm *(year)* 2025

***Mã CQT: 003F1AD12639A64D849B66483D44291DD3***

**Đơn vị bán hàng** *(Seller)*: **CÔNG TY TNHH CẦU TÀI TRINH NGUYÊN**
**Mã số thuế** *(Tax code)*: **0402253339**
**Địa chỉ** *(Address)*: Lô 172 khu B2-37 đường Vũ Phạm Hàm, Xã Hoà Sơn, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
**Số tài khoản** *(A/C No)*: 0402253339 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

**Họ tên người mua hàng** *(Buyer's fullname)*:
**Tên đơn vị** *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
**Địa chỉ** *(Address)*: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
**Mã số thuế** *(Tax code)*: 0400490380
**Hình thức thanh toán** *(Payment method)*: Tiền mặt/Chuyển khoản
**Số tài khoản** *(A/C No)*:

| **STT** *(No.)* | **Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)* | **Đơn vị tính** *(Unit)* | **Số lượng** *(Quantity)* | **Đơn giá** *(Unit price)* | **Thành tiền** *(Amount)* |
|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) = (4) x (5) |
| 1 | Vận chuyển 9 trụ điện từ Bãi 504 ,Lê Trọng Tấn-TP.Đà Nẵng đi Kim long Motor Huế - đường vào cảng chân mây- BKS: 43H-086.09 | chuyến | 1 | 7.500.000 | 7.500.000 |
| | | | | Cộng tiền hàng *(Total amount)*: | 7.500.000 |
| Thuế suất GTGT *(VAT Rate)*: 8% | | | | Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*: | 600.000 |
| | | | | **Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*: | **8.100.000** |

**Số tiền viết bằng chữ** *(In words)*: *Tám triệu một trăm nghìn đồng*

**Người mua hàng** *(Buyer)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign & Fullname)*

**Người bán hàng** *(Seller)*
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
*(Sign & Fullname)*

**Signature valid**
**Được ký bởi: CÔNG TY TNHH CẦU TÀI TRINH NGUYÊN**
**Ngày ký:** *21 / 05 / 2025*

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 1FNTK16G5R8C
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI VISNAM, MST: 0401486901

*Hình 2.47 Hóa đơn GTGT số 83 nghiệp vụ 7*

❖ Sau khi kiểm tra hồ sơ thanh toán kế toán tiến hành hạch toán chi phí vào TK 627 – Chi phí sản xuất chung thuộc công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

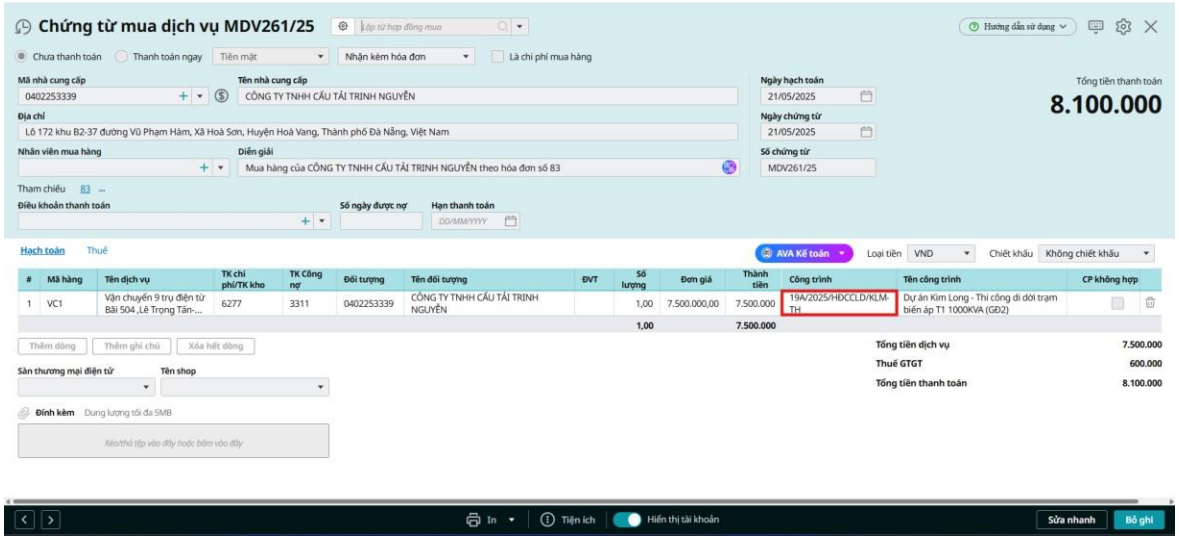


*Hình 2.48 Giao diện hạch toán chi phí nghiệp vụ 7*

❖ Sau khi ghi nhận chi phí thì phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết TK 627 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu sổ S03a-DN**
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 6277 | 7,500,000 | |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | | 7,500,000 |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 1331 | 600,000 | |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | | 600,000 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

*Ngày 31/12/2025*

**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*Ngày 31/12/2025*
**Người lập biểu** (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) | **Tổng giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*Hình 2.49 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 7*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**
**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | 7.500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | 9.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 3.792.600 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1.347.222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | 2.670.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.50 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 7*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2)** | | | | | | |
| **Tài khoản: 627** | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 21/05/2025 | 21/05/2025 | MDV261/25 | Vận chuyển 9 trụ điện từ Bãi 504,Lê Trọng Tấn-TP.Đà Nẵng đi Kim long Motor Huế - đường vào cảng chân mây- BKS: 43H-086.09 | 3311 | 7,500,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **36,948,392** | **36,948,392** |

*Hình 2.51 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6277 THEO CÔNG TRÌNH**

*Tài khoản: 6277, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | | | | | | |
| Tài khoản: 6277 | | | | | | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 21/05/2025 | 21/05/2025 | MDV261/25 | Vận chuyển 9 trụ điện từ Bãi 504 ,Lê Trọng Tấn-TP.Đà Nẵng đi Kim long Motor Huế - đường vào cảng chân mây- BKS: 43H-086.09 | 3311 | 7,500,000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **9,069,029** | **9,069,029** |

*Hình 2.52 Trích sổ chi tiết TK 6277 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 8**: Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy nhận được bảng chấm công tháng 8/2025 từ Ban chỉ huy công trình để làm căn cứ tính lương cho nhân viên quản lý công trình. Căn cứ vào số ngày công thực tế, mức lương theo hợp đồng, phụ cấp công trình và hỗ trợ tiền cơm theo quy định của công ty, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu và xác định tổng tiền lương phải trả cho từng nhân viên theo từng công trình, Trong đó phát sinh chi phí lương của ông Lương Quang Vinh thuộc công trình Kim Long, kế toán tiến hành thực hiện trên phần mềm MISA AMIS

TUANHUY Electric

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 8 năm 2025

**Bộ phận: Khối công trình**

| Mã nhân viên | Nhân viên | Chức danh | Công tổng -Fastwork | | | | | 01 | 02 | 03 | 04 | 05 | 06 | 07 | 08 | 09 | 10 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 29 | 30 | 31 | Ký tên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TỔNG | BT | Nghỉ | PHÉP | Nghỉ | T2 | T3 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T4 | T4 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T6 | T7 | CN | |
| 200901001 | Lương Quang Vinh | Chỉ huy trưởng | 26.0 | 26.0 | - | - | - | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | Kim Long |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Chỉ huy trưởng | 8.0 | 8.0 | - | - | - | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | | | | | | OFF | x | x | x | x | x | OFF | x | x | x | x | x | OFF | ST |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Chỉ huy trưởng | 5.0 | 5.0 | - | - | - | | | | | | | | | | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | CTY |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Chỉ huy trưởng | 1.0 | 1.0 | - | - | - | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | HA BẢO DƯỠNG |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 201209001 | Nguyễn Văn Thành | Chỉ huy trưởng | 26.0 | 26.0 | - | - | - | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | QB |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 202307001TH | Võ Thảo | CHT | 26.0 | 26.0 | - | - | - | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | OFF | VINCE |
| | | Tăng ca | - | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*Hình 2.53 Bảng chấm công khối công trình tháng 08/2025*

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy
67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢNG LƯƠNG THÁNG 8/2025**

| STT | MSNV | Họ và Tên | Phòng | Chức vụ | Ngày công CT | Lương và các khoản hỗ trợ | Lương BHXH | Hỗ trợ | Lương và phụ cấp theo ngày công TT | Phụ cấp công trình | Hỗ trợ tiền cơm | Khoản được hưởng Khác | Tổng thu nhập | BHXH Người LĐ đóng | Kinh phí công đoàn 1% LCB |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 200901001 | Lương Quang Vinh | Ban Chỉ Huy | Chỉ huy trưởng công trình | 26 | 22.000.000 | 4.410.000 | 17.590.000 | 22.000.000 | 4.400.000 | 1.560.000 | | 27.960.000 | 463.050 | 44.100 |
| 2 | 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Ban Chỉ Huy | Chỉ huy trưởng công trình | 8 | 20.000.000 | 4.410.000 | 15.590.000 | 6.153.846 | - | 200.000 | | 6.353.846 | 154.350 | 14.700 |
| 3 | 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Ban Chỉ Huy | Chỉ huy trưởng công trình | 5 | 20.000.000 | 4.410.000 | 15.590.000 | 3.846.154 | - | 130.000 | | 3.976.154 | 154.350 | 14.700 |
| 4 | 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Ban Chỉ Huy | Chỉ huy trưởng công trình | 1 | 20.000.000 | 4.410.000 | 15.590.000 | 769.231 | - | - | | 769.231 | 154.350 | 14.700 |
| 5 | 201209001 | Nguyễn Văn Thành | Ban Chỉ Huy | Chỉ huy trưởng công trình | 26 | 16.081.016 | 4.410.000 | 11.671.016 | 16.081.016 | - | 2.700.000 | | 18.781.016 | 463.050 | 44.100 |
| 6 | 202307001TH | Võ Thảo | Ban Chỉ Huy | CHT | 26 | 20.000.000 | 4.410.000 | 15.590.000 | 20.000.000 | - | - | 1.234.272 | 21.234.272 | 463.050 | 44.100 |
| Total | | | | | 92,0 | 118.081.016 | 26.460.000 | 91.621.016 | 68.850.247 | 4.400.000 | 4.590.000 | 1.234.272 | 79.074.519 | 1.852.200 | 176.400 |

*Hình 2.54 Bảng lương khối công trình tháng 08/2025*

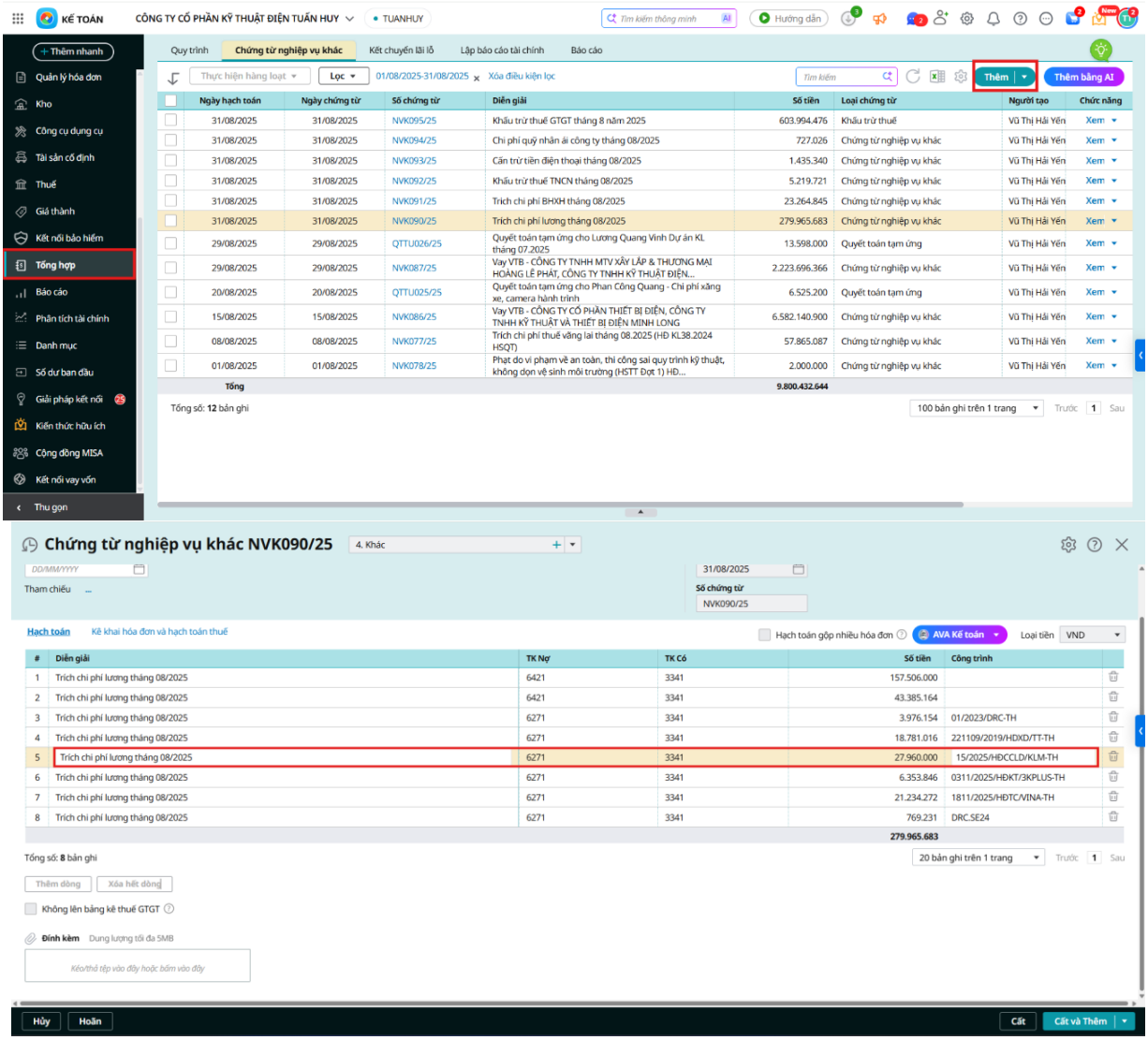


*Hình 2.55 Giao diện trích chi phí lương nghiệp vụ 8*

❖ Sau khi kế toán thực hiện trích chi phí lương tháng 08/2025, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, Sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu số S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2025**

| Ngày, tháng | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 6421 | 200,891,164 | |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | | 200,891,164 |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 6271 | 79,074,519 | |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | | 79,074,519 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.56 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 8*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy** — **Mẫu số S03b-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

**Năm 2025**

**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**

**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | 7.500.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | 9.000.000 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 3.792.600 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1.347.222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | 2.670.833 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.57 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 8*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Tài khoản: 627, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 627 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **852,392,917** | **852,392,917** |

*Hình 2.58 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6271 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 6271 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **168,072,971** | **168,072,971** |

*Hình 2.59 Trích sổ chi tiết TK 6271 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 9:** Ngày 16/08/2025 nhân viên phòng Nội chính tiến hành lập đề nghị thanh toán chi phí BHXH kèm theo Danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, căn cứ vào bảng trên ngày 31/08/2025 kế toán tiến hành trích các khoản BHXH, BHYT, BHTN do doanh nghiệp chịu trên tiền lương của người lao động. Các khoản trích này được tập hợp vào chi phí sản xuất chung đối với nhân viên quản lý công trình và ghi nhận vào các khoản phải nộp theo quy định. Sau khi kiểm tra và đối chiếu số liệu, kế toán thực hiện hạch toán trên phần mềm kế toán MISA AMIS.

❖ Nhân viên Nguyễn Thị Mỹ Diệu thuộc phòng Nội chính tiến hành lập đề nghị thanh toán kèm theo danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp BHXH, BHYT, BHTN

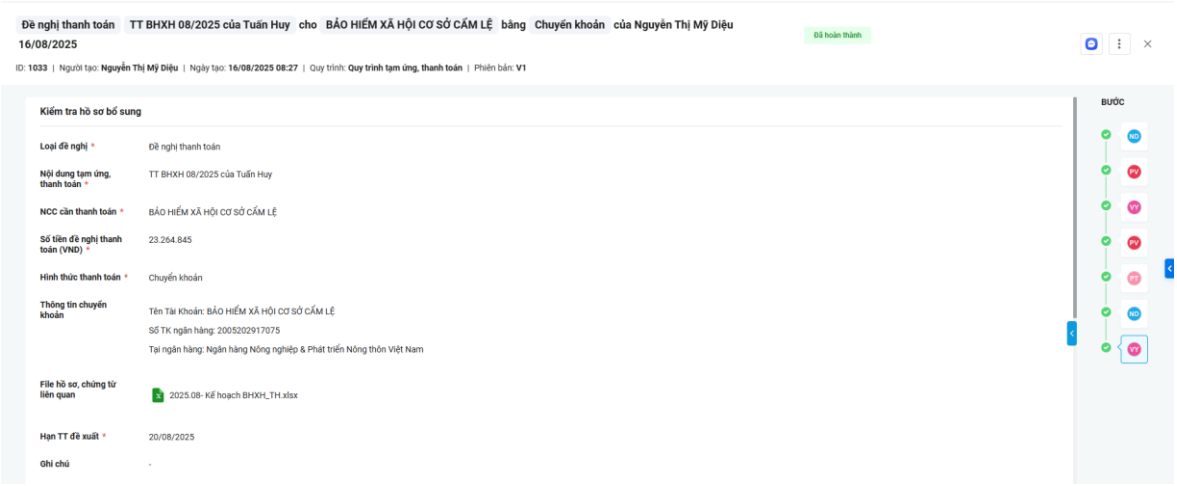


*Hình 2.60 Giao diện lập đề nghị thanh toán nghiệp vụ 9*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** Mã Đơn vị: TH2512H
**67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng**

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG VÀ QUỸ TIỀN LƯƠNG TRÍCH NỘP BHXH, BHYT, BHTN**
**THÁNG : 08/2025**

| STT | MSNV | Họ và tên | Bộ phận | Mức lương đóng bảo hiểm | Công ty đóng | | | | CBCNV đóng | | | | Tổng cộng | Tăng/Giảm | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | BHXH (17,5%) | BHTN (1%) | BHYT (3%) | Tổng (21,5%) | BHXH (8%) | BHYT (1,5%) | BHTN (1%) | Tổng (10,5%) | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9)=(6)+(7)+(8) | (10) | (11) | (12) | (13)=(10)+(11)+(12) | (14)=(9)+(13) | | |
| 1 | 200505001 | Phan Công Tuấn | Ban Giám đốc | 7.591.000 | 1.328.425 | 75.910 | 227.730 | 1.632.065 | 607.280 | 113.865 | 75.910 | 797.055 | 2.429.120 | | |
| 2 | 202408001TH | Huỳnh Thị Phương Thảo | Ban Giám đốc | 7.519.640 | 1.315.937 | 75.197 | 225.589 | 1.616.723 | 601.571 | 112.795 | 75.196 | 789.562 | 2.406.285 | | |
| 3 | 201207003 | Phan Thị Vũ | Khối Nội Chính | 4.672.000 | 817.600 | 46.720 | 140.160 | 1.004.480 | 373.760 | 70.080 | 46.720 | 490.560 | 1.495.040 | | |
| 4 | 201905008 | Nguyễn Đức Đạt Em | P.Mua hàng | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 5 | 202502001TH | Nguyễn Thị Mỹ Diệu | P.HCNS | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 6 | 202009003 | Phan Việt Hùng | P.TCKT | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 7 | 202311001TH | Vũ Thị Hải Yến | P.TCKT | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 8 | 201207002 | Phạm Công Tân | Khối PT Dự án | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 9 | 202205011 | Nguyễn Thị Hiền | Khối PT Dự án | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 10 | 202403001TH | Lê Văn Lý | Khối PT Dự án | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 11 | 202412002TH | Trần Hoàng Lân | Khối PT Dự án | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 12 | 202307001TH | Võ Thảo | Khối Thi công | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 13 | 200901001 | Lương Quang Vinh | Khối Thi công | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 14 | 200801001 | Nguyễn Đại Vương | Khối Thi công | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| 15 | 201209001 | Nguyễn Văn Thành | Khối Thi công | 4.410.000 | 771.750 | 44.100 | 132.300 | 948.150 | 352.800 | 66.150 | 44.100 | 463.050 | 1.411.200 | | |
| TỔNG CỘNG | | | | 72.702.640 | 12.722.962 | 727.027 | 2.181.079 | 15.631.068 | 5.816.211 | 1.090.540 | 727.026 | 7.633.777 | 23.264.845 | | |

**- Số tiền phát sinh trong đợt này:** 23.264.845 (1) **- Số lao động tăng trong kỳ:** -
**- Truy đóng (số tiền điều chỉnh tăng)** (2) **- Số lao động giảm trong kỳ:** -
**- Điều chỉnh giảm:** (3) **- Tổng số lao động tham gia:** 15
**- Số tiền kỳ trước chuyển sang** *** Thừa** (4)
*** Thiếu** (5)
*** Tiền Lãi** (6)
**- Số tiền phải nộp đợt này :** 23.264.845 (1)+(2)-(3)-(4)+(5)+(6)
**- Bằng chữ:**
**- Ngày hoàn thành:** trước 31/08/2025

*Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2025*

**Duyệt** **Phòng Kế toán** **Phòng Nhân sự** **Người lập**

*Hình 2.61 Danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp BHXH, BHYT, BHTN*

❖ Sau khi kế toán kiểm tra và thanh toán, vào ngày 31/08/2025 kế toán tiến hành trích chi phí BHXH tháng 08/2025 vào TK 627 – Chi phí sản xuất chung

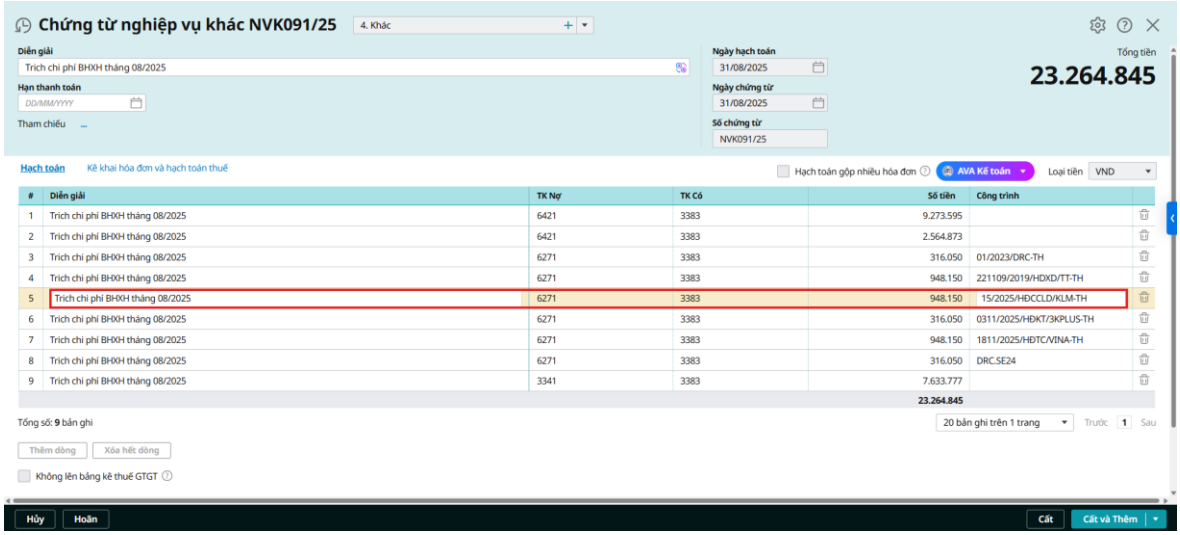


*Hình 2.62 Giao diện trích chi phí BHXH nghiệp vụ 9*

❖ Sau khi " Cất" phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, Sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ Số hiệu | Ngày, tháng | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh Nợ | Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 6421 | 11,838,468 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | | 11,838,468 |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 6271 | 3,792,600 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | | 3,792,600 |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3341 | 7,633,777 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | | 7,633,777 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.63 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 9*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**
**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 21/05/2025 | MDV261/25 | 21/05/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH CẦU TẢI TRINH NGUYỄN theo hóa đơn số 83 | 3311 | 7.500.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | MDV314/25 | 23/07/2025 | Mua hàng của CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT theo hóa đơn số 130 | 3311 | 9.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| 31/08/2025 | NVK091/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 3.792.600 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1.347.222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | MDV649/25 | 29/12/2025 | Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ theo hóa đơn số 00003953 | 3311 | 2.670.833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.64 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 9*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 627 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 23/07/2025 | 23/07/2025 | MDV314/25 | Cẩu MBA , tủ trung thế vào trạm và cẩu hạ 1 xe tủ trung thế tại KIM LONG MOTOR Huế . Xe cẩu BKS 43H02576 | 3311 | 9,000,000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/12/2025 | 29/12/2025 | MDV649/25 | Tiện ích sử dụng tại Dự án khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế theo Biên bản xác nhận | 3311 | 2,670,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **852,392,917** | **852,392,917** |

*Hình 2.65 Trích sổ chi tiết TK 627 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6271 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 6271 | | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK090/25 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 27,960,000 | |
| 31/08/2025 | 31/08/2025 | NVK091/25 | Trích chi phí BHXH tháng 08/2025 | 3383 | 948,150 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **168,072,971** | **168,072,971** |

*Hình 2.66 Trích sổ chi tiết TK 6271 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**Nghiệp vụ 10**: Ngày 30/09/2025, căn cứ vào Bảng tính khấu hao tài sản cố định, kế toán xác định chi phí khấu hao máy móc, thiết bị thi công phục vụ hoạt động sản xuất tại các công trình tháng 09/2025 là 1.347.222 đồng. Do các tài sản này phục vụ chung cho nhiều công trình nên kế toán thực hiện tập hợp vào tài khoản 6274 – Chi phí khấu hao tài sản cố định, sau đó phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trên phần mềm kế toán MISA AMIS.

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THEO NĂM**

*Đơn vị sử dụng: Khối Thi Công, Năm 2025*

| Mã TSCĐ | Tên TSCĐ | Ngày ghi tăng | Ngày bắt đầu tính khấu hao | Nguyên giá TSCĐ | Giá trị tính KH | Thời gian sử dụng (tháng) | Giá trị khấu hao tháng | Thời gian sử dụng lũy kế đầu kỳ (tháng) | Hao mòn lũy kế đầu kỳ | Giá trị khấu hao theo tháng | | | | | | | | | | | | | | Thời gian sử dụng lũy kế cuối kỳ (tháng) | Hao mòn lũy kế cuối kỳ | Thời gian SD còn lại (tháng) | Giá trị còn lại | TK nguyên giá | TK khấu hao | TK chi phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Tổng cộng | | | | | | | |
| Container40' DC | Container kho 40'DC | 01/12/2024 | 01/12/2024 | 48,500,000 | 48,500,000 | 36.00 | 1,347,222 | 1.00 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 1,347,222 | 16,166,664 | 13.00 | 17,513,886 | 23.00 | 30,986,114 | 2111 | 2141 | 6274 |
| **Tổng cộng** | | | | **48,500,000** | **48,500,000** | **36.00** | **1,347,222** | **1.00** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **1,347,222** | **16,166,664** | **13.00** | **17,513,886** | **23.00** | **30,986,114** | | | |

*Hình 2.67 Bảng tính khấu hao TSCĐ theo đơn vị sử dụng là khối thi công năm 2025*

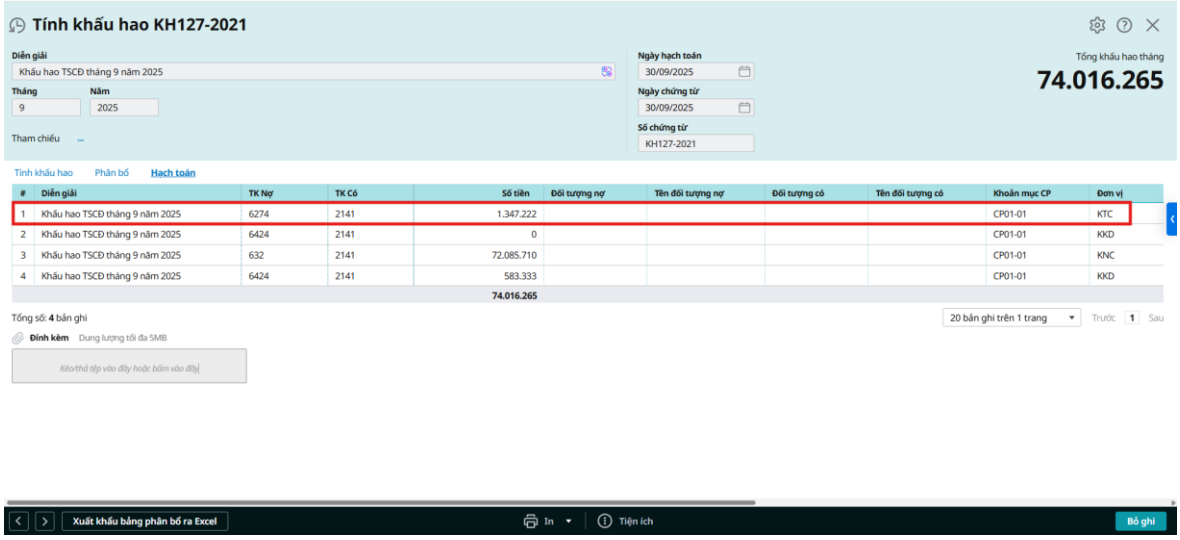


*Hình 2.68 Giao diện tính khấu hao TSCĐ nghiệp vụ 10*

❖ Sau khi thực hiện tính khấu hao TSCĐ, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết TK 6274

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 6274 | 1,347,222 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 1,347,222 |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 6424 | 583,333 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 583,333 |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 632 | 72,085,710 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 72,085,710 |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6273 | 1,270,833 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | | 1,270,833 |
| … | … | … | … | … | … | … |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.69 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 10*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy** | **Mẫu số S03b-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** | (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

**Năm 2025**

**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**

**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1,347,222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1,270,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.70 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 10*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy** | **Mẫu số S38-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** | (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Trích sổ chi tiết tài khoản**

**6274: Chi phí khấu hao TSCĐ**

| **Ngày, tháng ghi sổ** | **Chứng từ** | | **Diễn giải** | **TK đối ứng** | **Số phát sinh** | | **Số dư** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số hiệu** | **Ngày, tháng** | | | **Nợ** | **Có** | **Nợ** | **Có** |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | **- Số dư đầu kỳ** | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1,347,222 | | 1,347,222 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **- Cộng số phát sinh** | | **16,166,664** | **16,166,664** | | |
| | | | **- Số dư cuối kỳ** | | | | | |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.71 Trích sổ chi tiết TK 6274 nghiệp vụ 10*

**Nghiệp vụ 11**: Ngày 30/09/2025, căn cứ vào Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ giá trị công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động thi công công trình với số tiền 1.270.833 đồng. Do công cụ dụng cụ được sử dụng chung cho nhiều công trình nên chi phí được tập hợp vào chi phí sản xuất chung và cuối kỳ thực hiện phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức nguyên vật liệu trên phần mềm kế toán MISA AMIS.

**BẢNG TÍNH PHÂN BỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ THEO NĂM**

*Năm 2025*

| Mã CCDC | Tên CCDC | ĐVT | Ngày ghi tăng | Số lượng ghi tăng | Giá trị CCDC | Số kỳ phân bổ | Giá trị phân bổ tháng | Số kỳ đã phân bổ trước đó | Giá trị đã phân bổ trước đó | Giá trị phân bổ theo tháng | | | | | | | | | | | | | | Tổng số kỳ đã phân bổ | Tổng giá trị đã phân bổ | Số kỳ còn lại | Giá trị còn lại | Tài khoản chờ phân bổ | Tài khoản chi phí |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | Tháng 1 | Tháng 2 | Tháng 3 | Tháng 4 | Tháng 5 | Tháng 6 | Tháng 7 | Tháng 8 | Tháng 9 | Tháng 10 | Tháng 11 | Tháng 12 | Tổng cộng | | | | | | |
| EBS-400 | Kim ép cos thủy lực dùng, Pin Model: EBS-400 | Cái | 24/05/2024 | 1.00 | 14,800,000 | 15 | 986,667 | 8 | 7,893,336 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,662 | | | | | | 6,906,664 | 15 | 14,800,000 | | | 2422 | 6273 |
| EC-65M | Cắt cáp dùng Pin EC-65M | cặp | 24/05/2024 | 1.00 | 14,800,000 | 15 | 986,667 | 8 | 7,893,336 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,667 | 986,662 | | | | | | 6,906,664 | 15 | 14,800,000 | | | 2422 | 6273 |
| FL-135 | Bộ dụng cụ bóc tách vỏ cáp điện FL-135 | Cái | 24/05/2024 | 1.00 | 30,500,000 | 24 | 1,270,833 | 8 | 10,166,664 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 1,270,833 | 15,249,996 | 20 | 25,416,660 | 4 | 5,083,340 | 2422 | 6273 |
| GBH2-20DRE | Máy khoan gài 20li Bosch GBH2-20DRE 061125 A4K0 | | 03/06/2024 | 6.00 | 14,280,000 | 12 | 1,190,000 | 7 | 8,330,000 | 1,190,000 | 1,190,000 | 1,190,000 | 1,190,000 | 1,190,000 | | | | | | | | 5,950,000 | 12 | 14,280,000 | | | 2421 | 6273 |
| M9100B | Máy mài khuôn M9100B | | 03/06/2024 | 6.00 | 6,342,727 | 12 | 528,561 | 7 | 3,699,927 | 528,561 | 528,561 | 528,561 | 528,561 | 528,556 | | | | | | | | 2,642,800 | 12 | 6,342,727 | | | 2421 | 6273 |
| MAYKHOANVANVITPIN | Máy khoan vặn vít dùng Pin Bosch | | 03/09/2024 | 4.00 | 9,280,273 | 12 | 773,356 | 4 | 3,093,424 | 773,356 | 773,356 | 773,356 | 773,356 | 773,356 | 773,356 | 773,356 | 773,357 | | | | | 6,186,849 | 12 | 9,280,273 | | | 2421 | 6273 |
| MKTM Lan | Máy kiểm tra cáp mạng Lan Hioki 3665-20 | | 13/05/2023 | 1.00 | 9,210,000 | 24 | 383,750 | 20 | 7,675,000 | 383,750 | 383,750 | 383,750 | 383,750 | | | | | | | | | 1,535,000 | 24 | 9,210,000 | | | 2422 | 6273 |
| MKTMLAN3665 | Máy kiểm tra cáp mạng Lan Hioki 3665-20 | | 15/05/2023 | 1.00 | 9,210,000 | 24 | 383,750 | 20 | 7,675,000 | 383,750 | 383,750 | 383,750 | 383,750 | | | | | | | | | 1,535,000 | 24 | 9,210,000 | | | 2422 | 6273 |
| MTHP240 | May tính xách tay HP 240 | cái | 23/02/2023 | 1.00 | 14,454,545 | 24 | 602,273 | 23 | 13,852,279 | 602,266 | | | | | | | | | | | | 602,266 | 24 | 14,454,545 | | | 2422 | 6273 |
| **Tổng cộng** | | | | **22.00** | **122,877,545** | **162** | **7,105,857** | **105** | **702,788,966** | **7,105,850** | **6,503,584** | **6,503,584** | **6,503,584** | **5,736,079** | **4,017,523** | **4,017,523** | **2,044,190** | **1,270,833** | **1,270,833** | **1,270,833** | **1,270,833** | **47,515,239** | **158** | **117,994,205** | **4** | **5,083,340** | | |

*Bảng 2.72 Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ năm 2025*

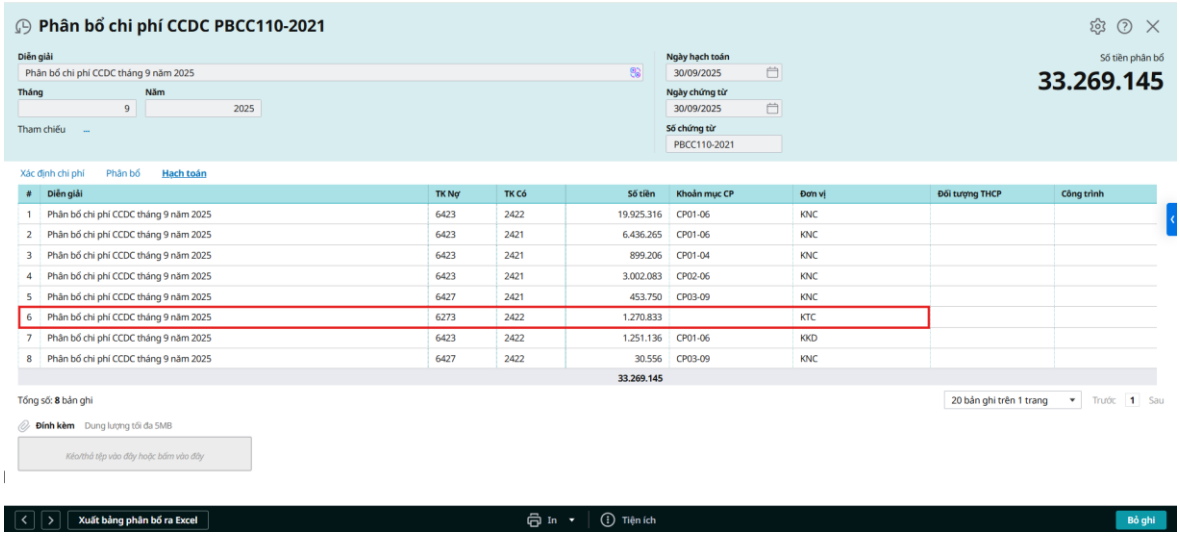

Phân bổ chi phí CCDC PBCC110-2021

Diễn giải: Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025
Tháng: 9 | Năm: 2025
Tham chiếu ...
Ngày hạch toán: 30/09/2025
Ngày chứng từ: 30/09/2025
Số chứng từ: PBCC110-2021
Số tiền phân bổ: 33.269.145

Xác định chi phí | Phân bổ | Hạch toán

| # | Diễn giải | TK Nợ | TK Có | Số tiền | Khoản mục CP | Đơn vị | Đối tượng THCP | Công trình |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6423 | 2422 | 19.925.316 | CP01-06 | KNC | | |
| 2 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6423 | 2421 | 6.436.265 | CP01-06 | KNC | | |
| 3 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6423 | 2421 | 899.206 | CP01-04 | KNC | | |
| 4 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6423 | 2421 | 3.002.083 | CP02-06 | KNC | | |
| 5 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6427 | 2421 | 453.750 | CP03-09 | KNC | | |
| 6 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6273 | 2422 | 1.270.833 | | KTC | | |
| 7 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6423 | 2422 | 1.251.136 | CP01-06 | KKD | | |
| 8 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6427 | 2422 | 30.556 | CP03-09 | KNC | | |
| | | | | 33.269.145 | | | | |

Tổng số: 8 bản ghi | 20 bản ghi trên 1 trang | Trước 1 Sau

Đính kèm Dung lượng tối đa 5MB
Kéo/thả tệp vào đây hoặc bấm vào đây

Xuất bảng phân bổ ra Excel | In | Tiện ích | Bỏ ghi

*Hình 2.73 Giao diện phân bổ chi phí CCDC nghiệp vụ 11*

❖ Sau khi thực hiện phân bổ chi phí CCDC, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 627, sổ chi tiết TK 6273

**Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY** — **Mẫu sổ S03a-DN**

**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam** — *(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**
**Năm 2025**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 6274 | 1,347,222 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 1,347,222 |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 6424 | 583,333 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 583,333 |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 632 | 72,085,710 | |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | | 72,085,710 |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 6273 | 1,270,833 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | | 1,270,833 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | x | **1,369,863,388,646** | **1,369,863,388,646** |

Ngày 31/12/2025

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.74 Trích sổ nhật ký chung nghiệp vụ 11*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S03b-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**TRÍCH SỔ CÁI**
**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**
**Năm 2025**
**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung**
**Số hiệu 627**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/08/2025 | NVK090/25 | 31/08/2025 | Trích chi phí lương tháng 08/2025 | 3341 | 79.074.519 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | KH127-2021 | 30/09/2025 | Khấu hao TSCĐ tháng 9 năm 2025 | 2141 | 1,347,222 | |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1,270,833 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **TỔNG CỘNG** | | **5.457.883.310** | **5.457.883.310** |

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Tổng giám đốc** |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

*Hình 2.75 Trích sổ cái TK 627 nghiệp vụ 11*

**Đơn vị : Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy**
**Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**Mẫu số S38-DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Trích sổ chi tiết tài khoản**
**6273: Chi phí dụng cụ sản xuất**

| **Ngày, tháng ghi sổ** | **Chứng từ** | | **Diễn giải** | **TK đối ứng** | **Số phát sinh** | | **Số dư** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Số hiệu** | **Ngày, tháng** | | | **Nợ** | **Có** | **Nợ** | **Có** |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | **- Số dư đầu kỳ** | | | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 30/09/2025 | PBCC110-2021 | 30/09/2025 | Phân bổ chi phí CCDC tháng 9 năm 2025 | 2422 | 1.270.833 | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | **- Cộng số phát sinh** | | **46.741.883** | **46.741.883** | | |
| | | | **- Số dư cuối kỳ** | | | | | |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |

*Hình 2.76 Trích sổ chi tiết TK 6273 nghiệp vụ 11*

#### 2.2.2.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

❖ Đặc điểm của kế toán tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Sản phẩm của Công ty là các công trình, hạng mục công trình điện – cơ điện được thi công theo đơn đặt hàng và hợp đồng với chủ đầu tư, nên kế toán giá thành được tổ chức theo từng công trình, hạng mục hoặc giai đoạn thi công, không mang tính sản xuất hàng loạt. Vì vậy, kế toán phải theo dõi chi tiết chi phí theo mã công trình để đảm bảo xác định giá thành chính xác.

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành công trình, chủ yếu gồm cáp điện, tủ điện trung thế, hạ thế, máy phát điện,… Vật tư thường được mua và giao thẳng đến công trình, không qua kho nên được hạch toán trực tiếp vào TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kèm đầy đủ chứng từ giao nhận để phục vụ quyết toán thuế.

Chi phí nhân công chủ yếu phát sinh từ thuê thầu phụ thực hiện các công việc như kéo cáp, lắp đặt tủ điện, đấu nối và chạy thử hệ thống. Do đó, chi phí thuê thầu phụ được hạch toán vào TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp.

Trước khi thi công, công ty lập dự toán chi phí để phục vụ ký kết hợp đồng và quản trị nội bộ, trong quá trình thực hiện, kế toán tập hợp chi phí thực tế để so sánh với dự toán nhằm đánh giá hiệu quả và xác định lãi, lỗ từng công trình, tuy nhiên giá dự toán không ghi nhận vào sổ kế toán.

Giá thành công trình thường được xác định theo từng đợt nghiệm thu thanh quyết toán, vì vậy chi phí chưa nghiệm thu được theo dõi trên TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chỉ khi có hồ sơ thanh quyết toán chi phí tương ứng mới được kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 – Giá vốn hàng bán. Đối với các công trình chưa nghiệm thu, chi phí tiếp tục được theo dõi trên TK 154 và chuyển sang kỳ kế toán sau.

❖ Kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành của công trình theo định kỳ hàng tháng. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thi công được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình trên TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Các khoản chi phí có thể được tập hợp trực tiếp hoặc phân bổ cho nhiều công trình theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nhằm đảm bảo hợp lý và nhất quán.

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632, 154, 621, 622, 627, sổ chi tiết tài khoản theo công trình.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất công trình hoàn thành theo định kỳ hàng tháng vào TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, TK 154 không chỉ phản ánh CPSXKD phát sinh trong kỳ mà còn phản ánh giá trị sản phẩm dở dang kỳ trước chuyển sang kỳ này và giá trị sản phẩm dở dang kỳ này chuyển sang kỳ sau.
- TK 632 - Giá vốn hàng bán: TK 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Bước 1: Tập hợp các chi phí trực tiếp phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình gồm: chi phí vật tư thiết bị điện, chi phí nhân công trực tiếp thi công, chi phí máy thi công và các chi phí trực tiếp khác có liên quan

Bước 2: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung như: lương quản lý công trình, chi phí lán trại, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản, chi phí điện nước, chi phí quản lý đội thi công… cho các công trình có liên quan theo tiêu thức NVL trực tiếp

Bước 3: Xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành để làm cơ sở tính giá thành thực tế công trình hoàn thành.

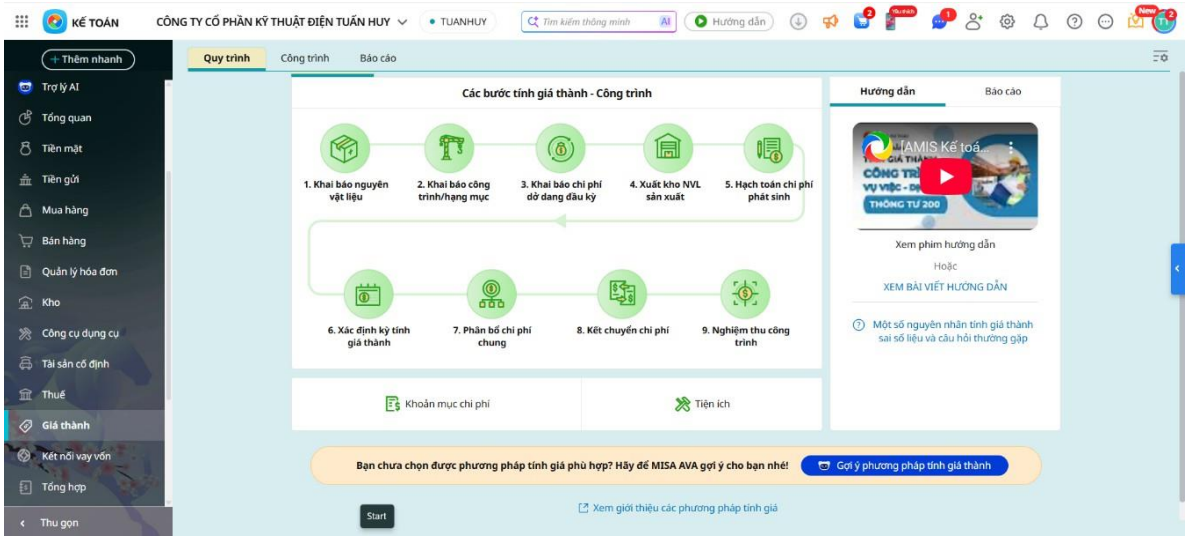


*Hình 2.77 Giao diện các bước tập hợp chi phí sản xuất trên phần mềm MISA AMIS*

❖ Từ nghiệp vụ phát sinh kế toán khi hạch toán chi phí sẽ tiến hành tập hợp các khoản chi phí phát sinh tương ứng cho công trình, sau đó đến cuối kì (tháng) kế toán tiến hành các bước theo hình 8.1 như sau:

Quy trình tính giá thành trên phần mềm MISA AMIS được thực hiện tại phân hệ **"Giá thành"**. Kế toán *tiến hành lựa chọn chức năng* ***"Thêm kỳ tính giá"***

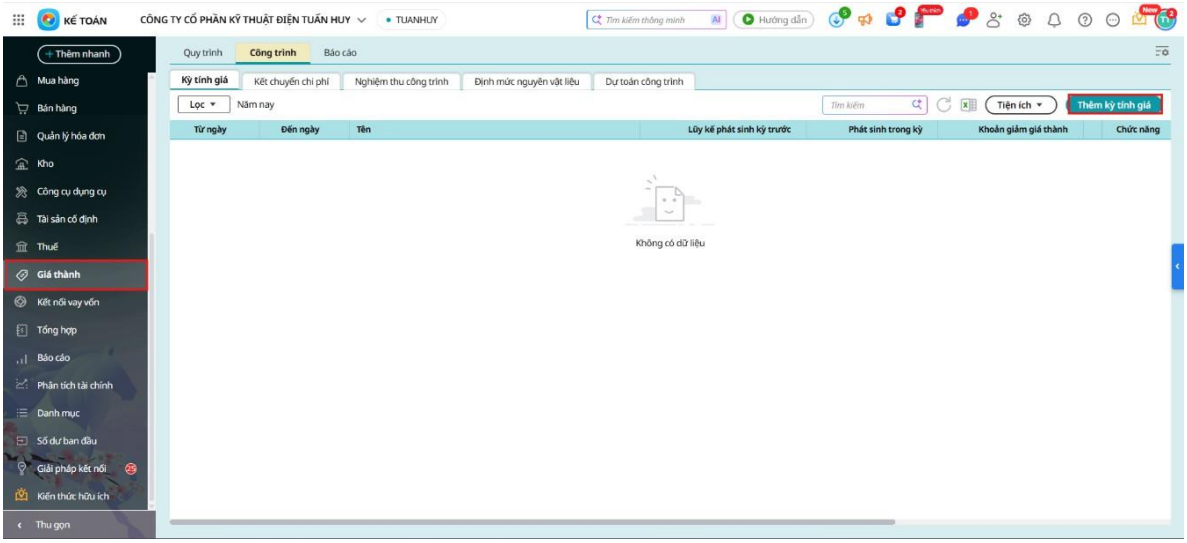


*Hình 2.78 Giao diện thêm kỳ tính giá trong tháng*

❖ Sau khi thêm kỳ tính giá, kế toán sẽ tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức NVLTT

❖ Khi đã thiết lập kỳ tính giá và phân bổ chi phí sản xuất chung, phần mềm sẽ tự động tổng hợp toàn bộ các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH và công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO CÔNG TRÌNH**

***Năm 2025***

| Mã công trình | Tên công trình | | | | | | Khoản giảm giá thành | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | NVL trực tiếp | Nhân công trực tiếp | Máy thi công | Chi phí chung | Tổng | | NVL trực tiếp | Nhân công trực tiếp | Máy thi công | Chi phí chung | Tổng |
| 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 29.126.109.026 | 1.800.000.000 | | 852.392.917 | 31.778.501.943 | | 29.126.109.026 | 1.800.000.000 | | 852.392.917 | 31.778.501.943 |
| 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH | Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 185.899.260 | 208.841.000 | | 36.948.392 | 431.688.652 | | 185.899.260 | 208.841.000 | | 36.948.392 | 431.688.652 |
| **Tổng cộng** | | **29.312.008.286** | **2.008.841.000** | | **889.341.309** | **32.210.190.595** | | **29.312.008.286** | **2.008.841.000** | | **889.341.309** | **32.210.190.595** |

*Hình 2.79 Bảng tổng hợp chi phí theo công trình*

❖ **Công trình 15//2025/HĐCCLD/KLM-TH**

Hàng tháng, kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được theo dõi chi tiết theo từng công trình.

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng chi phí sản xuất đã tập hợp của công trình là 31.778.501.943 đồng. Trong đó, phần chi phí tương ứng với khối lượng công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu đã được kết chuyển sang TK 632 – Giá vốn hàng bán với giá trị 29.778.501.943 đồng. Phần chi phí còn lại 2.000.000.000 đồng thuộc khối lượng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa được nghiệm thu được tiếp tục theo dõi trên TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến cuối kỳ.

**TRÍCH SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154 THEO CÔNG TRÌNH**

*Công trình: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH, Tài khoản: 154, Năm 2025*

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên công trình: Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | | | | | | |
| Tài khoản: 154 | | | | | | |
| 31/03/2025 | 31/03/2025 | KC384 | Kết chuyển chi phí 621 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 621 | 74.054.400 | |
| 31/03/2025 | 31/03/2025 | KC384 | Kết chuyển chi phí 6273 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6273 | 132.545 | |
| 31/03/2025 | 31/03/2025 | KC384 | Kết chuyển chi phí 6274 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6274 | 27.457 | |
| 31/03/2025 | 31/03/2025 | KC384 | Kết chuyển chi phí 6277 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6277 | 174.456 | |
| … | … | … | … | … | … | … |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 621 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 621 | 133.447.818 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 622 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 622 | 1.800.000.000 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 6272 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6272 | 79.123 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 6273 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6273 | 4.610 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 6274 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6274 | 4.887 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | KC398 | Kết chuyển chi phí 6277 của công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 6277 | 22.624.137 | |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NT273 | Nghiệm thu công trình Dự án Kim Long Khu phụ trợ GĐ 2 - 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH | 632 | | 5.388.370.591 |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **31.778.501.943** | **29.778.501.943** |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | **2.000.000.000** | |

*Hình 2.80 Trích chi tiết TK 154 theo công trình 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

❖ **Công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH**

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng và hồ sơ quyết toán công trình, kế toán thực hiện kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình từ TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK 632 – Giá vốn hàng bán để xác định giá thành thực tế và kết quả kinh doanh. Do công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH đã hoàn thành, được nghiệm thu và thanh lý trong kỳ nên đến ngày 31/12/2025, toàn bộ chi phí của công trình đã được kết chuyển hết, vì

vậy TK 154 không còn số dư liên quan đến công trình này.

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THEO CÔNG TRÌNH**

*Năm 2025*

| Mã công trình | Tên công trình | NVL trực tiếp | Nhân công trực tiếp | Máy thi công | Chi phí chung | Tổng | Khoản giảm giá thành | NVL trực tiếp | Nhân công trực tiếp | Máy thi công | Chi phí chung | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH | Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 185.899.260 | 208.841.000 | | 36.948.392 | 431.688.652 | | 185.899.260 | 208.841.000 | | 36.948.392 | 431.688.652 |
| **Tổng cộng** | | **185.899.260** | **208.841.000** | | **36.948.392** | **431.688.652** | | **185.899.260** | **208.841.000** | | **36.948.392** | **431.688.652** |

*Hình 2.81 Bảng tổng hợp chi phí theo công trình*

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2), Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2)** | | | | | | |
| **Tài khoản: 154** | | | | | | |
| 31/05/2025 | 31/05/2025 | KC386 | Kết chuyển chi phí 621 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 621 | 185.899.260 | |
| 31/05/2025 | 31/05/2025 | KC386 | Kết chuyển chi phí 6272 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 6272 | 27.111.060 | |
| 31/05/2025 | 31/05/2025 | KC386 | Kết chuyển chi phí 6273 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 6273 | 622.174 | |
| 31/05/2025 | 31/05/2025 | KC386 | Kết chuyển chi phí 6274 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 6274 | 146.129 | |
| 31/05/2025 | 31/05/2025 | KC386 | Kết chuyển chi phí 6277 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 6277 | 9.069.029 | |
| 30/06/2025 | 30/06/2025 | KC387 | Kết chuyển chi phí 622 của công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 622 | 208.841.000 | |
| 31/07/2025 | 31/07/2025 | NT263 | Nghiệm thu công trình Dự án Kim Long -Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 632 | | 431.688.652 |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **431.688.652** | **431.688.652** |

*Hình 2.82 Sổ chi tiết TK 154 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

Giá thành công trình 19A/HĐCCLD/KLM-TH = 185.899.260 + 208.841.000 + 36.948.392 = 431.688.652

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632 THEO CÔNG TRÌNH**

***Công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2), Năm 2025***

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải | TK đối ứng | Số tiền Nợ | Số tiền Có |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên công trình: Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2)** | | | | | | |
| **Tài khoản: 632** | | | | | | |
| 31/07/2025 | 31/07/2025 | NT263 | Nghiệm thu công trình Dự án Kim Long - Thi công di dời trạm biến áp T1 1000KVA (GĐ2) | 154 | 431.688.652 | |
| | | | **Cộng phát sinh** | | **431.688.652** | |
| | | | **Số dư cuối kỳ** | | | |

*Hình 2.83 Sổ chi tiết TK 632 theo công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

# CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT, Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẰM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

## 3.1 Đánh giá chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Tuấn Huy, có thể nhận thấy công tác kế toán tại công ty được tổ chức tương đối khoa học, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thi công xây lắp, đặc biệt là thi công hệ thống điện và M&E công trình. Bộ máy kế toán được xây dựng gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các chức năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và ra quyết định của ban lãnh đạo công ty.

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện hạch toán chi phí và tính giá thành công trình tương đối đầy đủ, kịp thời. Việc sử dụng phần mềm kế toán MISA AMIS đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán, giúp kế toán kiểm soát tốt các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đặc biệt là các nghiệp vụ liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành công trình.

### 3.1.1 Những ưu điểm

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, với sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn phù hợp, nắm vững chế độ kế toán và có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực xây dựng – thi công công trình.
- Công ty áp dụng hình thức kế toán trên phần mềm MISA AMIS, giúp việc ghi sổ kế toán được thực hiện tự động, đồng bộ và nhất quán giữa các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận kịp thời, số liệu kế toán có độ chính xác cao và dễ dàng tra cứu, đối chiếu khi cần thiết. Hình thức ghi sổ này phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của công ty, góp phần giảm khối lượng công việc thủ công cho kế toán.
- Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty được xây dựng tương đối chặt chẽ, có sự phối hợp giữa Ban chỉ huy công trình, bộ phận nội chính, bộ phận kế toán và ban lãnh đạo công ty. Các chứng từ phát sinh trong quá trình thi công như đề nghị vật tư, hóa đơn mua hàng, biên bản giao nhận, hồ sơ nghiệm thu, đề nghị thanh toán… đều được kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ trước khi hạch toán. Việc áp dụng quy trình phê duyệt chứng từ trên phần mềm MISA AMIS giúp tăng cường tính minh bạch, kiểm soát tốt các khoản chi phí phát sinh.
- Công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành công trình được thực hiện tương đối phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp xây dựng. Chi phí sản xuất được tập hợp

đầy đủ theo từng công trình, hạng mục công trình. Việc phân loại chi phí theo các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí và phục vụ cho việc tính giá thành chính xác. Giá thành công trình được xác định trên cơ sở chi phí thực tế đã phát sinh và chỉ thực hiện kết chuyển khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành, nghiệm thu theo quy định.

### 3.1.2 Những hạn chế

Một trong những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý chi phí tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy là doanh nghiệp vẫn phụ thuộc khá nhiều vào các đơn vị thầu phụ trong quá trình thi công công trình. Việc sử dụng thầu phụ giúp công ty linh hoạt trong việc bố trí nhân lực theo từng giai đoạn thi công, đồng thời giảm áp lực về tuyển dụng và quản lý lao động thường xuyên. Tuy nhiên, hình thức này cũng làm phát sinh nhiều bất cập trong công tác quản lý chi phí và tổ chức thi công.

Cụ thể, chi phí thuê thầu phụ thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí nhân công trực tiếp của công trình do đơn giá thuê đã bao gồm các khoản chi phí quản lý và lợi nhuận của đơn vị nhận thầu. Điều này làm gia tăng chi phí thi công và ảnh hưởng đến khả năng tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc phụ thuộc vào thầu phụ còn khiến công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng thi công, tiến độ thực hiện công trình và năng suất lao động. Trong trường hợp đơn vị thầu phụ không đáp ứng đủ nguồn nhân lực hoặc thi công không đúng tiến độ, doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng đến thời gian nghiệm thu, bàn giao công trình cũng như uy tín đối với chủ đầu tư.

Ngoài ra, công tác theo dõi, nghiệm thu khối lượng và thanh toán cho các đơn vị thầu phụ cũng làm tăng khối lượng công việc của bộ phận kỹ thuật và kế toán, dẫn đến việc kiểm soát chi phí trở nên phức tạp hơn.

## 3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Để khắc phục hạn chế trên, công ty nên từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ thi công nội bộ ổn định, có tay nghề và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Việc chủ động được nguồn nhân lực thi công sẽ giúp công ty giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị thầu phụ, từ đó tiết kiệm chi phí thuê ngoài và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất.

Bên cạnh đó, đội ngũ thi công nội bộ sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc bố trí nhân sự, điều phối công việc và kiểm soát tiến độ thực hiện công trình. Công ty cũng có thể theo dõi chặt chẽ chất lượng thi công, nâng cao trách nhiệm của người lao động và hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Đồng thời,

việc quản lý trực tiếp lực lượng thi công còn giúp công tác tập hợp chi phí, đánh giá hiệu quả từng công trình và tính giá thành được thực hiện chính xác hơn.

Trong dài hạn, giải pháp này không chỉ góp phần giảm giá thành công trình, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn tăng năng lực cạnh tranh của công ty khi tham gia đấu thầu các dự án xây lắp trong tương lai.

**KẾT LUẬN**

Qua đợt thực tập tốt nghiệp tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy, em đã tích lũy được nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế quý báu. Hiểu rõ hơn về quy trình kế toán trong doanh nghiệp thi công xây lắp, đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình.

Bên cạnh việc củng cố kiến thức chuyên môn, còn học được các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng phối hợp với các bộ phận liên quan. Đây là những kỹ năng quan trọng giúp thích nghi tốt hơn với môi trường làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

# PHỤ LỤC

## *Phụ lục 01 Nghiệp vụ 1*

TUANHUY Electric

67 - 69 - 71 Nguyen Hang Street, Hoa Tho Dong Ward, Cam Le District, Da Nang City, Viet Nam

NHÀ THẦU HỆ THỐNG ĐIỆN TỐI ƯU NHẤT

Tel: (84) 905 641 117 Phone: (84) 236 3959 393 Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com Website: www.tuanhuyco.com

**PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ 11**

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Công trình** | **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ** | **Ngày đề nghị** | ***Đà Nẵng, ngày 11 tháng 07 năm 2025*** |
| **Hạng mục** | **CUNG CẤP THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ; NHÀ MÁY SẢN XUẤT LẮP RÁP XE Ô TÔ CON; KHU PHỤ TRỢ - GIAI ĐOẠN 2** | **Ngày cần** | |
| **Người đề nghị** | **Lê Tấn Nghĩa** | **Chỉ huy trưởng** | |

| STT | Tên vật tư | Mã hàng | ĐVT | SL Dự thầu | SL đã đề nghị | SL đề nghị | Nhãn hiệu/ Xuất xứ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bulong M12 (chiều dài 70mm2) + Ecu M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | | Bộ | - | 200,00 | Việt Nam/ Tân Cơ | 25 bộ / 1 máy biến áp |
| 2 | Long đền phẳng M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | | Bộ | - | 200,00 | Việt Nam/ Tân Cơ | 50 bộ / 1 máy biến áp |
| | Long đền vênh M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | | Bộ | - | 200,00 | Việt Nam/ Tân Cơ | 50 bộ / 1 máy biến áp |

*Đà Nẵng, ngày 11 tháng 07 năm 2025*
CHỈ HUY TRƯỞNG

**Lương Quang Vinh**

*Phiếu yêu cầu vật tư 11 nghiệp vụ 1*

TUANHUY Electric

67 - 69 - 71 Nguyen Hang Street, Hoa Tho Dong Ward, Cam Le District, Da Nang City, Viet Nam

NHÀ THẦU HỆ THỐNG ĐIỆN TỐI ƯU NHẤT

Tel: (84) 905 641 117 Phone: (84) 236 3959 393 Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com Website: www.tuanhuyco.com

**PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ 09**

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Công trình** | **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ** | **Ngày đề nghị** | ***Đà Nẵng, ngày 20 tháng 06 năm 2025*** |
| **Hạng mục** | **CUNG CẤP THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ; NHÀ MÁY SẢN XUẤT LẮP RÁP XE Ô TÔ CON; KHU PHỤ TRỢ - GIAI ĐOẠN 2** | **Ngày cần** | |
| **Người đề nghị** | **Lê Tấn Nghĩa** | **Chỉ huy trưởng** | |

| STT | Tên vật tư | Mã hàng | ĐVT | SL Dự thầu | SL đã đề nghị | SL đề nghị | Nhãn hiệu/ Xuất xứ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **THANG CÁP** | | | | | | | |
| 1 | Thang cáp 600x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | m | 15,00 | - | **22,90** | STPower | Mặt bằng |
| 2 | Thang cáp 300x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | m | - | - | **7,50** | STPower | Mặt bằng |
| **B** | **PHỤ KIỆN** | | | | | | | |
| 1 | Tê đều Thang cáp 600x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | cái | - | - | **4,00** | STPower | Tê đều 600x100 |
| 2 | Co xuống Thang cáp 600x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | cái | - | - | **4,00** | STPower | Co xuống |
| 3 | Ngã tư Thang cáp 600x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | cái | - | - | **1,00** | STPower | Ngã tư 600-600-600-600x100 |
| 4 | Co xuống Thang cáp 300x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | cái | - | - | **1,00** | STPower | Co xuống |
| 5 | Giảm giữa Thang cáp 600/300x100x1,5mm tole đen sơn tĩnh điện, RAL 7035 | | cái | - | - | **1,00** | STPower | Nối giảm 600/300x100 |
| **C** | **VẬT TƯ PHỤ** | | | | | | | |
| 1 | Thanh Đỡ U đa năng 41×41x2mm (đục lỗ), dài 3 mét | Mạ kẽm nhúng nóng | cây 3m | | - | **10,00** | Việt Nam | |
| 2 | Ty treo M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | cây 3m | | - | **20,00** | Việt Nam | |
| 3 | Thanh đồng nối PE thang cáp | Tole đen sơn tĩnh điện | cái | | - | **50,00** | STPower | |
| 4 | Kẹp thang cáp | Tole đen sơn tĩnh điện | Cái | | - | **50,00** | STPower | |
| 5 | Ecu M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | cái | | - | **200,00** | Việt Nam | |
| 6 | Vòng đệm Phi 12 (loại dày, đường kính trong 12-đường kính ngoài 20mm | Mạ kẽm nhúng nóng | cái | | - | **200,00** | Việt Nam | |
| 7 | Đệm Vênh phi 12 | Mạ kẽm nhúng nóng | cái | | - | **200,00** | Việt Nam | |

| STT | Tên vật tư | Mã hàng | ĐVT | SL Dự thầu | SL đã đề nghị | SL đề nghị | Nhãn hiệu/ Xuất xứ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Tắc kê sắt rút M12 | Mạ kẽm nhúng nóng | cái | | - | **50,00** | Việt Nam | |
| 9 | U 100x50x100(LxWxH) dày 5mm, khoan 2 lỗ trên(L) phi 14 + 1 lỗ dưới(L) phi 14 | Mạ kẽm nhúng nóng | cái | | - | **50,00** | 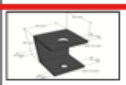 | |

*Đà Nẵng, ngày 20 tháng 06 năm 2025*
CHỈ HUY TRƯỞNG

*Phiếu yêu cầu vật tư 09 nghiệp vụ 1*

CÔNG TY CP TM & TƯ VẤN TÂN CƠ
ĐƠN VỊ: CN ĐÀ NẴNG

| Số: 417-DNG/BBGN-R00 |
|---|
| Ngày 15/7/2025 |

# BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Chúng tôi gồm:

**A. BÊN GIAO HÀNG:** **CN CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN TÂN CƠ TẠI TP ĐÀ NẴNG**

1. Ông (bà): Lê Hoàng Duy — Chức vụ: Bp kho — SĐT: 0936.060.121

**B. BÊN VẬN TẢI:** BSX:

1. Ông (bà): — Chức vụ: Lái xe — SĐT:

CCCD/GPLX số: — Ngày cấp: — Nơi cấp:

**C. BÊN NHẬN HÀNG:** **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

1. Ông (bà): Anh Quyền — Chức vụ: Lái xe — SĐT:0905.211.086

Đạt Em — Chức vụ: PTVT — SĐT:0905.711.443

CCCD số: — Ngày cấp: — Nơi cấp:

Tiến hành xác nhận số lượng hàng hóa giao nhận cụ thể như sau:

**I. TẠI NƠI NHẬN HÀNG:**

***1. Địa chỉ:*** 111-113 Lê Hiến Mai-P. Hòa Minh- Q. Liên Chiểu- Tp Đà Nẵng

***2. Thời gian xe đến:*** ***Thời gian nhận hàng xong:***

***3. Hàng hóa:***

| Số TT | Tên hàng - quy cách | ĐVT | Số lượng | Đóng gói | | Trọng lượng (kg) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Loại bao bì | Số kiện | | |
| 1 | **Hàng MKNN** | | | | | | |
| 1 | Ty ren M12x3000 | Cây | 20 | | | | |
| 2 | Ecu M12 nhúng nóng | Con | 200 | | | | |
| 3 | Đệm phẳng M12 | Con | 400 | | | | |
| 4 | Đệm vênh M12 | Con | 400 | | | | |
| 5 | Tacke nở M12x100 | Bộ | 50 | | | | |
| 6 | Bulong M12x70 | B=TE | 200 | | | | |
| **Tổng cộng** | | | **1,270** | | | | |

**II. TẠI NƠI GIAO HÀNG:**

***1. Địa chỉ:*** Tại kho Tân Cơ

***2. Thời gian xe đến:*** ***Thời gian giao hàng xong:***

***3. Tình trạng hàng hóa*** (Trường hợp bao bì đóng gói không còn nguyên vẹn hoặc có sự sai khác về số lượng/chất lượng hàng hóa, Bên nhận hàng có trách nhiệm ghi chi tiết sự sai khác ở mã hàng nào và loại bao bì đóng gói nào... vào Biên bản này với sự xác nhận của Bên vận tải; nếu không coi như "Số lượng hàng hóa đã nhận đủ và chất lượng hàng đạt yêu cầu". Đối với sản phẩm lắp xiết cần kiểm đếm chi tiết hơn, Bên nhận hàng có trách nhiệm phản hồi sự sai lệch về số liệu giao nhận cho Bên giao hàng biết trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu sau 03 ngày mà Bên nhận hàng không có phản hồi gì thì coi như đã đồng ý với số liệu của Biên bản này cũng như các chứng từ kèm theo - trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác hơn):

***4. Tình trạng hồ sơ - chứng từ*** *(Trường hợp bị thiếu hồ sơ - chứng từ đi kèm thì ghi rõ thiếu chứng từ, tài liệu nào; nếu không coi như đã nhận đủ)* :

Biên bản được lập thành 04 (bốn) bản. Bên giao hàng giữ 02 bản (01 bản có chữ ký của bên vận tải và bên giao hàng khi giao hàng; 01 bản có đầy đủ chữ ký của cả 3 bên do bên vận tải chuyển trả). Bên vận tải và bên nhận hàng mỗi bên giữ 01 bản có đầy đủ chữ ký của cả 3 bên.

| BÊN GIAO HÀNG | BÊN VẬN TẢI | BÊN NHẬN HÀNG |
|---|---|---|
| (Ký và ghi rõ họ tên) | (Ký và ghi rõ họ tên) | (Ký và ghi rõ họ tên) |
| Lê Hoàng Duy | | |

*Biên bản giao nhận hàng hóa nghiệp vụ 1*

*Phụ 02 Nghiệp vụ 2*

TUANHUY Electric

NHÀ THẦU HỆ THỐNG ĐIỆN TỐI ƯU NHẤT

67 - 69 - 71 Nguyen Hang Street, Hoa Tho Dong Ward, Cam Le District, Da Nang City, Viet Nam
Tel: (84) 905 641 117
Phone: (84) 236 3959 393
Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com
Website: www.tuanhuyco.com

**PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ 01**

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Công trình** | **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ** | **Ngày đề nghị** | |
| **Hạng mục** | **THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA** | **Ngày cần** | |
| **Người đề nghị** | **Lê Tấn Nghĩa** | **Chỉ huy trưởng** | |

| STT | Tên vật tư | Mô tả | Mã sản phẩm | Đơn vị tính | SL Dự thầu | SL đã đề nghị | SL Đề nghị đợt này | Nhãn hiệu/ Xuất xứ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trụ BTLT trung thế đơn 14m | | | Trụ | 9,00 | | 9,00 | 504 | |
| 2 | FCO 100 A - 27 kV - 150k kV BIL, sứ (có bass) +Dây chì 65K, dài 584 mm+Sứ tăng cường FCO, polymer | | | Cái | 3,00 | | 3,00 | Tuấn Ân | |
| 3 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, Polymer + Phụ kiện | | | Bộ | 12,00 | | 12,00 | Tuấn Ân | |
| 4 | LA 21 kV - MCOV 17,0 - 10 kA kèm Bass LI | | | Bộ | 3,00 | | 3,00 | Tuấn Ân | |
| 5 | Sứ đứng 24 kV | | | Cái | 18,00 | | 24,00 | Minh Long 2 | |
| 6 | Cụm chống rớt dây<br>Bao gồm:<br>- 12 chuỗi sứ Polymer<br>- 06 tấm bắt sứ<br>- 06 bộ U + yếm + Giáp níu dây bọc | | | Cái | 1,00 | | 1,00 | Việt Nam | Trụ đầu nối |
| 7 | Cụm đầu rẽ dây bọc CĐR-AV95-CĐR-AV240<br>(Bao gồm: Cụm đầu rẽ và dụng cụ bảo vệ phóng điện cho dây bọc, Ghíp trung thế IPC 70-300, loại 2 bulon, Kẹp nhánh rẽ cho dây bọc) | | | Cái | 6,00 | | 6,00 | Việt Nam | Trụ đầu nối |
| 8 | Chụp su FCO | | | Cái | 3,00 | | 3,00 | Việt Nam | Đỏ, vàng, xanh |
| 9 | Chụp su Chống sét van | | | Cái | 3,00 | | 3,00 | Việt Nam | Đỏ, vàng, xanh |
| 10 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | | | Mét | 1.438,00 | | 1.300,00 | Cadivi/ Cadisun | |

| STT | Tên vật tư | Mô tả | Mã sản phẩm | Đơn vị tính | SL Dự thầu | SL đã đề nghị | SL Đề nghị đợt này | Nhãn hiệu/ Xuất xứ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

*Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2025*

CHỈ HUY TRƯỞNG

**Lương Quang Vinh**

*Đề nghị vật tư nghiệp vụ 2*

# CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG DƯƠNG

MST : 0402151746
Văn phòng giao dịch : 204 Quách Thị Trang, P.Hòa Xuân , Q. Cẩm Lệ , Tp. Đà Nẵng
Email: thietbidiendangduong.vn@gmail.com
ĐT: 094 880 6679

## BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Tên KH CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TUẤN HUY
Địa chỉ: 67-69-71 Nguyễn Hàng, P Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng
ĐT : Anh Đạt

Ngày 12 tháng 05 năm 2025

| STT | Danh mục | Nhà SX | Mã SP | ĐVT | Số Lượng | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | FCO 100 A - 27 kV - 150k kV BIL, sứ (không bass) | *Tuấn Ân* | | cái | 3 | |
| 2 | Bass FCO | *Tuấn Ân* | | cái | 3 | |
| 3 | Dây chì 65K, dài 584 mm | *Tuấn Ân* | | sợi | 3 | |
| 4 | Sứ tăng cường FCO, LBFCO, polymer | *Tuấn Ân* | | cái | 3 | |
| 5 | Chuỗi treo 24Kv - 70KN, Polymer | *Tuấn Ân* | | cái | 21 | |
| 6 | Móc Umani mạ nhúng nóng | *VN* | | cái | 12 | |
| 7 | LA 21KV - MCOV 17.0 - 10KA | *Tuấn Ân* | | cái | 1 | |
| 9 | Móc Umani mạ nhúng nóng | *VN* | | cái | 12 | |
| 10 | Giáp níu dây bọc ADG2450-BP, dài 1390mm, 24,1 ÷ 28,1mm (185-240mm2) | *Polymer Alpha* | | sợi | 6 | |
| 11 | Bộ U + Yếm cho giáp níu MNN- lớn | *VN* | | bộ | 6 | |
| 12 | Nối bọc IPC trung thế 300, tiếp địa | *Tuấn Ân* | | cái | 3 | |
| 13 | Bar tiếp địa nhôm | *Tuấn Ân* | | cái | 3 | |
| 14 | Kẹp đấu rẽ TA-CDB 86 93G28 - 95mm2 | *Tuấn Ân* | | cái | 6 | |
| 15 | Chụp trên FCO ( 3 màu) | *Song Hào* | | cái | 3 | |
| 16 | Chụp dưới FCO ( 3 màu) | *Song Hào* | | cái | 3 | |
| 17 | Chụp LA ( 3 màu) | *Song Hào* | | cái | 3 | |
| 18 | Sứ đứng Pinpost 24kV + ty, ĐR 600 | *Minh Long* | | bộ | 24 | |

Quý khách vui lòng giữ lại phiếu này để xuất hóa đơn và bảo hành sản phẩm
Quý khách vui lòng kiểm tra hàng hóa khi bàn giao ( chủng loại, số lượng, bể vỡ..)

Bên Mua Hàng

Bên Bán Hàng

*Biên bản giao nhận hàng nghiệp vụ 2*

***Phụ lục 03 Nghiệp vụ 3***

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*Ngày 02 tháng 01 năm 2026*

*Mã CQT: 0099CCD7CE8B024D6F9E663A4E9441DDBD*

Ký hiệu: **1C26TSE**
Số: **00000001**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24**

Mã số thuế: **0402073054**

Địa chỉ: Số 2 Hoa Phượng 1, Euro Villa 1, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản: 114003008880 - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Hàn

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

Mã số thuế: 0400490380

Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Giá trị khối lượng hoàn thành quyết toán Hợp đồng kinh tế số: 15/2025/HĐTC ký ngày 01/06/2025 của Dự án Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế thuộc Gói thầu: "Cung cấp, thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ, nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô con Khu phụ trợ - Giai đoạn 2". | Gói | 1,00 | 1.800.000.000,00 | 1.800.000.000 |
| | | | | Cộng tiền hàng: | **1.800.000.000** |
| Thuế suất GTGT: | | | **8%** | Tiền thuế GTGT: | **144.000.000** |
| | | | | Tổng tiền thanh toán: | **1.944.000.000** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng.***

**Người mua hàng**
*(Chữ ký số (nếu có))*

**Người bán hàng**
*(Chữ ký điện tử, chữ ký số)*

Signature Valid
*Ký bởi*: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24
*Ký ngày*: 02/01/2026

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu: **KZFKI6NPXJZD**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

*Hóa đơn GTGT nghiệp vụ 3*

*Trích hợp đồng nhà thầu phụ Công ty TNHH dịch vụ SE24 nghiệp vụ 3*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----ꕥ📖ꕥ----

# HỢP ĐỒNG

## THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ

**TÊN CÔNG TRÌNH :**
**KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ**

**ĐỊA ĐIỂM :**
**KHU KINH TẾ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ, XÃ CHÂN MÂY – LĂNG CÔ, THÀNH PHỐ HUẾ**

**TP. Đà Nẵng, THÁNG 06 NĂM 2025**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025*

# HỢP ĐỒNG
## THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ

Số: 15/2025/HĐTC

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 11 kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Căn cứ nghị định 37/2015/NĐ-CP Ngày 15/06/2015 của chính phủ về quy định chi tiết hợp đồng xây dựng.
- Nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2025, tại văn phòng **CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**, chúng tôi gồm:

**I/ Bên giao thầu** : **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
Địa chỉ : Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0400490380
Đại diện là : Ông **Phan Công Tuấn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
**Sau đây gọi tắt là Bên A**

**II/ Bên nhận thầu** : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24**
Địa chỉ : Số 2 Hoa Phượng 1, Euro Villa 1, Phường An Hải, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0402073054
Đại diện là : Bà **Phan Thị Vũ** Chức vụ: Giám Đốc
Tài khoản : 114003008880 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Hàn
**Sau đây gọi tắt là Bên B**

**HAI BÊN THOẢ THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THI CÔNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:**

**Điều 1. Nội dung của hợp đồng:**

Bên A giao cho Bên B và bên B đồng ý thực hiện việc:

Thi công hệ thống cơ điện của gói thầu: ***"Cung cấp, thi công thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ; nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô con; khu phụ trợ - giai đoạn 2"***

**Điều 2. Giá trị hợp đồng:**

- **Tổng giá trị hợp đồng (Bao gồm VAT 8%) là 1.944.000.000 VNĐ**

*(Bằng chữ: : Một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng./.)*

*(Đính kèm bảng giá hợp đồng)*

- Giá Trị Hợp Đồng nêu trên là Hợp đồng đơn giá cố định, khối lượng nghiệm thu theo thực tế.
- Giá Trị Hợp Đồng là đã bao gồm toàn bộ chi phí hoàn thành toàn bộ công việc lắp đặt theo Hợp đồng và thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như: bảo hiểm, bảo hành, bảo lãnh, quản lý, lợi nhuận. Các khoản thuế, phí, lệ phí, trang thiết bị dụng cụ đồ nghề, chi phí vận chuyển trong phạm vi công trường, chi phí điện nước phục vụ thi công và vệ sinh, trang thiết bị bảo hộ & an toàn lao động, chi phí quản lý, BHXH, BHTN, BHYT, phí công đoàn cho người lao động…. của Bên B.
- Giá trị Hợp đồng là đã bao gồm chi phí hoàn thành tất cả các công việc quy định tại Hồ Sơ Hợp Đồng và các công tác phối hợp và công trình phụ trợ cần thiết phù hợp với trình tự công việc và biện pháp thi công để kết hợp với các nhà thầu khác trên Công Trường.
- Đơn giá hợp đồng đã bao gồm các chi phí phát sinh khác như: Chi phí lạm phát, chi phí phát sinh do việc kéo dài tiến độ do lỗi của Nhà thầu, chi phí tăng giá, máy móc thiết bị, nhân công, chi phí tăng ca đảm bảo tiến độ công trình, để hoàn thành toàn bộ các công việc theo hợp đồng.
- Thuế VAT: Thuế suất VAT sẽ được tính theo thời điểm, theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- Giá trị hợp đồng trên có thể được điều chỉnh trong các trường hợp:

+ Do chủ đầu tư thay đổi thiết kế

+ Trường hợp bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn... mà không lường trước được. Khi đó các bên tham gia hợp đồng thương thảo về việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng và xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh (nếu có) phù hợp với các quy định của pháp luật.

**Điều 3. Thời gian và tiến độ thực hiện:**

3.1 Thời gian hoàn thành: Theo tiến độ dự án.

*Thời gian thi công được điều chỉnh, gia hạn khi có những lý do khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công (thời tiết, bão lũ...), và do các yếu tố chủ quan khác của Bên A gây ra, thay đổi thiết kế sau khi đã thi công xây dựng bộ phận công trình được thay đổi.*

3.2 Nếu Thời Gian Thi Công vượt quá thời hạn quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng này (ngoại trừ trường hợp quy định bên trên) do lỗi của Bên B gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 0,1% giá trị của Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Trong mọi trường hợp, tổng mức phạt không được vượt quá 12% Giá Trị Hợp Đồng được quy định tại Điều 7 của Hợp Đồng này. Để tránh nhầm lẫn, ngoài việc phạt hợp đồng nêu trên, Bên B đồng ý:

(a) Trả tiền bồi thường thiệt hại đối với Bên A theo yêu cầu của Bên A căn cứ vào các quy định của pháp luật đối với thiệt hại trực tiếp xảy ra do việc Thời gian Thi công vượt quá thời hạn quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng này; và /hoặc

(b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu việc chậm trễ kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày bằng văn bản thông báo chấm dứt có hiệu lực ngay lập tức.

**Điều 4. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:**

Phải thực hiện theo đúng thiết kế; bảo đảm sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt.

**Điều 5. Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng:**

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình.

**Điều 6. Bảo hành công trình:**

- Bên thi công xây dựng (Bên B) có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho chủ đầu tư.

+ Thời hạn bảo hành công trình được tính từ ngày hai bên nghiệm thu Hoàn thành công trình, thời gian là 12 tháng.

+ Toàn bộ chi phí bảo hành do bên B chịu trách nhiệm.

- Trong thời gian bảo hành, Bên B có nghĩa vụ khắc phục và sửa chữa các hư hỏng của Công Trình do lỗi của Bên B gây ra, bao gồm cả các hư hỏng do lỗi của bên B, thời gian bắt đầu tiến hành trong vòng năm (05) ngày hoặc thời gian dài hơn được Bên A đồng ý kể từ khi nhận được yêu cầu sửa chữa bằng văn bản (có thể bằng email) từ Bên A. Nếu Bên B cố tình trì hoãn hoặc không tiến hành Công Việc Bảo Hành (bao gồm cả việc trì hoãn hoặc không đến kiểm tra các hư hỏng) trong thời gian hợp lý đã được thống nhất bởi Các Bên, Bên A có quyền thuê đơn vị khác để tu sửa (**"Đơn Vị Bảo Hành Thay Thế"**), mọi chi phí trả cho Đơn Vị Bảo Hành Thay Thế sẽ do Bên B chi trả, ngoại trừ trường hợp Bên A đã yêu cầu ngân hàng thanh toán số tiền bảo lãnh theo Thư Bảo Lãnh Bảo Hành (để tránh hiểu nhầm, trong trường hợp số tiền bảo lãnh không đủ để thanh toán các chi phí trả cho Đơn Vị Bảo Hành Thay Thế, Bên B sẽ vẫn có trách nhiệm phải chi trả phần còn thiếu). Trong các trường hợp hư hỏng phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng hoặc không phải do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B có quyền lựa chọn (i) từ chối bảo hành; hoặc (ii) sửa chữa các hư hỏng với chi phí được thanh toán với Bên A (báo giá sửa chữa phải được Bên A chấp thuận trước khi sửa chữa).

**Điều 7. Tiến độ và phương thức thanh toán:**

**7.1 Tiến độ thanh toán:**

**7.1.1 Tạm Ứng ("Đợt Tạm Ứng"):** Không tạm ứng

**7.1.2 Thanh toán hàng kỳ:** Mỗi đợt vào ngày 25 hằng tháng Bên B sẽ chốt và gửi bảng giá trị công việc thực hiện **("Bảng Giá Trị Công Việc Thực Hiện")** để Bên A xem xét và xác nhận, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày bên B gửi Bảng Giá Trị Công Việc Thực Hiện bên A phải có trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng hoàn thành tại thời điểm làm hồ sơ thanh toán và khấu trừ tiền tạm ứng tương ứng theo từng đợt (nếu có) theo quy định tại Điều 7.2.1 trong vòng bảy (07) ngày làm việc sau khi thỏa mãn các điều kiện sau (thời gian bắt đầu tính từ ngày thỏa mãn điều kiện cuối cùng):

(a) Bên B đã gửi Bảng Giá Trị Công Việc Thực Hiện và được Bên A chấp thuận; và

(b) Bên B đã gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A, gồm có:

(i) Thư đề nghị thanh toán;

(ii) Bảng Giá Trị Công Việc Thực Hiện có chữ ký xác nhận của Ban quản lý dự án của Bên A;

(iii) Hóa đơn VAT hợp lý có giá trị tương ứng với 100% giá trị thực hiện

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán tiếp theo (10% giá trị của khối lượng thực hiện hằng tháng) và phải đảm bảo thu hồi hết khi thanh toán đạt **80%** giá trị Hợp đồng.

**7.1.3. Thanh Toán 100% Giá Trị Quyết Toán:** Bên A thanh toán cho Bên B đến 100% giá trị Quyết Toán Hợp Đồng trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi thỏa mãn các điều kiện sau (thời gian tính từ ngày thỏa mãn điều kiện cuối cùng):

8. Bàn giao Phải bảo đảm công trình theo đúng Hợp đồng đã ký.

9. Đảm bảo chất lượng, kỹ, mỹ thuật theo thống nhất và đảm bảo việc bảo hành sau thi công.

10. Lập nội quy công trình, đảm bảo trật tự an ninh trật tự, và chịu trách nhiệm bảo vệ các tài sản của Bên B và phạm vi công việc được thể hiện tại Điều 1 của Hợp Đồng này từ ngày khởi công đến ngày Các Bên ký Biên bản nghiệm thu Công Trình hoàn thành theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.

**Điều 11. Điều khoản chung**

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Mọi điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được hai bên thống nhất và lập thành văn bản
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành nghiệm thu, thanh toán và thanh lý hợp đồng theo quy định.
- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện./.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC | GIÁM ĐỐC |
| M.S.D.N: 0400490360 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | M.S.D.N: 0402073054 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24 THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG |
| PHAN CÔNG TUẤN | PHAN THỊ VŨ |

*Trích phụ lục hợp đồng nghiệp vụ 3*

# PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ

**(Đính kèm hợp đồng số: 15/2025/HĐTC/SE24-TH ngày 01 tháng 06 năm 2025)**

**DỰ ÁN: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ**

**HẠNG MỤC: CUNG CẤP, THI CÔNG THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ; NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE Ô TÔ CON; KHU PHỤ TRỢ - GIAI ĐOẠN 2**

**ĐỊA ĐIỂM: KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, THÀNH PHỐ HUẾ**

| Stt | Hạng mục công việc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A | PHẦN TRUNG THẾ - ĐIỂM ĐẤU NỐI THỨ 4 | | | | | |
| I | TRỤ TRUNG THẾ ( ĐẤU NỐI DS) | | | | | |
| 1 | DS 3P- 630A - 24kV-150 kV BIL, OD, Polymer, 2 phương, lắp trên 1 trụ | Bộ | 1,00 | 845.000 | 845.000 | |
| 2 | Sào thao tác DS 24kV - 35kV ngoài trời | Bộ | 1,00 | - | - | |
| 3 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, Polymer + Phụ kiện | Bộ | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 4 | Xà néo trụ đôi | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 5 | Kẹp WR400 | Cái | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 6 | Kẹp quai Hotline | Cái | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 7 | Giáp níu cáp AXV 1C-400mm² | Sợi | 3,00 | 149.500 | 448.500 | |
| 8 | Cáp 24kV AXV 1C-400mm² | m | 11,00 | 79.300 | 872.300 | |
| II | LẮP MỚI TRỤ (Recloser) (Trụ đơn T4/1.1) | | | | - | |
| 1 | Xà néo cuối trụ đơn | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 2 | Xà đỡ Máy biến áp cấp nguồn Dầu 1 pha 1 sứ trụ đơn | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 3 | Xà lắp FCO trụ BTLT đơn | Bộ | 1,00 | 227.500 | 227.500 | |
| 4 | Xà đỡ MOF | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 5 | Xà đỡ đầu cáp | Bộ | 1,00 | 201.500 | 201.500 | |
| 6 | Recloser - 24kV - 630A - 12kA/1s | Bộ | 1,00 | 3.250.000 | 3.250.000 | |
| 7 | LA 18kV-10kA loại phân phối | Cái | 3,00 | 123.500 | 370.500 | |
| 8 | Cầu chì tự rơi FCO 100A-27kV + dây cháy 3K, loại gốm sứ | Cái | 1,00 | 123.500 | 123.500 | |
| 9 | Sứ tăng cường FCO, loại Polymer | Cái | 1,00 | 123.500 | 123.500 | |
| 10 | Máy biến áp 1P-12.700V/230V-1000VA | Máy | 1,00 | 585.000 | 585.000 | |
| 11 | Hợp bộ đo lường (MOF) 24kV<br>Tỷ số biến dòng: 150-300/5A | Bộ | 1,00 | 975.000 | 975.000 | |
| 12 | Sứ đứng 24 kV | Bộ | 4,00 | 123.500 | 494.000 | |
| 13 | Ống sắt tráng kẽm D141.3×3.96mm | m | 4,00 | 110.500 | 442.000 | |
| 14 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, Polymer + Phụ kiện | Bộ | 3,00 | 162.500 | 487.500 | |
| 15 | Giáp níu cáp AXV 1C-400mm² | Sợi | 3,00 | 149.500 | 448.500 | |
| 16 | Đầu cosse cáp AXV 400mm² | Cái | 6,00 | - | - | |
| 17 | Đầu cosse ép Cu 70 mm² | Cái | 3,00 | - | - | |
| 18 | Dây tiếp địa đồng trần 70mm² | m | 20,00 | 27.300 | 546.000 | |
| 19 | Collier sắt dẹp 30x4 - Kẹp ống PVC Ø60 | Bộ | 4,00 | 58.500 | 234.000 | |
| 20 | Tiếp đất lặp lại 2 cọc và tiếp đất thiết bị<br>cọc tiếp địa D16, L=2.4m | Bộ | 1,00 | 6.038.500 | 6.038.500 | |
| 21 | Tap Connector WR - Cho tiếp đất | Cái | 10,00 | - | - | |
| 22 | Ốc xiết cáp dừng dây N | Cái | 4,00 | - | - | |
| 23 | Ống nhựa PVC Ø60 và phụ kiện | m | 6,00 | - | - | |
| 24 | Bu lông Ø16 - Chiều dài thích hợp | Cái | 8,00 | - | - | |
| 25 | Bu lông Ø16x250 - Ven ren 2 đầu | Cái | 2,00 | - | - | |
| 26 | Bu lông Ø12x40 - Lắp thiết bị | Cái | 8,00 | - | - | |
| 27 | Long đền vuông 50x50 dày 2,5mm Ø18 | Cái | 20,00 | - | - | |

| Stt | Hạng mục công việc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | Đầu cáp ngầm 3 pha ngoài trời cáp 3C-400mm² - 24kV | Bộ | 1,00 | 2.340.000 | 2.340.000 | |
| 29 | Đầu nối cáp AXV 400mm² | Cái | 6,00 | - | - | |
| 30 | Vật tư phụ<br>- Bulong, đai ốc, lông đèn | Lô | 1,00 | 7.020.000 | 7.020.000 | |
| 31 | Vỏ tủ lắp Công tơ đo đếm Inox 304 (Công tơ điện lực cấp) | Tủ | 1,00 | 585.000 | 585.000 | |
| 32 | Cáp CXV 1C-400mm² -12,7/24kV | m | 18,00 | 84.500 | 1.521.000 | |
| 33 | Cáp CV 1C-50mm² - 24kV (Đấu chống sét van) | m | 6,00 | 48.100 | 288.600 | |
| **III** | **CÁP TRUNG THẾ** | | | | - | |
| 1 | CXV/DSTA/PVC 3C-400mm² - 12.7/24kV | Mét | 480,00 | 156.000 | 74.880.000 | |
| 2 | Đầu cáp ngầm 3 pha Tplug 3C-400mm² - 24kV | Bộ | 1,00 | 2.340.000 | 2.340.000 | |
| 3 | Đầu cáp ngầm 3 pha Tplug 3C-240mm² - 24kV | Bộ | 2,00 | 2.340.000 | 4.680.000 | |
| 4 | Nút cao su chống thấm ống HDPE 150/195 | Cái | 5,00 | 45.500 | 227.500 | |
| **IV** | BÃI TIẾP ĐỊA TRUNG THẾ | | | | - | |
| 1 | Hệ thanh cái đồng mạ thiếc + gối đỡ | Hệ | 1,00 | 325.000 | 325.000 | |
| 2 | Dây tiếp địa đồng trần 70mm² | m | 50,00 | 27.300 | 1.365.000 | |
| 3 | Cáp CV 1C-95mm² - 0,6/1kV (Cáp tiếp địa RMU) | m | 10,00 | 32.500 | 325.000 | |
| 4 | Tủ tiếp địa | tủ | 1,00 | 195.000 | 195.000 | |
| 5 | Cọc tiếp địa mạ đồng D16, L=2.4m | Cây | 2,00 | 97.500 | 195.000 | |
| 6 | Khoan giếng tiếp địa sâu 25m | Giếng | 1,00 | 5.200.000 | 5.200.000 | |
| 7 | Mối hàn cadweld | Mối | 3,00 | 97.500 | 292.500 | |
| 8 | Ống PVC D32 | m | 15,00 | 12.350 | 185.250 | |
| 9 | Đào lấp đất | m³ | 5,00 | 292.500 | 1.462.500 | |
| **V** | **TỦ TRUNG THẾ TRUNG GIAN RMU-1** | | | | - | |
| 1 | Tủ Trung thế 24kV, 630A-20kA/3s, IAC A-FLR, loại block 5 ngăn không mở rộng | Tủ | 1,00 | 19.500.000 | 19.500.000 | |
| 2 | Chống sét loại Tee Connector 24kV, 10kA theo kết cấu tủ GIS | Bộ | 1,00 | 2.340.000 | 2.340.000 | |
| 3 | Bộ nguồn 24VDC 480W cho relay | Hệ | 1,00 | 2.600.000 | 2.600.000 | |
| **B** | **PHẦN TRUNG THẾ - ĐIỂM ĐẤU NỐI THỨ 5** | | | | - | |
| **I** | **TRỤ TRUNG THẾ (ĐẤU NỐI DS)** | | | | - | |
| 1 | DS 3P- 630A - 24kV-150 kV BIL, OD, Polymer, 2 phương, lắp trên 1 trụ | Bộ | 1,00 | 845.000 | 845.000 | |
| 2 | Sào thao tác DS 24kV - 35kV ngoài trời | Bộ | 1,00 | - | - | |
| 3 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, Polymer + Phụ kiện | Bộ | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 4 | Xà néo trụ đôi | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 5 | Kẹp WR400 | Cái | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 6 | Kẹp quai Hotline | Cái | 1,00 | 162.500 | 162.500 | |
| 7 | Giáp níu cáp AXV 1C-400mm² | Sợi | 3,00 | 149.500 | 448.500 | |
| 8 | Cáp 24kV AXV 1C-400mm² | m | 11,00 | 79.300 | 872.300 | |
| **II** | **LẮP MỚI TRỤ (Recloser) (Trụ đơn T5/1.1)** | | | | - | |
| 1 | Xà néo cuối trụ đơn | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 2 | Xà đỡ Máy biến áp cấp nguồn Dầu 1 pha 1 sứ trụ đơn | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 3 | Xà lắp FCO trụ BTLT đơn | Bộ | 1,00 | 227.500 | 227.500 | |
| 4 | Xà đỡ MOF | Bộ | 1,00 | 292.500 | 292.500 | |
| 5 | Xà đỡ đầu cáp | Bộ | 1,00 | 201.500 | 201.500 | |
| 6 | Recloser - 24kV - 630A - 12kA/1s | Bộ | 1,00 | 3.250.000 | 3.250.000 | |

| | Hạng mục công việc | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Cáp tiếp địa CV 1C-95mm² (Tủ RMU) | m | 10,00 | 32.500 | 325.000 | |
| 9 | Cáp tiếp địa CV 1C-70mm² (Vỏ máy biến áp) | m | 12,00 | 27.300 | 327.600 | |
| 10 | Cáp tiếp địa CV 1C-240mm² (Tiếp địa MSB) | m | 10,00 | 54.600 | 546.000 | |
| 11 | Cáp tiếp địa CV 1C-240mm² (Tiếp địa trung tính MBA) | m | 15,00 | 54.600 | 819.000 | |
| 12 | Đào lấp đất | m³ | 6,00 | 292.500 | 1.755.000 | |
| **G** | **CHI PHÍ KHÁC** | **Gói** | | | - | |
| 1 | Chi phí thỏa thuận cấp điện từ Trạm biến áp 110kV đến vị trí dự kiến đấu nối tại dự án với Điện Lực Địa Phương, Đáp ứng theo tiến độ dự án. | Gói | 1,00 | 400.000.000 | 400.000.000 | |
| 2 | Chi phí thỏa thuận đấu nối, hồ sơ cấp điện với Điện Lực thuộc phạm vi dự án (Từ điểm đấu nối đến các trạm biến áp) | Gói | 1,00 | 150.000.000 | 150.000.000 | |
| 3 | Chi phí cắt điện, đấu nối | Gói | 1,00 | 45.639.550 | 45.639.550 | |
| 4 | - Chi phí lập bảng thông số và cài đặt Relay<br>- Chi phí kết nối Scada Recloser | Gói | 1,00 | 98.000.000 | 98.000.000 | |
| | **TỔNG CỘNG CHƯA BAO GỒM THUẾ** | | | | 1.800.000.000 | |
| | **THUẾ VAT 8%** | | | | 144.000.000 | |
| | **TỔNG CỘNG BAO GỒM THUẾ** | | | | 1.944.000.000 | |

**(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng./.**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Công Tuấn

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24

GIÁM ĐỐC
Phan Thị Vũ

*Trích Hồ sơ quyết toán nghiệp vụ 3*

TUANHUY Electric

SE24 SERVICES

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

# HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

DỰ ÁN: **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS - HUẾ**

GÓI THẦU : **CUNG CẤP, THI CÔNG THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ; NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE Ô TÔ CON; KHU PHỤ TRỢ - GIAI ĐOẠN 2**

ĐỊA ĐIỂM: **KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, THÀNH PHỐ HUẾ**

HỢP ĐỒNG SỐ: 15/2025/HĐTC

BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24

*Tháng …./2026*

| TUANHUY Electric | Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ<br>Địa điểm: Khu Kinh Tế Chân Mây- Lăng Cô, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành Phố Huế | SE24 SERVICES |
|---|---|---|

# BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

**Gói thầu: Cung cấp, thi công thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ; nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô con; khu phụ trợ - giai đoạn 2**

**Hợp đồng số: 15/2025/HĐTC** **Ngày ký hợp đồng: 01/06/2025**

**Giá trị PLHĐ:**

**Nhà thầu: Công Ty TNHH DỊCH VỤ SE24**

| TT | NỘI DUNG | THÀNH TIỀN | Tỷ lệ % so với giá trị HĐ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| A | TỔNG HỢP | | | |
| (a) | Giá trị hợp đồng (bao gồm các PLHĐ) | 1.944.000.000 | | |
| (b) | Giá trị giảm giá - Nếu có | - | | |
| (c) | Giá trị hợp đồng (bao gồm các PLHĐ) sau giảm giá nếu có (c=a-b) | 1.944.000.000 | | |
| (d) | Số tiền tạm ứng hợp đồng | 0 | 0% | |
| (e) | Số tiền tạm ứng khối lượng, vật tư, thiết bị | - | | |
| B | THỰC HIỆN | | | |
| (f) | Giá trị khối lượng hoàn thành | 1.944.000.000 | 100% | |
| (g) | Giá trị giảm giá - Nếu có | - | | |
| (h) | Giá trị khối lượng hoàn thành sau giảm giá nếu có (h=f-g) | 1.944.000.000 | 100% | |
| - | Giá trị chưa có thuế | 1.800.000.000 | | |
| - | Thuế GTGT 8% | 144.000.000 | | |
| (i) | Giá trị được thanh toán | 1.944.000.000 | 100% | |
| (k) | Khấu trừ tạm ứng hợp đồng (h x 25%) | - | 0% | |
| (l) | Chiết khấu tạm ứng VT/TB/KLTH (i x …%) | - | | |
| (m) | Các khoản khấu trừ khác | - | | |
| C | GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN (i – k– l – m) | 1.944.000.000 | 100% | |

***Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu đồng***

*Chấp thuận bởi*

| ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU | ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY – M.S.D.N: 0400490360 – C.T.C.P – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG | CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24 – M.S.D.N: 0402073054 – C.T.T.N.H.H – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG |
| *Ngày …../……/……* | *Ngày …../……/……* |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>*Phan Công Tuấn* | GIÁM ĐỐC<br>*Phan Thị Vũ* |

| TUANHUY Electric | Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ<br>Địa điểm: Khu Kinh Tế Chân Mây- Lăng Cô, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành Phố Huế | SE 24 SERVICES |
|---|---|---|

## BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÔNG VIỆC QUYẾT TOÁN

**Gói thầu: Cung cấp, thi công thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ; nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô con; khu phụ trợ - giai đoạn 2**

**Hợp đồng số 15/2025/HĐTC** **Ngày ký hợp đồng: 01/06/2025**

**PLHĐ số:**

Căn cứ xác định:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn quyết toán Biên bản số: ..... Ngày ...../...../2026

| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đơn giá Nhân công (trước thuế) | Theo Hợp đồng & các Phụ lục HĐ | | Quyết toán | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Khối lượng | Thành tiền Nhân công | Khối lượng | Thành tiền | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (25) |
| **A** | **PHÂN TRUNG THẾ - ĐIỂM ĐẤU NỐI THỨ 4** | | | | | | | |
| **I** | **TRỤ TRUNG THẾ ( ĐẤU NỐI DS)** | | | | | | | |
| 1 | DS 3P- 630A - 24kV-150 kV BIL, OD, Polymer, 2 phương, lắp trên 1 trụ | Bộ | 845.000 | 1,00 | 845.000 | 1,00 | 845.000 | |
| 2 | Sào thao tác DS 24kV - 35kV ngoài trời | Bộ | - | 1,00 | - | 1,00 | - | |
| 3 | Chuỗi treo 24kV - 70kN, Polymer + Phụ kiện | Bộ | 162.500 | 1,00 | 162.500 | 1,00 | 162.500 | |
| 4 | Xà néo trụ đôi | Bộ | 292.500 | 1,00 | 292.500 | 1,00 | 292.500 | |
| 5 | Kẹp WR400 | Cái | 162.500 | 1,00 | 162.500 | 1,00 | 162.500 | |
| 6 | Kẹp quai Hotline | Cái | 162.500 | 1,00 | 162.500 | 1,00 | 162.500 | |
| 7 | Giáp níu cáp AXV 1C-400mm² | Sợi | 149.500 | 3,00 | 448.500 | 3,00 | 448.500 | |
| 8 | Cáp 24kV AXV 1C-400mm² | m | 79.300 | 11,00 | 872.300 | 11,00 | 872.300 | |
| **II** | **LÁP MỚI TRỤ (Recloser) (Trụ đơn T4/1.1)** | | | | - | - | - | |
| 1 | Xà néo cuối trụ đơn | Bộ | 292.500 | 1,00 | 292.500 | 1,00 | 292.500 | |
| 2 | Xà đỡ Máy biến áp cấp nguồn Dầu 1 pha 1 sứ trụ đơn | Bộ | 292.500 | 1,00 | 292.500 | 1,00 | 292.500 | |
| 3 | Xà lắp FCO trụ BTLT đơn | Bộ | 227.500 | 1,00 | 227.500 | 1,00 | 227.500 | |
| 4 | Xà đỡ MOF | Bộ | 292.500 | 1,00 | 292.500 | 1,00 | 292.500 | |



| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đơn giá Nhân công (trước thuế) | HĐ | | Quyết toán | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Khối lượng | Thành tiền Nhân công | Khối lượng | Thành tiền | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (25) |
| 10 | Cáp tiếp địa CV 1C-240mm² (Tiếp địa MSB) | m | 54.600 | 10,00 | 546.000 | 10,00 | 546.000 | |
| 11 | Cáp tiếp địa CV 1C-240mm² (Tiếp địa trung tính MBA) | m | 54.600 | 15,00 | 819.000 | 15,00 | 819.000 | |
| 12 | Đào lấp đất | m³ | 292.500 | 6,00 | 1.755.000 | 6,00 | 1.755.000 | |
| **G** | **CHI PHÍ KHÁC** | **Gói** | | | - | - | - | - |
| 1 | Chi phí thỏa thuận cấp điện từ Trạm biến áp 110kV đến vị trí dự kiến đấu nối tại dự án với Điện Lực Địa Phương, Đáp ứng theo tiến độ dự án. | Gói | 400.000.000 | 1,00 | 400.000.000 | 1,00 | 400.000.000 | |
| 2 | Chi phí thỏa thuận đấu nối, hồ sơ cấp điện với Điện Lực thuộc phạm vi dự án (Từ điểm đấu nối đến các trạm biến áp) | Gói | 150.000.000 | 1,00 | 150.000.000 | 1,00 | 150.000.000 | |
| 3 | Chi phí cắt điện, đấu nối | Gói | 45.639.550 | 1,00 | 45.639.550 | 1,00 | 45.639.550 | |
| 4 | - Chi phí lập bảng thông số và cài đặt Relay<br>- Chi phí kết nối Scada Recloser | Gói | 98.000.000 | 1,00 | 98.000.000 | 1,00 | 98.000.000 | |
| | **Tổng giá trị trước thuế** | | | | **1.800.000.000** | | **1.800.000.000** | |
| | **Thuế GTGT** | | | | **144.000.000** | | **144.000.000** | |
| | **Tổng giá trị sau thuế** | | | | **1.944.000.000** | | **1.944.000.000** | |

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

Ngày ...../...../.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Công Tuấn

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ SE24

Ngày ...../...../.....

GIÁM ĐỐC

Phan Thị Vũ

***Phụ lục 04 nghiệp vụ 4***

*Hợp đồng thi công nghiệp vụ 4*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
**----- o0o -----**

# HỢP ĐỒNG THI CÔNG

Số: 125./2025/HĐTC/TH-HD

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về công tác quản lý sử dụng vốn đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;*

Hôm nay, ngày 12 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

**I. Bên giao (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

- Địa chỉ: 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thuận Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0400490380
- Người đaiọ diện: Ông Phan Công Tuấn Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại:
- Tài khoản:

**II. Bên nhận (Bên B): CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY**

- Người đại diện : Ông Đoàn Tứ Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tổ 10, KQH Thủy Thanh, Phường Thủy Dương, Thị Xã Hương Thủy, Thành phố Huế.
- Mã số thuế : 3301727274
- Điện thoại : 0935.437.504

- Tài khoản : 010203679 tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Thừa Thiên Huế

**HAI BÊN THOẢ THUẬN KÝ KẾT**

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG CÔNG TRÌNH VỚI CÁC NỘI DUNG SAU**

**Điều 1. Nội dung công việc và tiến độ thi công:**

1.1. Nội dung hợp đồng:

- Bên A giao cho Bên B thi công xây dựng hạng mục: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Sự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế tại địa điểm: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, Thành phố Huế

1.2. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phê duyệt.
- Các tài liệu khác có liên quan.

1.3. Thời gian thi công và hoàn thành: Theo tiến độ của CĐT .

**Điều 2. Hình thức, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

**2.1. Hình thức hợp đồng**: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

**2.2. Giá trị hợp đồng**:

**Giá hợp đồng là: 225.525.600 đồng**

*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng./. ( Đã bao gồm thuế VAT 8%)*

*Có bảng phụ lục giá chi tiết kèm theo.*

2.3. Tạm ứng , thanh toán và quyết toán:

2.3.1. Tạm ứng:

- Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu 50% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **112.763.000** đồng (Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) sau khi hợp đồng được ký kết.

2.3.2. Thanh toán :

Bên A thanh toán cho bên B giá trị còn lại sau khi công trình được nghiệm thu đóng điện vận hành đưa vào sử dụng và bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán .

Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành
- Biên bản nghiệm thu đóng điện và đưa vào sử dụng
- Hoá đơn VAT
- Biên bản thanh lý hợp đồng .

Thời gian thanh toán trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

**2.4. Hình thức thanh toán:** Chuyển khoản

**Điều 3. Nghiệm thu hoàn thành và ngiệm thu bàn giao công trình:**

**3.1. Điều kiện nghiệm thu**:

Công việc chỉ được nghiệm thu và bàn giao cho Bên A khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định theo hợp đồng này và các quy định của pháp luật liên quan. Bất cứ sai sót nào trong quá trình thực hiện công việc đều phải được sữa chữa khắc phục trước khi được nghiệm thu.

**3.2. Tài liệu nghiệm thu, bàn giao:**

- Bảng kê khối lượng hoàn thành.

**3.3. Nghiệm thu bàn giao công trình:**

Sau khi công trình đủ điều kiện nghiệm thu theo Hợp đồng, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình thì những tồn đọng này được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Bên B phải có trách nhiệm hoàn thành những tồn đọng này bằng chi phí của mình.

**Điều 4. Quy định thưởng phạt:**

4.1. Nếu Bên B không hoàn thành công trình đúng thời hạn theo tiến độ quy định tại điều 1 do nguyên nhân chủ quan thì bị phạt 5% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm tiến độ. Tuy nhiên, thời gian chậm trễ cũng không quá 2 tuần so với ngày cuối cùng phải hoàn thành. Nếu chậm trễ quá 2 tuần, ngoài vấn đề phạt vi phạm nêu trên, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại gây nên do việc chậm trễ.

4.2. Nếu Bên A phát hiện Bên B vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu mọi kinh phí sửa chữa cho đủ và đúng chất lượng và bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm bị vi phạm.

4.3. Trong trường hợp Bên nào có lỗi trong việc không thực hiện Hợp đồng thì sẽ bị phạt một khoản tiền trị giá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

4.4. Vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo điều 2 thì Bên A phải trả cho Bên B khoản lãi trên khoản thanh toán chậm trong lần thanh toán sau. Lãi suất phải được tính từ ngày mà đúng ra phải thực hiện việc thanh toán cho đến ngày thanh toán khoản thanh toán chậm theo mức lãi suất cho vay hiện hành do bất kỳ Ngân hàng thương mại nào qui định tại thời điểm thực thanh toán. Việc chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có) theo qui định của pháp luật.

**Điều 5. Trách nhiệm và quyền lợi của các bên:**

**5.1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:**

- Bàn giao mặt bằng, hồ sơ tài liệu cần thiết cho Bên B.

- Thường xuyên đôn đốc giám sát, kiểm tra chất lượng, kỹ thuật, khối lượng và tiến độ thi công.

- Thanh toán kịp thời cho Bên B theo đúng Điều 2 của hợp đồng này.

- Phối hợp với bên B tổ chức nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Bên A có quyền đơn phương từ chối nghiệm thu và chấm dứt công việc vào bất kỳ thời điểm nào khi bên B triển khai thi công không đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công như đã ký kết theo Điều 1 của hợp đồng. Đồng thời Bên B phải chịu toàn bộ các chi phí phát sinh mà Bên A phải gánh chịu do phải thuê nhà thầu phụ khác hoàn tất công việc của hợp đồng và tiền phạt của Chủ đầu tư đối với Bên A do việc thực hiện của hợp đồng này gây ra.

**5.2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B:**

- Chuẩn bị nhân lực, vật tư, thiết bị dụng cụ thi công để thi công kịp tiến độ, tự tổ chức nơi ăn ở và lán trại cho công nhân. Vật tư, thiết bị trước khi thi công phải có hồ sơ xuất xưởng, biên bản thí nghiệm, CO, CQ.

- Tổ chức thi công đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, mỹ thuật theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ về kỹ thuật và chất lượng công trình. Liên hệ với bên A đăng ký với cơ quan quản lý để đăng ký cắt điện công tác.

- Chịu trách nhiệm an toàn lao động, an toàn giao thông trong thi công và an ninh trật tự, môi trường tại công trường.

- Trong quá trình thi công nếu Bên B gây ra các hư hỏng, thiệt hại về người, tài sản và công trình của một trong hai bên hoặc của các bên thứ ba, Bên B phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải sửa chữa, đền bù các hư hỏng, thiệt hại trên bằng kinh phí của mình.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình trong thời gian bảo hành, nếu có hư hỏng thì phải bỏ kinh phí sửa chữa lại.

- Phối hợp với bên A tổ chức nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Bằng chi phí của mình Bên B chịu trách nhiệm mua và duy trì hiệu lực và chịu trách nhiệm giải quyết các loại hình bảo hiểm sau trong suốt thời hạn hợp đồng (bao gồm cả thời gian gia hạn hay kéo dài hợp đồng (nếu có): Bảo hiểm tài sản đối với máy móc thiết bị và vật tư của Bên B trên công trường thi công. Bảo hiểm tai nạn thương tật cho người lao động, nhân viên của Bên B. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với Bên thứ ba.

Bên B đảm bảo rằng sẽ tránh cho Bên A khỏi trách nhiệm đối với mọi yêu cầu bồi thường từ bất kỳ một Bên thứ ba nào, cho tất cả mọi tai nạn hoặc rủi ro nào xảy ra trên công trường trong phạm vi thực hiện hợp đồng của Bên B.

**Điều 6. Bảo hành**

- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao.

- Trong thời gian bảo hành công trình, Bên B phải có trách nhiệm tự bỏ ra chi phí để sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 03 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A về các lỗi này. Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không bắt đầu các công việc sửa chữa thì Bên A có quyền thuê bên thứ 3 thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ 3 sẽ do Bên B chịu.

**Điều 7. Điều khoản chung**

Hai bên thực hiện cam kết đúng các Điều khoản trong hợp đồng, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hai bên cam kết hết sức hợp tác hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành hợp đồng, nếu có vấn đề tranh chấp thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết, khi cần sẽ lập phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Trong trường hợp không thương lượng được, hai bên thống nhất đưa ra Toà án kinh tế TP Đà Nẵng hoặc TP Huế để giải quyết, phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện, toàn bộ án phí do bên thua kiện chi trả.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên ký thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản và bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HƯNG DUY |
| TỔNG GIÁM ĐỐC | Đoàn Tết |
| Phan Công Tuấn | |

# PHỤ LỤC 01

**( đính kèm Hợp đồng thi công số : /2025/HĐTC/TH-HD ký ngày 12 tháng 5 năm 2025)**

| STT | HẠNG MỤC | ĐƠN VỊ | THÀNH TIỀN | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| A | PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI | Lot | 15.573.000 | |
| B | PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT | Lot | 173.247.000 | |
| C | CHI PHÍ KHÁC | Lot | 20.000.000 | Phát dọn hành lang tuyến và đường thi công... |
| | **TỔNG CỘNG** | | **208.820.000** | |
| | **THUẾ VAT 8%** | | **16.705.600** | |
| | **TỔNG CỘNG BAO GỒM VAT 8%** | | **225.525.600** | |
| **( Bằng Chữ : Hai trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi năm ngàn ,sáu trăm đồng chẵn )** | | | | |

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Công Tuấn

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY

Đoàn Tú

*Hồ sơ nghiệm thu thanh toán nghiệp vụ 4*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
*****

# HỒ SƠ NGHIỆM THU THANH TOÁN

**Hạng mục:**
**Hạng mục: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA**

**Dự án:**
**Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế**

**Địa điểm xây dựng:**
**Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế**

**Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy**
**Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy**

***TP Huế, năm 2025***

## BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

- Tên công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế
- Địa điểm thi công: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế
- Hợp đồng thi công số: 125 /2025 /HĐTC/TH-HD, ngày 12/05/2025
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy
- Nhà thầu: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy
- Thanh toán lần thứ: Quyết toán
- Căn cứ xác định:

+ Hợp đồng thi công số: 125/2025 /HĐTC/TH-HD, ngày 12/05/2025 giữa Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày ..... tháng .....năm 2025

| STT | Tên công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | | Đơn giá thanh toán | | Thành tiền | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | Theo hợp đồng | Đơn giá bổ sung (nếu có) | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | |
| | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Luỹ kế đến hết kỳ này | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Luỹ kế đến hết kỳ này | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| A | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 4.500.000 | | 4.500.000 | | 4.500.000 | 4.500.000 | |
| 2 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 1.000.000 | | 1.000.000 | | 1.000.000 | 1.000.000 | |
| 3 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 50.000 | | 150.000 | | 150.000 | 150.000 | |
| 4 | Sứ đứng | Cái | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | 30.000 | | 180.000 | | 180.000 | 180.000 | |
| 5 | Chống sét van | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 50.000 | | 150.000 | | 150.000 | 150.000 | |
| 6 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | 45,00 | | 45,00 | 45,00 | 9.000 | | 405.000 | | 405.000 | 405.000 | |
| 7 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | 112,00 | 112,00 | 24.000 | | 2.688.000 | | 2.688.000 | 2.688.000 | |
| 8 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 3.500.000 | | 3.500.000 | | 3.500.000 | 3.500.000 | |
| 9 | Xà và phụ kiện | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 500.000 | | 500.000 | | 500.000 | 500.000 | |
| 10 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 2.500.000 | | 2.500.000 | | 2.500.000 | 2.500.000 | |
| B | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | | | | | | | | |
| I | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 100.000 | | 300.000 | | 300.000 | 300.000 | |
| 2 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 100.000 | | 300.000 | | 300.000 | 300.000 | |
| 3 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 12,00 | | 12,00 | 12,00 | 100.000 | | 1.200.000 | | 1.200.000 | 1.200.000 | |
| 4 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 18,00 | | 18,00 | 18,00 | 45.000 | | 810.000 | | 810.000 | 810.000 | |
| 5 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 1.438,00 | | 1.300,00 | 1.300,00 | 18.000 | | 25.884.000 | | 23.400.000 | 23.400.000 | |
| 6 | Cụm chống rớt dây | Cái | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 200.000 | | 200.000 | | 200.000 | 200.000 | |
| 7 | Cụm đấu rẽ | Cái | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | 150.000 | | 900.000 | | 900.000 | 900.000 | |
| 8 | Lắp đặt FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 100.000 | | 300.000 | | 300.000 | 300.000 | |
| 9 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | 100.000 | | 600.000 | | 600.000 | 600.000 | |
| 10 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | 100.000 | | 300.000 | | 300.000 | 300.000 | |
| 11 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 45,00 | | 45,00 | 45,00 | 9.000 | | 405.000 | | 405.000 | 405.000 | |
| | **Phần xây dựng** | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 9,00 | | 9,00 | 9,00 | 900.000 | | 8.100.000 | | 8.100.000 | 8.100.000 | |
| 12 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 9,00 | | 9,00 | 9,00 | 6.400.000 | | 57.600.000 | | 57.600.000 | 57.600.000 | |
| 13 | Tiếp địa trụ đầu nối | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 4.450.000 | | 4.450.000 | | 4.450.000 | 4.450.000 | |
| | Xà và phụ kiện | | | | | | | | | | | | |
| 14 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 1,00 | | 2,00 | 2,00 | 2.505.000 | | 2.505.000 | | 5.010.000 | 5.010.000 | |

| STT | Tên công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | | Đơn giá thanh toán | | Thành tiền | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | Theo hợp đồng | Đơn giá bổ sung (nếu có) | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | |
| | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Luỹ kế đến hết kỳ này | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Luỹ kế đến hết kỳ này | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| 15 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 1.870.000 | | 1.870.000 | | 1.870.000 | 1.870.000 | |
| 16 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | 1.450.000 | | 8.700.000 | | 8.700.000 | 8.700.000 | |
| 17 | Xà néo cuối | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 2.500.000 | | 2.500.000 | | 2.500.000 | 2.500.000 | |
| 18 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 200.000 | | 200.000 | | 200.000 | 200.000 | |
| 19 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | 2,00 | | 2,00 | 2,00 | 200.000 | | 400.000 | | 400.000 | 400.000 | |
| 20 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 5.000.000 | | 5.000.000 | | 5.000.000 | 5.000.000 | |
| II | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 5.500.000 | | 5.500.000 | | 5.500.000 | 5.500.000 | |
| 2 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 185.000 | | 185.000 | | 185.000 | 185.000 | |
| 3 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 20.500.000 | | 20.500.000 | | 20.500.000 | 20.500.000 | |
| 4 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 8.500.000 | | 8.500.000 | | 8.500.000 | 8.500.000 | |
| 5 | Nền trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 5.500.000 | | 5.500.000 | | 5.500.000 | 5.500.000 | |
| 6 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 2.850.000 | | 2.850.000 | | 2.850.000 | 2.850.000 | |
| 7 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | 112,00 | 112,00 | 24.000 | | 2.688.000 | | 2.688.000 | 2.688.000 | |
| 8 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 5.000.000 | | 5.000.000 | | 5.000.000 | 5.000.000 | |
| C | **CHI PHÍ KHÁC** | | | | | | | | | | | | |
| | Phát dọn hành lang tuyến và đường thi công... | TB | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | 20.000.000 | | 20.000.000 | | 20.000.000 | 20.000.000 | |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | | | | | **208.820.000** | | **208.841.000** | **208.841.000** | |
| | **THUẾ VAT 8%** | | | | | | | | **16.705.600** | | **16.707.280** | **16.707.280** | |
| | **TỔNG SAU THUẾ** | | | | | | | | **225.525.600** | | **225.548.280** | **225.548.280** | |

1. Giá trị hợp đồng: **225.525.600** Đồng
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: - Đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: **225.548.280** Đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng: **112.763.000** Đồng
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: **112.785.280** Đồng

*Số tiền bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng.*

7. Luỹ kế giá trị thanh toán: **225.548.280** Đồng
+ Tạm ứng: **112.763.000** Đồng
+ Thanh toán khối lượng hoàn thành: **112.785.280** Đồng

*TP Huế, ngày ... tháng...năm 2025*

| ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU | ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY |
| TỔNG GIÁM ĐỐC | GIÁM ĐỐC |
| Phan Công Tuấn | Đoàn Tứ |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
*****

*TP Huế, ngày ..... tháng ..... năm 2025*

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

- Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế
- Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế

**I. Thành phần nghiệm thu:**

**1. Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

-Ông: Phan Công Tuấn - Chức vụ: Tổng Giám đốc

-Ông: Lương Quang Vinh - Chức vụ: Chỉ huy trưởng

**2. Đại diện nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY**

- Ông: Đoàn Tứ - Chức vụ: Giám đốc

Thống nhất nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành với những nội dung như sau:

**II. Khối lượng nghiệm thu:**

| STT | Hạng mục công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | |
| | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Tổng cộng | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **A** | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | |
| 1 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 2 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 3 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 4 | Sứ đứng | Cái | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | |
| 5 | Chống sét van | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 6 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | 45,00 | | 45,00 | 45,00 | |
| 7 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | 112,00 | 112,00 | |
| 8 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 9 | Xà và phụ kiện | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 10 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| **B** | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | | |
| **I** | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | | |
| 1 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 2 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 3 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 12,00 | | 12,00 | 12,00 | |
| 4 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 18,00 | | 18,00 | 18,00 | |
| 5 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 1.438,00 | | 1.300,00 | 1.300,00 | |
| 6 | Cụm chống rớt dây | Cái | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 7 | Cụm đầu rẽ | Cái | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | |
| 8 | Lắp đặt FCO | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 9 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | |
| 10 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | 3,00 | | 3,00 | 3,00 | |
| 11 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 45,00 | | 45,00 | 45,00 | |
| | **Phần xây dựng** | | | | | | |
| 11 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 9,00 | | 9,00 | 9,00 | |
| 12 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 9,00 | | 9,00 | 9,00 | |
| 13 | Tiếp địa trụ đầu nối | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| | **Xà và phụ kiện** | | | | | - | |
| 14 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 1,00 | | 2,00 | 2,00 | |
| 15 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 16 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 6,00 | | 6,00 | 6,00 | |
| 17 | Xà néo cuối | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 18 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |

| STT | Hạng mục công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | |
| | | | | Luỹ kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Tổng cộng | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 19 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | 2,00 | | 2,00 | 2,00 | |
| 20 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| **II** | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | | |
| 1 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 2 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 3 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 4 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 5 | Nền trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 6 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| 7 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | 112,00 | 112,00 | |
| 8 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |
| **C** | **CHI PHÍ KHÁC** | | | | | | |
| | Phát dọn hành lang tuyến và đường thi công... | TB | 1,00 | | 1,00 | 1,00 | |

**III. Chất lượng nghiệm thu:**

Các hạng mục thi công đảm bảo sự chính xác và an toàn đúng quy định, chất lượng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

**IV. Kết luận:**

Đồng ý nghiệm thu và đề nghị thanh toán;

| ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU | ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY |
| CHỈ HUY TRƯỞNG | GIÁM ĐỐC |
| Lương Quang Vinh | Đoàn Tứ |

*Biên bản thanh lý hợp đồng nghiệp vụ 4*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---

# THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 01/TLHĐ/TH-HD

**- Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế**

**- Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế**

**I. Các căn cứ xác định:**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về công tác quản lý sử dụng vốn đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Hợp đồng Thi công số: 126/2025 /HĐTC/TH-HD, ngày 12/05/2025 giữa Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy và Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Hoàng Duy về việc thi công Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế tại Khu kinh tế Chân Mây, thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, TP Huế.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 chúng tôi gồm có các bên dưới đây:

**II. Các bên thanh lý hợp đồng:**

**1. Chủ đầu tư**:

- **Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
- Đại diện là Ông : Phan Công Tuấn Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng,
- Mã số thuế : 0400490380
- Tài khoản :
- Điện thoại :

**2. Nhà thầu**:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY**
- Đại diện là ông : Đoàn Tử Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ : Tổ 10, KQH Thủy Thanh, Phường Thủy Dương, Thị Xã Hương Thủy, Thành phố Huế.
- Tài khoản : 010203679 tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Thừa Thiên Huế
- Mã số thuế : 3301727274
- Điện thoại : 0935437504 Fax:

Các bên thống nhất thanh lý Hợp đồng thi công Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế

**Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc:**

**1. Nội dung công việc:**

Đơn vị thi công đã hoàn thành khối lượng công việc thi công Công trình: Thi công Di dời trạm biến áp T1 1000KVA thuộc Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motor Huế

**2. Về khối lượng thi công xây dựng công trình:**

*(Xem bảng chi tiết nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành)*

**3. Về chất lượng thi công xây dựng công trình:**

- Thi công xây dựng công trình đáp ứng theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính Phủ.

**Điều 2: Giá trị thanh lý hợp đồng:**

| | | |
|---|---|---|
| 1. Giá trị hợp đồng: | **225.525.600** | Đồng (đã bao gồm thuế VAT) |
| 2. Giá trị nghiệm thu hoàn thành | **225.548.280** | Đồng (đã bao gồm thuế VAT) |
| 3. Tạm ứng: | **112.763.000** | Đồng |
| 4. Giá trị thanh lý hợp đồng: | **112.785.280** | Đồng (đã bao gồm thuế VAT) |

**Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi đồng.**

**Điều 3: Điều khoản cam kết:**

- Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong thanh lý hợp đồng nêu trên.
- Thanh lý hợp đồng được thành lập 04 bản, bên A giữ 02 bản và bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY | CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀNG DUY |
| TỔNG GIÁM ĐỐC | GIÁM ĐỐC |
| Phan Công Tuấn | Đoàn Tử |

***Phụ lục 05 nghiệp vụ 6***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
**********
**BIÊN BẢN XÁC NHẬN**

Đà Nẵng, ngày .... tháng 07 năm 2025, chúng tôi gồm :
**BÊN CHO THUÊ (Bên A) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT**
MST : 0402096069
Địa chỉ : Thôn An Ngãi Đông - Xã Hòa Sơn - Huyện Hòa Vang - TP Đà Nẵng .
Đại diện : Ông Nguyễn Hồng Sơn. Chức Vụ : Giám Đốc
Điện Thoại : 0905.6868.90
**BÊN THUÊ (Bên B) : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
MST : 040090038
Địa chỉ: 67- 69-71 Nguyễn Hàng . Phường Hòa Thọ Đông . Quận Cẩm Lệ . TP Đà Nẵng
Đại diện :.... ..... Chức Vụ :.....
Điện Thoại : .....

| STT | Nội Dung | Đơn vị tính | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 1 | Cẩu Trạm MBA và tủ trung thế vào trạm<br>.Cẩu hạ 1 xe cáp điện và 1xe tủ trung thế | Trọn gói | 1 |

Ghi Chú :
• Biên bản này được làm chứng từ đối chiếu để thanh toán
• Sau khi đã kiểm tra và xác nhận các nội dung ghi trên hai bên cùng ký vào biên bản,mọi khiếu nại về sau xem như không có giá trị
• Biên bản Bàn giao được lập thành 02 bản giống nhau, mỗi bên giữ một bản có giá trị tương đương nhau.

**Đại diện bên cho thuê** **Đại diện bên thuê**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THÀNH SƠN PHÁT

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Sơn

*Biên bản xác nhận cẩu hạ trụ bê tông nghiệp vụ 6*

***Phụ lục 06 nghiệp vụ 7***

**CÔNG TY TNHH MTV NĂNG LƯỢNG 504**
VPGD: 242/1 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 0943.888504 - 0916.505504 Email: info@504power.com

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

**Số phiếu xuất : PX 3345** Số báo giá / hợp đồng : BG 29/4./2025

Hôm nay, vào lúc.....giờ..... Ngày 21 Tháng 05 Năm 2025
Tại: Nhà Máy 01 (Đà Nẵng): 239 Lê Trọng Tấn, Tổ 16, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

**1. Đại diện bên giao hàng : Công Ty TNHH MTV Năng Lượng 504**
- Ông: **Phan sỹ Quãng** Chức vụ: .....
- Ông: ..... Chức vụ: .....

**2. Đại diện bên nhận hàng: Công Ty CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: **ĐT**
..... Chức vụ: .....
- Nhà xe: **43H; 087-05** Chức vụ: Tài Xế Số ĐT: .....

Hai bên thống nhất giao nhận hàng với số lượng và chủng loại như sau:

| TT | Chủng loại cột | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (chưa VAT) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | PC.I 14-190-13 | Cột | 9 | | |
| | Tổng cộng | Cột | 9 | | Chín |

* *Kết Luận : Cột không nứt, không gãy, đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 5847-2016 khi xuất xưởng.*

**Đại diện bên giao** **Bên vận chuyển** **Đại diện bên nhận**

*Biên bản giao nhận trụ bê tông nghiệp vụ 7*

*Phụ lục 07*

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

*(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)*

*Ngày 20 tháng 12 năm 2025*

Ký hiệu: 1C25TTH

Số: **00000126**

***Mã CQT:*** *008C6B3A49BAEA43F290ED3B2D249F7948*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

**Mã số thuế: 0400490380**

Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3959797

Website: tuanhuyco.com

Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com

Số tài khoản: 19122338640012 - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:

**Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**

**Mã số thuế: 3301626861**

Địa chỉ: Đường nối quốc lộ 1A - cảng Chân Mây, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1X2 |
| 1 | Khối lượng nghiệm thu hoàn thành đợt 4 của Hợp đồng số: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH ký ngày 01/04/2025 Về việc thi công lắp đặt hệ thống cơ điện của gói thầu: "Cung cấp, thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế Nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ; Nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô con; Khu phụ trợ - Giai đoạn 2" thuộc Dự án: Khu Liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế. | | | | 7.634.991.362 |
| | | | Cộng tiền hàng: | | **7.634.991.362** |
| Thuế suất GTGT: | | | **8%** Tiền thuế GTGT: | | **610.799.309** |
| | | | Tổng tiền thanh toán: | | **8.245.790.671** |

Số tiền viết bằng chữ: ***Tám tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng chẵn.***

**Người mua hàng**

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

**Người bán hàng**

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

**Signature Valid**

***Ký bởi:*** **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

***Ký ngày:*** **20/12/2025**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **1PHPFMA9W7WL**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

*Hóa đơn GTGT số 00000126*

*Trích hồ sơ thanh toán đợt 4 hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

KIM LONG MOTOR

TUANHUY Electric

KIM LONG MOTOR HUE
08 -12- 2025
RECEIVED

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

# HỒ SƠ THANH TOÁN - ĐỢT 04

DỰ ÁN: **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS - HUẾ**

GÓI THẦU : **CUNG CẤP, THI CÔNG THI CÔNG LẮP ĐẶT HỆ THỐNG ĐIỆN TRUNG THẾ NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ; NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE Ô TÔ CON; KHU PHỤ TRỢ - GIAI ĐOẠN 2**

ĐỊA ĐIỂM: **KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, THÀNH PHỐ HUẾ**

HỢP ĐỒNG SỐ: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH và PL01-15/2025/HĐCCLD/KLM-TH

BÊN GIAO THẦU: CÔNG TY CP KIM LONG MOTOR HUẾ

BÊN NHẬN THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG BÁCH LÂM

***Tháng 12/2025***

*Giấy đề nghị thanh toán theo hồ sơ thanh toán đợt 4*

TUANHUY Electric

NHÀ THẦU HỆ THỐNG ĐIỆN TỐI ƯU NHẤT

67 - 69 - 71 Nguyen Hang Street, Cam Le Ward, Da Nang City, Viet Nam

Tel: (84) 905 641 117 Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com
Phone: (84) 236 3959 393 Website: www.tuanhuyco.com

# GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**

- *Căn cứ Hợp đồng số: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH ngày 01/04/2025 và PLHĐ số: PL01-15/2025/HĐCCLD/KLM-TH ngày 12/11/2025 giữa Công Ty Cổ Phần Kim Long Motor Huế và Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy ("Hợp đồng");*
- *Căn cứ Hồ sơ thanh toán đợt 04 Hợp đồng số: 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH ngày 01/04/2025 giữa Công Ty Cổ Phần Kim Long Motor Huế và Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy.*

Theo điều 3.3.2 Thanh toán của Hợp đồng, Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy kính đề nghị Công Ty Cổ Phần Kim Long Motor Huế thanh toán cho công ty chúng tôi tương ứng với số tiền: **7.552.313.659** VNĐ *(Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng./.)*

Đề nghị Công Ty Cổ Phần Kim Long Motor Huế thanh toán giá trị trên trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán này.

Giá trị đề nghị sẽ được chuyển vào tên và số tài khoản sau:

- Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
- Số tài khoản : 6789836688
- Tên ngân hàng : Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), PGD Núi Thành, CN Đà Nẵng

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng!

*Đà Nẵng, ngày 3 tháng 12 năm 2025*

**CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Công Tuấn

*Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán đợt 4 hợp đồng 15/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

| KIM LONG MOTOR | Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ<br>Địa điểm: Khu Kinh Tế Chân Mây- Lăng Cô, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành Phố Huế | TUANHUY Electric |
|---|---|---|

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN - ĐỢT 04**

**Gói thầu: Cung cấp, thi công thi công lắp đặt hệ thống điện trung thế nhà máy sản xuất và chế tạo động cơ; nhà máy sản xuất, lắp ráp xe ô tô con; khu phụ trợ - giai đoạn 2**

**Hợp đồng số: 15/2025/HDCCLD/KLM-TH** — **Ngày ký hợp đồng: 01/04/2025**
**PLHD số: PL01-15/2025/HDCCLD/KLM-TH** — **Ngày ký PLHD: 12/11/2025**
**Giá trị hợp đồng và PLHD: 42.939.166.330 VND** — **Số tiền tạm ứng ban đầu: 8.587.833.266 VNĐ**
**Nhà thầu: Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy** — **Cho giai đoạn: Thanh toán đợt 04**

| TT | NỘI DUNG | GIÁ TRỊ KỲ NÀY | GIÁ TRỊ LŨY KẾ | | Tỷ lệ % so với giá trị HĐ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đến kỳ trước | Đến kỳ này | | |
| A | TỔNG HỢP | | | | | |
| (a) | Giá trị hợp đồng (bao gồm các PLHD) | 42.939.166.330 | | | | |
| (b) | Giá trị giảm giá - Nếu có | - | | | | |
| (c) | Giá trị hợp đồng (bao gồm các PLHD) sau giảm giá nếu có (c=a-b) | 42.939.166.330 | | | | |
| (d) | Số tiền tạm ứng hợp đồng | 8.587.833.266 | | | | |
| (e) | Số tiền tạm ứng khối lượng, vật tư, thiết bị | - | | | | |
| B | THỰC HIỆN | | | | | |
| (f) | Giá trị khối lượng hoàn thành | 8.245.790.671 | 31.315.161.336 | 39.560.952.007 | 92% | |
| (g) | Giá trị giảm giá - Nếu có | - | - | - | | |
| (h) | Giá trị khối lượng hoàn thành sau giảm giá nếu có (h=f-g) | 8.245.790.671 | 31.315.161.336 | 39.560.952.007 | 92% | |
| - | Giá trị chưa có thuế | 7.634.991.362 | 28.995.519.756 | 36.630.511.118 | | |
| - | Thuế GTGT 8% | 610.799.309 | 2.319.641.580 | 2.930.440.889 | | |
| (i) | Giá trị được thanh toán đợt 4 | 8.311.356.591 | 25.351.667.340 | 33.663.023.931 | 78% | Chi tiết giá trị theo bảng xác định giá trị công việc hoàn thành - đợt 4 |
| (k) | Khấu trừ tạm ứng hợp đồng | 759.042.932 | 7.828.790.334 | 8.587.833.266 | 20% | |
| (l) | Chiết khấu tạm ứng VT/TB/KLTH (i x ...%) | - | - | - | | |
| (m) | Các khoản khấu trừ khác | - | - | - | | |
| C | GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN (i – k– l – m) | 7.552.313.659 | 17.522.877.006 | 25.075.190.665 | 58% | |

*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu, ba trăm mười ba nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng.*

| *Chấp thuận bởi*<br>**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU**<br>*CTY CP Kim Long Motor Huế* — *Phòng TC-KT* | *Đề nghị bởi*<br>**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU** |
|---|---|
| Trương Đình Trung — Đoàn Thế Hưng | TỔNG GIÁM ĐỐC<br>Phan Công Tuấn |
| Ngày 17/12/2025 | Ngày 3/12/2025 |

*Biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành Phố Huế, ngày 3 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH**
**BỘ PHẬN CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, GIAI ĐOẠN THI CÔNG**
Mã kiểm soát: KLM-THE-CSI-004

Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế

Gói thầu: Cung Cấp, Thi Công Lắp Đặt Hệ Thống Điện Trung Thế Nhà Máy Sản Xuất Và Chế Tạo Động Cơ; Nhà Máy Sản Xuất, Lắp Ráp Xe Ô Tô Con; Khu Phụ Trợ - Giai Đoạn 2

Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô, Xã Chân Mây – Lăng Cô, Thành Phố Huế

**1. Đối tượng nghiệm thu**:Tập kết trạm biến áp và hợp bộ đo lường mof 24kV đến công trình, lắp đặt trạm biến áp Xưởng Sơn và hợp bộ đo lường mof 24kV.

**2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

**2.1. Đại Diện Chủ đầu tư/Ban QLDA :Công ty CP KIM LONG Motor Huế**

- Ông: Nguyễn Quang An — Chức vụ: Trưởng Phòng Quản lý thi công
- Ông: Nguyễn Giang Sơn — Chức vụ: Quản lý thi công
- Ông: ..... — Chức vụ: .....

**2.2. Đại diện Tư vấn giám sát : Công ty cổ phần thiết kế xây dựng Bách Lâm**

- Ông: Nguyễn Quốc Bảo — Chức vụ: TVGS Trưởng
- Ông: Nguyễn Văn Tịnh — Chức vụ: TVGS Phó
- Ông: ..... — Chức vụ: .....

**2.3. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy**

- Ông: Lương Quang Vinh — Chức vụ: Chỉ huy trưởng
- Ông: Lê Tấn Nghĩa — Chức vụ: Kỹ thuật trực tiếp

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 8h00 ngày 3 tháng 12 năm 2025

Kết thúc: 17h00 ngày 3 tháng 12 năm 2025

Tại: Công trình khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế

**4. Nội dung kiểm tra :**

**4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu**

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan: Thuyết minh biện pháp thi công được duyệt.

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu

- Hồ sơ trúng thầu và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Hợp đồng số 15/2025/HĐTC/KLM-TH giữa Công ty Cổ phần KIM LONG Motor Huế và Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy ký ngày 01/04/2025 về việc thi công gói thầu: "Cung Cấp, Thi Công Lắp Đặt Hệ Thống Điện Trung Thế Nhà Máy Sản Xuất Và Chế Tạo Động Cơ; Nhà Máy Sản Xuất, Lắp Ráp Xe Ô Tô Con; Khu Phụ Trợ - Giai Đoạn 2".

- Phụ lục hợp đồng số PL01-15/2025/HĐCCLĐ/KLM-TH về việc Điều chỉnh thông số kỹ thuật một số thiết bị ký ngày 12/11/2025;

- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kèm theo dự án
- Hồ sơ thí nghiệm đầu vào.
- Các văn bản phê duyệt vật liệu đã được chủ đầu tư chấp thuận.
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

+ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về Quản lý hoạt động xây dựng;

+ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ ban hành về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

+ Quy định quản lý chất lượng xây dựng công trình điện trong Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 10738/QĐ-EVN CPC ngày 27/11/2019;

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện.

- Văn bản khác có liên quan.

*Phụ lục 08*

# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C25TTH

*(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)*

Số: **00000068**

*Ngày 21 tháng 07 năm 2025*

***Mã CQT:*** *009EE26ACFD6EA4FD7840E2D09813670B7*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

**Mã số thuế: 0400490380**

Địa chỉ: Số 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236.3959797

Website: tuanhuyco.com

Email: tuanhuy.info@tuanhuyco.com

Số tài khoản: 19122338640012 - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:

**Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**

**Mã số thuế: 3301626861**

Địa chỉ: Đường nối quốc lộ 1A - cảng Chân Mây, Xã Chân Mây - Lăng Cô, Thành phố Huế

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1X2 |
| 1 | Khối lượng quyết toán của Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số: 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH ký ngày 06/05/2025 Về việc: "Thi công di dời Trạm Biến Áp T1 1000KVA (Giai đoạn 2)" thuộc Dự án: Khu Liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế. | | | | 702.898.164 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | **702.898.164** |
| Thuế suất GTGT: | | **8%** | Tiền thuế GTGT: | | **56.231.853** |
| Tổng tiền thanh toán: | | | | | **759.130.017** |
| Số tiền viết bằng chữ: ***Bảy trăm năm mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm mười bảy đồng chẵn.*** | | | | | |

**Người mua hàng**

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

**Người bán hàng**

*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

**Signature Valid**

***Ký bởi:*** **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

***Ký ngày:*** **21/07/2025**

Tra cứu tại Website: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn: **3JHWU9AB38RV**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

*Hóa đơn GTGT số 00000068*

KIM LONG MOTOR

TUANHUY Electric

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**

# HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

| | |
|---|---|
| DỰ ÁN: | **KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ** |
| HẠNG MỤC : | THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA (GIAI ĐOẠN 2) |
| ĐỊA ĐIỂM: | KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ |
| HỢP ĐỒNG SỐ: | 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH |
| BÊN GIAO THẦU: | CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ |
| BÊN NHẬN THẦU: | CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY |

***Tháng .../2025***

| KIM LONG MOTOR | Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ<br>Địa điểm: KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ | TUANHUY Electric |
|---|---|---|

# BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

**Hạng mục:** THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA (GIAI ĐOẠN 2)

**Hợp đồng số:** 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH — **Ngày hợp đồng:** 06/05/2025

**PL Hợp đồng số:** — **Ngày PL hợp đồng:**

**Giá trị hợp đồng ban đầu + PLHĐ:** 759.130.017 đồng — **Giá trị tạm ứng ban đầu:** không tạm ứng

**Nhà thầu:** Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy — **Cho giai đoạn:** Quyết toán

| TT | NỘI DUNG | GIÁ TRỊ (VNĐ) | Tỷ lệ % so với hợp đồng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| A | TỔNG HỢP | | | |
| 1 | Giá trị hợp đồng (bao gồm các PLHĐ) | 759.130.017 | | |
| 2 | Số tiền tạm ứng hợp đồng | - | 0,00% | |
| 3 | Số tiền tạm ứng khối lượng thực hiện (vật tư, thiết bị…) | - | | |
| B | QUYẾT TOÁN | | | |
| 1 | Giá trị quyết toán | 759.130.017 | 100,00% | |
| - | Giá trị chưa thuế | 702.898.164 | | |
| - | Thuế GTGT 8% | 56.231.853 | | |
| 2 | Hoàn trả tạm ứng hợp đồng | - | 0,00% | |
| 3 | Hoàn trả tạm ứng khối lượng thực hiện (vật tư, thiết bị…) | - | | |
| C | THANH TOÁN | | | |
| 1 | Giá trị được thanh toán (B1 x100%) | 759.130.017 | 100,00% | |
| 2 | Giá trị đã thanh toán | - | 0,00% | |
| - | Hoàn trả tạm ứng hợp đồng | - | | |
| 3 | Các khoản khấu trừ (phạt, …) | - | | |
| 4 | Các khoản tạm giữ (bảo hành) | 37.956.501 | 5,00% | Phát hành chứng thư bảo lãnh |
| 5 | Giá trị còn được thanh toán đợt này (C5=C1-C2-C3) | 759.130.017 | 100,00% | |

*(Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn không trăm mười bảy đồng)*

*Chấp thuận bởi*

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**
**CTY CP Kim Long Motor Huế**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Trương Đình Trung
Ngày 15/07/2025

**Phòng TC-KT**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

Đoàn Thế Hưng

*Đề nghị bởi*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG**
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Ngày 24/06/2025

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Phan Công Tuấn

KIM LONG MOTOR

Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ

Địa điểm: KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

TUANHUY Electric

# BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC QUYẾT TOÁN

**Hạng mục: THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA (GIAI ĐOẠN 2)**

**Giai đoạn: Quyết toán**

**Hợp đồng số: 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH**

**Ngày ký hợp đồng: 06/05/2025**

**PL Hợp đồng số:**

**Ngày ký PL hợp đồng:**

| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đơn giá (trước thuế) | | Theo hợp đồng (bao gồm các PLHĐ) | | | | Quyết toán | | | | | % Tỷ lệ quyết toán so với khối lượng hợp đồng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Khối lượng | Thành tiền | | | Khối lượng quyết toán | | Thành tiền | | | | |
| | | | Vật tư | Nhân công | | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)=(4)*(6)* | *(8)=(5)*(6)* | *(9)=(7)+(8)* | *(10)* | *(11)* | *(12)=(10)*(5)* | *(13)=(11)*(6)* | *(14)=(12)+(13)* | *(15)=(14)/(9)* | *(16)* |
| **A** | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | | **15.397.200** | | | **-** | **15.397.200** | **15.397.200** | **100%** | |
| 1 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | - | 2.600.000 | 1,00 | - | 2.600.000 | 2.600.000 | - | 1,00 | - | 2.600.000 | 2.600.000 | 100% | |
| 2 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | - | 1.300.000 | 1,00 | - | 1.300.000 | 1.300.000 | - | 1,00 | - | 1.300.000 | 1.300.000 | 100% | |
| 3 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | - | 52.000 | 3,00 | - | 156.000 | 156.000 | - | 3,00 | - | 156.000 | 156.000 | 100% | |
| 4 | Sứ đứng | Cái | - | 52.000 | 6,00 | - | 312.000 | 312.000 | - | 6,00 | - | 312.000 | 312.000 | 100% | |
| 5 | Chống sét van | Cái | - | 52.000 | 3,00 | - | 156.000 | 156.000 | - | 3,00 | - | 156.000 | 156.000 | 100% | |
| 6 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | - | 26.000 | 45,00 | - | 1.170.000 | 1.170.000 | - | 45,00 | - | 1.170.000 | 1.170.000 | 100% | |
| 7 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | - | 28.600 | 112,00 | - | 3.203.200 | 3.203.200 | - | 112,00 | - | 3.203.200 | 3.203.200 | 100% | |
| 8 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | - | 4.550.000 | 1,00 | - | 4.550.000 | 4.550.000 | - | 1,00 | - | 4.550.000 | 4.550.000 | 100% | |
| 9 | Xà và phụ kiện | Hệ | - | 650.000 | 1,00 | - | 650.000 | 650.000 | - | 1,00 | - | 650.000 | 650.000 | 100% | |
| 10 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | - | 1.300.000 | 1,00 | - | 1.300.000 | 1.300.000 | - | 1,00 | - | 1.300.000 | 1.300.000 | 100% | |
| **B** | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | **391.086.964** | **206.414.000** | **597.500.964** | | | **391.086.964** | **206.414.000** | **597.500.964** | **100%** | |
| **I** | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | **352.732.964** | **166.790.000** | **519.522.964** | | | **352.732.964** | **166.790.000** | **519.522.964** | **100%** | |
| 1 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 2.251.524 | 123.500 | 3,00 | 6.754.572 | 370.500 | 7.125.072 | 3,00 | 3,00 | 6.754.572 | 370.500 | 7.125.072 | 100% | |
| 2 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 1.512.072 | 123.500 | 3,00 | 4.536.216 | 370.500 | 4.906.716 | 3,00 | 3,00 | 4.536.216 | 370.500 | 4.906.716 | 100% | |
| 3 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 361.548 | 123.500 | 12,00 | 4.338.576 | 1.482.000 | 5.820.576 | 12,00 | 12,00 | 4.338.576 | 1.482.000 | 5.820.576 | 100% | |
| 4 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 468.000 | 123.500 | 18,00 | 8.424.000 | 2.223.000 | 10.647.000 | 18,00 | 18,00 | 8.424.000 | 2.223.000 | 10.647.000 | 100% | |
| 5 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 75.000 | 39.000 | 1.438,00 | 107.850.000 | 56.082.000 | 163.932.000 | 1.438,00 | 1.438,00 | 107.850.000 | 56.082.000 | 163.932.000 | 100% | |
| 6 | Cụm chống rớt dây | Cái | 7.286.400 | 1.040.000 | 1,00 | 7.286.400 | 1.040.000 | 8.326.400 | 1,00 | 1,00 | 7.286.400 | 1.040.000 | 8.326.400 | 100% | |
| 7 | Cụm đầu rẽ | Cái | 420.000 | 227.500 | 6,00 | 2.520.000 | 1.365.000 | 3.885.000 | 6,00 | 6,00 | 2.520.000 | 1.365.000 | 3.885.000 | 100% | |
| 8 | Lắp đặt FCO | Cái | - | 123.500 | 3,00 | - | 370.500 | 370.500 | - | 3,00 | - | 370.500 | 370.500 | 100% | |
| 9 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | - | 123.500 | 6,00 | - | 741.000 | 741.000 | - | 6,00 | - | 741.000 | 741.000 | 100% | |

| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đơn giá (trước thuế) | | Theo hợp đồng (bao gồm các PLHD) | | | | Quyết toán | | | | | % Tỷ lệ quyết toán so với khối lượng hợp đồng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Khối lượng | Thành tiền | | | Khối lượng quyết toán | | Thành tiền | | | | |
| | | | Vật tư | Nhân công | | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(4)*(6) | (8)=(5)*(6) | (9)=(7)+(8) | (10) | (11) | (12)=(10)*(5) | (13)=(11)*(6) | (14)=(12)+(13) | (15)=(14)/(9) | (16) |
| 10 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | - | 123.500 | 3,00 | - | 370.500 | 370.500 | - | 3,00 | - | 370.500 | 370.500 | 100% | |
| 11 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | - | 39.000 | 45,00 | - | 1.755.000 | 1.755.000 | - | 45,00 | - | 1.755.000 | 1.755.000 | 100% | |
| | **Phần xây dựng** | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 12.623.800 | 3.250.000 | 9,00 | 113.614.200 | 29.250.000 | 142.864.200 | 9,00 | 9,00 | 113.614.200 | 29.250.000 | 142.864.200 | 100% | |
| 11 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 6.350.000 | 6.500.000 | 9,00 | 57.150.000 | 58.500.000 | 115.650.000 | 9,00 | 9,00 | 57.150.000 | 58.500.000 | 115.650.000 | 100% | |
| 12 | Tiếp địa trụ đầu nối | Hệ | 8.890.000 | 5.850.000 | 1,00 | 8.890.000 | 5.850.000 | 14.740.000 | 1,00 | 1,00 | 8.890.000 | 5.850.000 | 14.740.000 | 100% | |
| | **Xà và phụ kiện** | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 2.540.000 | 260.000 | 1,00 | 2.540.000 | 260.000 | 2.800.000 | 1,00 | 1,00 | 2.540.000 | 260.000 | 2.800.000 | 100% | |
| 13 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 2.032.000 | 260.000 | 1,00 | 2.032.000 | 260.000 | 2.292.000 | 1,00 | 1,00 | 2.032.000 | 260.000 | 2.292.000 | 100% | |
| 15 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 2.032.000 | 260.000 | 6,00 | 12.192.000 | 1.560.000 | 13.752.000 | 6,00 | 6,00 | 12.192.000 | 1.560.000 | 13.752.000 | 100% | |
| 16 | Xà néo cuối | Bộ | 2.540.000 | 260.000 | 1,00 | 2.540.000 | 260.000 | 2.800.000 | 1,00 | 1,00 | 2.540.000 | 260.000 | 2.800.000 | 100% | |
| 17 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | - | 260.000 | 1,00 | - | 260.000 | 260.000 | - | 1,00 | - | 260.000 | 260.000 | 100% | |
| 18 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | - | 260.000 | 2,00 | - | 520.000 | 520.000 | - | 2,00 | - | 520.000 | 520.000 | 100% | |
| 19 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 12.065.000 | 3.900.000 | 1,00 | 12.065.000 | 3.900.000 | 15.965.000 | 1,00 | 1,00 | 12.065.000 | 3.900.000 | 15.965.000 | 100% | |
| **II** | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | **38.354.000** | **39.624.000** | **77.978.000** | | | **38.354.000** | **39.624.000** | **77.978.000** | **100%** | |
| 1 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | - | 3.900.000 | 1,00 | - | 3.900.000 | 3.900.000 | - | 1,00 | - | 3.900.000 | 3.900.000 | 100% | |
| 2 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | - | 1.950.000 | 1,00 | - | 1.950.000 | 1.950.000 | - | 1,00 | - | 1.950.000 | 1.950.000 | 100% | |
| 3 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 15.875.000 | 11.050.000 | 1,00 | 15.875.000 | 11.050.000 | 26.925.000 | 1,00 | 1,00 | 15.875.000 | 11.050.000 | 26.925.000 | 100% | |
| 4 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 6.604.000 | 3.900.000 | 1,00 | 6.604.000 | 3.900.000 | 10.504.000 | 1,00 | 1,00 | 6.604.000 | 3.900.000 | 10.504.000 | 100% | |
| 5 | Nền trạm biến áp | Hệ | 8.255.000 | 5.850.000 | 1,00 | 8.255.000 | 5.850.000 | 14.105.000 | 1,00 | 1,00 | 8.255.000 | 5.850.000 | 14.105.000 | 100% | |
| 6 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | - | 3.900.000 | 1,00 | - | 3.900.000 | 3.900.000 | - | 1,00 | - | 3.900.000 | 3.900.000 | 100% | |
| 7 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | - | 52.000 | 112,00 | - | 5.824.000 | 5.824.000 | - | 112,00 | - | 5.824.000 | 5.824.000 | 100% | |
| 8 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 7.620.000 | 3.250.000 | 1,00 | 7.620.000 | 3.250.000 | 10.870.000 | 1,00 | 1,00 | 7.620.000 | 3.250.000 | 10.870.000 | 100% | |
| 9 | Chi phí kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh và châm dầu MBA | Hệ | - | - | 1,00 | - | - | - | - | - | | | | | |
| **C** | **CHI PHÍ KHÁC** | | | | | - | **90.000.000** | **90.000.000** | | | - | **90.000.000** | **90.000.000** | **100%** | |
| 1 | Chi phí làm đường tạm thi công (90x3m) | Gói | - | 17.000.000 | 1,00 | - | 17.000.000 | 17.000.000 | - | 1,00 | - | 17.000.000 | 17.000.000 | 100% | |
| 2 | Chi phí hỗ trợ giải phóng hành lang điện tại khu vực chưa giải tỏa đền bù nếu có (cây rừng trồng) | Gói | - | - | 1,00 | - | - | - | - | - | | | | | |
| 3 | Chi phí khảo sát thiết kế, thực hiện hồ sơ thuận đấu nối | Gói | - | 54.000.000 | 1,00 | - | 54.000.000 | 54.000.000 | - | 1,00 | - | 54.000.000 | 54.000.000 | 100% | |

| Stt | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Đơn giá (trước thuế) | | Theo hợp đồng (bao gồm các PLHĐ) | | | | Quyết toán | | | | | % Tỷ lệ quyết toán so với khối lượng hợp đồng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Khối lượng | Thành tiền | | | Khối lượng quyết toán | | Thành tiền | | | | |
| | | | Vật tư | Nhân công | | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | Tổng hợp | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(4)*(6) | (8)=(5)*(6) | (9)=(7)+(8) | (10) | (11) | (12)=(10)*(5) | (13)=(11)*(6) | (14)=(12)+(13) | (15)=(14)/(9) | (16) |
| 4 | Chi phí thí nghiệm Điện Lực | Gói | - | 19.000.000 | 1,00 | - | 19.000.000 | 19.000.000 | - | 1,00 | - | 19.000.000 | 19.000.000 | 100% | |
| * | **Tổng giá trị trước thuế** | | | | | 391.086.964 | 311.811.200 | 702.898.164 | | | 391.086.964 | 311.811.200 | 702.898.164 | | |
| * | **Thuế GTGT 8% (theo hợp đồng)** | | | | | 31.286.957 | 24.944.896 | 56.231.853 | | | 31.286.957 | 24.944.896 | 56.231.853 | | |
| * | **Tổng giá trị sau thuế** | | | | | 422.373.921 | 336.756.096 | 759.130.017 | | | 422.373.921 | 336.756.096 | 759.130.017 | 100% | |

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU**

**Ban Quản Lý Dự Án**

*(Ký, ghi rõ họ tên.)*

**Hoàng Thanh Tùng**

Ngày 07/01/2025

Ngô Quang An

**Bộ Phận Kế Hoạch Đấu Thầu**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ngày 05/07/2025

**Nguyễn Tấn Lam**

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

M.S.D.N: 0400490380 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngày 24/06/2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Công Tuấn

KIM LONG MOTOR

Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ

Địa điểm: KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

TUANHUY Electric

# BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC QUYẾT TOÁN

**Hạng mục: THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA (GIAI ĐOẠN 2)**

**Hợp đồng số: 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH**

**PL Hợp đồng số:**

**Giai đoạn: Quyết toán**

**Ngày ký hợp đồng: 06/05/2025**

**Ngày ký PL hợp đồng:**

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng theo hợp đồng & phụ lục hợp đồng | Khối lượng quyết toán | | % Tỷ lệ hoàn thành theo hợp đồng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7)=(5)/(4) | (8)=(6)/(4) | (9) |
| **A** | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | | |
| 1 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 3 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 4 | Sứ đứng | Cái | 6,00 | - | 6,00 | 0% | 100% | |
| 5 | Chống sét van | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 6 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | 45,00 | - | 45,00 | 0% | 100% | |
| 7 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | - | 112,00 | 0% | 100% | |
| 8 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 9 | Xà và phụ kiện | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 10 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| **B** | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | | | |
| **I** | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | | | |
| 1 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 100% | 100% | |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng theo hợp đồng & phụ lục hợp đồng | Khối lượng quyết toán | | % Tỷ lệ hoàn thành theo hợp đồng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| 2 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 100% | 100% | |
| 3 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 12,00 | 12,00 | 12,00 | 100% | 100% | |
| 4 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 18,00 | 18,00 | 18,00 | 100% | 100% | |
| 5 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 1.438,00 | 1.438,00 | 1.438,00 | 100% | 100% | |
| 6 | Cụm chống rớt dây | Cái | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 7 | Cụm đấu rẽ | Cái | 6,00 | 6,00 | 6,00 | 100% | 100% | |
| 8 | Lắp đặt FCO | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 9 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | 6,00 | - | 6,00 | 0% | 100% | |
| 10 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 11 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 45,00 | - | 45,00 | 0% | 100% | |
| | **Phần xây dựng** | | | | | | | |
| 10 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 100% | 100% | |
| 11 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 100% | 100% | |
| 12 | Tiếp địa trụ đấu nối | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| | **Xà và phụ kiện** | | | | | | | |
| 12 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 13 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 15 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 6,00 | 6,00 | 6,00 | 100% | 100% | |
| 16 | Xà néo cuối | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 17 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 18 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | 2,00 | - | 2,00 | 0% | 100% | |
| 19 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| **II** | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | | | |
| 1 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị | Khối lượng theo hợp đồng & phụ lục hợp đồng | Khối lượng quyết toán | | % Tỷ lệ hoàn thành theo hợp đồng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| 3 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 4 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 5 | Nền trạm biến áp | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 6 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 7 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | - | 112,00 | 0% | 100% | |
| 8 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 9 | Chi phí kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh và châm dầu MBA | Hệ | 1,00 | - | - | 0% | 0% | |
| C | **CHI PHÍ KHÁC** | | | | | | | |
| 1 | Chi phí làm đường tạm thi công (90x3m) | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Chi phí hỗ trợ giải phóng hành lang điện tại khu vực chưa giải tỏa đền bù nếu có (cây rừng trồng) | Gói | 1,00 | - | - | 0% | 0% | |
| 3 | Chi phí khảo sát thiết kế, thực hiện hồ sơ thuận đấu nối | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 4 | Chi phí thí nghiệm Điện Lực | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU**
**Ban QLDA**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ngô Quang Thi

Ngày 03/7/25

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

M.S.D.N: 0400490380 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngày 24/06/2025

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Công Tuấn

KIM LONG MOTOR

Dự án: KHU LIÊN HỢP SẢN XUẤT, LẮP RÁP KIM LONG MOTORS HUẾ

Địa điểm: KHU KINH TẾ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

TUANHUY Electric

# BẢNG TÍNH TOÁN CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC QUYẾT TOÁN

**Hạng mục: THI CÔNG DI DỜI TRẠM BIẾN ÁP T1 1000KVA (GIAI ĐOẠN 2)**

**Hợp đồng số: 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH**

**PL Hợp đồng số:**

**Giai đoạn: Quyết toán**

**Ngày ký hợp đồng: 06/05/2025**

**Ngày ký PL hợp đồng:**

| Stt | Bản vẽ hoàn công số... | Nội dung công việc - Diễn giải chi tiết | Đvt | Khối lượng | Kích thước (m) | | | Số phụ | Hệ số | Khối lượng 1 bộ phận | | Khối lượng toàn bộ | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Dài | Rộng | Cao/Dày | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| **A** | | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | KLM-T1-007 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 2 | KLM-T1-007 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 3 | KLM-T1-007 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | | | | | | | | 3,00 | CWI-104 |
| 4 | KLM-T1-007 | Sứ đứng | Cái | 6,00 | | | | | | | | | 6,00 | CWI-104 |
| 5 | KLM-T1-007 | Chống sét van | Cái | 3,00 | | | | | | | | | 3,00 | CWI-104 |
| 6 | KLM-T1-007 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | 45,00 | | | | | | | | | 45,00 | CWI-104 |
| 7 | KLM-T1-007 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | | | | | | | | 112,00 | CWI-104 |
| 8 | KLM-T1-007 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 9 | KLM-T1-007 | Xà và phụ kiện | Hệ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 10 | KLM-T1-007 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| **B** | | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | | | | | | | | |
| **I** | | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | KLM-T1-001~007 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | | | | | | | | 3,00 | 3,00 | CWI-104 |
| 2 | KLM-T1-001~007 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 3,00 | | | | | | | | 3,00 | 3,00 | CWI-104 |
| 3 | KLM-T1-001~007 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 12,00 | | | | | | | | 12,00 | 12,00 | CWI-104 |
| 4 | KLM-T1-001~007 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 18,00 | | | | | | | | 18,00 | 18,00 | CWI-104 |
| 5 | KLM-T1-001~007 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 1.438,00 | | | | | | | | 1.438,00 | 1.438,00 | CWI-104 |

| Stt | Bản vẽ hoàn công số... | Nội dung công việc - Diễn giải chi tiết | Đvt | Khối lượng | Kích thước (m) | | | Số phụ | Hệ số | Khối lượng 1 bộ phận | | Khối lượng toàn bộ | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Dài | Rộng | Cao/Dày | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| 6 | KLM-T1-001~007 | Cụm chống rớt dây | Cái | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-104 |
| 7 | KLM-T1-001~007 | Cụm đầu rẽ | Cái | 6,00 | | | | | | | | 6,00 | 6,00 | CWI-104 |
| 8 | KLM-T1-001~007 | Lắp đặt FCO | Cái | 3,00 | | | | | | | | | 3,00 | CWI-104 |
| 9 | KLM-T1-001~007 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | 6,00 | | | | | | | | | 6,00 | CWI-104 |
| 10 | KLM-T1-001~007 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | 3,00 | | | | | | | | | 3,00 | CWI-104 |
| 11 | KLM-T1-001~007 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 45,00 | | | | | | | | | 45,00 | CWI-104 |
| | | **Phần xây dựng** | | | | | | | | | | | | |
| 10 | KLM-T1-007~016 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 9,00 | | | | | | | | 9,00 | 9,00 | CWI-102 |
| 11 | KLM-T1-007~016 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 9,00 | | | | | | | | 9,00 | 9,00 | CWI-101 |
| 12 | KLM-T1-007~016 | Tiếp địa trụ đấu nối | Hệ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-104 |
| | | **Xà và phụ kiện** | | | | | | | | | | | | |
| 12 | KLM-T1-007~016 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-103 |
| 13 | KLM-T1-007~016 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-103 |
| 15 | KLM-T1-007~016 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 6,00 | | | | | | | | 6,00 | 6,00 | CWI-103 |
| 16 | KLM-T1-007~016 | Xà néo cuối | Bộ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-103 |
| 17 | KLM-T1-007~016 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 18 | KLM-T1-007~016 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | 2,00 | | | | | | | | | 2,00 | CWI-104 |
| 19 | KLM-T1-007~016 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | |
| **II** | | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | KLM-T1-007 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 2 | KLM-T1-007 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 3 | KLM-T1-007 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-104 |
| 4 | KLM-T1-007 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-101 |
| 5 | KLM-T1-007 | Nền trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-101 |
| 6 | KLM-T1-007 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | CWI-104 |
| 7 | KLM-T1-007 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | | | | | | | | | 112,00 | CWI-104 |
| 8 | KLM-T1-007 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | | | | | | | | 1,00 | 1,00 | CWI-104 |
| 9 | KLM-T1-007 | Chi phí kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh và châm dầu MBA | Hệ | 1,00 | | | | | | | | | | |

| Stt | Bản vẽ hoàn công số... | Nội dung công việc - Diễn giải chi tiết | Đvt | Khối lượng | Kích thước (m) | | | Số phụ | Hệ số | Khối lượng 1 bộ phận | | Khối lượng toàn bộ | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Dài | Rộng | Cao/Dày | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| C | | CHI PHÍ KHÁC | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | Chi phí làm đường tạm thi công (90x3m) | Gói | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | |
| 2 | | Chi phí hỗ trợ giải phóng hành lang điện tại khu vực chưa giải tỏa đền bù nếu có (cây rừng trồng) | Gói | 1,00 | | | | | | | | | | |
| 3 | | Chi phí khảo sát thiết kế, thực hiện hồ sơ thuận đấu nối | Gói | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | |
| 4 | | Chi phí thí nghiệm Điện Lực | Gói | 1,00 | | | | | | | | | 1,00 | |

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU - BAN QLDA**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ngày 03/7/25

.... , ngày ..... tháng ... năm ...
**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Lương Quang Vinh

Ngày 24/06/2025

*Biên bản xác nhận khối lượng công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành Phố Huế, ngày 24 tháng 06 năm 2025

**BIÊN BẢN SỐ: KLM-THE-PRD-TBA T1 1000kVA -(001)**

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG**

Dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế

Gói thầu: Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (giai đoạn 2)

Địa điểm xây dựng: Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô, huyện Phú Lộc, Thành Phố Huế

**1. Đối tượng nghiệm thu**: Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (giai đoạn 2)

**2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:**

**2.1. Đại Diện Chủ đầu tư/Ban QLDA :Công ty CP KIM LONG Motor Huế**

- Ông: Nguyễn Quang An — Chức vụ: Trưởng BP Quản lý thi công
- Ông: Nguyễn Giang Sơn — Chức vụ: Quản lý thi công
- Ông: ..... — Chức vụ: .....

**2.2. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy**

- Ông: Lương Quang Vinh — Chức vụ: Chỉ huy trưởng
- Ông: ..... — Chức vụ: .....

**3. Thời gian nghiệm thu:**

Bắt đầu: 8h00 ngày 24 tháng 06 năm 2025

Kết thúc: 11h00 ngày 24 tháng 06 năm 2025

Tại: Công trình khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế

**4. Nội dung kiểm tra :**

**4.1. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu**

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan: Thuyết minh biện pháp thi công được duyệt.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và /những thay đổi thiết kế đã được chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu
- Hồ sơ trúng thầu và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
- Hợp đồng số 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH giữa Công ty Cổ phần KIM LONG Motor Huế và Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy ký ngày 06/05/2025
- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật kèm theo dự án
- Hồ sơ thí nghiệm đầu vào.
- Các văn bản phê duyệt vật liệu đã được chủ đầu tư chấp thuận.

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:

+ Quy định quản lý chất lượng xây dựng công trình điện trong Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 10738/QĐ-EVN CPC ngày 27/11/2019

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện.

- Văn bản khác có liên quan.

**4.2. Về chất lượng công việc xây dựng:**

- Đảm bảo chất lượng theo đúng bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đã được Chủ đầu tư phê duyệt

- Đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn đã được Chủ đầu tư phê duyệt và theo quy định của Nghị định 06/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

**4.3. Về khối lượng công việc xây dựng:**

| STT | Nội dung công việc | ĐVT | Khối lượng theo hợp đồng & PLHĐ | Khối lượng quyết toán | | % Tỷ lệ hoàn thành so với hợp đồng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| A | **PHẦN THÁO DỠ VÀ THU HỒI** | | | | | | | |
| 1 | Máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Tủ điện hạ thế LV | Tủ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 3 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 4 | Sứ đứng | Cái | 6,00 | - | 6,00 | 0% | 100% | |
| 5 | Chống sét van | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 6 | Dây AXV (1Cx95)mm2-24kV | Mét | 45,00 | - | 45,00 | 0% | 100% | |
| 7 | Cáp điện hạ thế CXV (1Cx240)mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | - | 112,00 | 0% | 100% | |
| 8 | Hàng rào trạm biến áp | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 9 | Xà và phụ kiện | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 10 | Vệ sinh hoàn trả mặt bằng | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| B | **PHẦN THI CÔNG LẮP ĐẶT** | | | | | | | |
| I | **PHẦN ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ** | | | | | | | |
| 1 | Cầu chì tự rơi FCO | Cái | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 100% | 100% | |
| 2 | Thu lôi van LA 21-10kA | Cái | 3,00 | 3,00 | 3,00 | 100% | 100% | |
| 3 | Sứ chuỗi polymer 24kV | Cái | 12,00 | 12,00 | 12,00 | 100% | 100% | |
| 4 | Sứ đứng Pinpost | Cái | 18,00 | 18,00 | 18,00 | 100% | 100% | |
| 5 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 1.438,00 | 1.438,00 | 1.438,00 | 100% | 100% | |
| 6 | Cụm chống rớt dây | Cái | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 7 | Cụm đấu rẽ | Cái | 6,00 | 6,00 | 6,00 | 100% | 100% | |
| 8 | Lắp đặt FCO | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 9 | Lắp đặt sứ đứng | Cụm | 6,00 | - | 6,00 | 0% | 100% | |
| 10 | Lắp đặt thu lôi van | Cái | 3,00 | - | 3,00 | 0% | 100% | |
| 11 | Cáp điện AXV 1Cx95mm2-24kV | Mét | 45,00 | - | 45,00 | 0% | 100% | |
| | **Phần xây dựng** | | | | | | | |
| 10 | Trụ BTLT 14 mét | Trụ | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 100% | 100% | |
| 11 | Móng trụ BTLT đơn | Móng | 9,00 | 9,00 | 9,00 | 100% | 100% | |

| STT | Nội dung công việc | ĐVT | Khối lượng theo hợp đồng & PLHĐ | Khối lượng quyết toán | | % Tỷ lệ hoàn thành so với hợp đồng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật tư | Nhân công | Vật tư | Nhân công | |
| 12 | Tiếp địa trụ đấu nối | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| | **Xà và phụ kiện** | | | | | | | |
| 12 | Xà néo trụ đầu tuyến | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 13 | Xà lắp đặt thu lôi van và FCO | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 15 | Xà sứ đỡ Pinpost | Bộ | 6,00 | 6,00 | 6,00 | 100% | 100% | |
| 16 | Xà néo cuối | Bộ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 17 | Lắp đặt xà FCO trụ II | Bộ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 18 | Lắp đặt xà sứ đứng trụ II | Bộ | 2,00 | - | 2,00 | 0% | 100% | |
| 19 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| II | **PHẦN TRẠM BIẾN ÁP** | | | | | | | |
| 1 | Lắp đặt máy biến áp dầu 1000kVA | Máy | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Lắp đặt tủ điện hạ thế LV 1 | Tủ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 3 | Tiếp địa trạm biến áp | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 4 | Bệ móng máy biến áp | Móng | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 5 | Nền trạm biến áp | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 6 | Lắp đặt hàng rào bảo vệ trạm biến áp | Hệ | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 7 | Lắp đặt cáp CXV 1Cx240mm2-0,6/1kV | Mét | 112,00 | - | 112,00 | 0% | 100% | |
| 8 | Phụ kiện và vật tư phụ | Hệ | 1,00 | 1,00 | 1,00 | 100% | 100% | |
| 9 | Chi phí kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh và châm dầu MBA | Hệ | 1,00 | - | - | 0% | 0% | |
| C | **CHI PHÍ KHÁC** | | | | | | - | |
| 1 | Chi phí làm đường tạm thi công (90x3m) | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 2 | Chi phí hỗ trợ giải phóng hành lang điện tại khu vực chưa giải tỏa đền bù nếu có (cây rừng trồng) | Gói | 1,00 | - | - | 0% | 0% | |
| 3 | Chi phí khảo sát thiết kế, thực hiện hồ sơ thuận đấu nối | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |
| 4 | Chi phí thí nghiệm Điện Lực | Gói | 1,00 | - | 1,00 | 0% | 100% | |

**4.4. Các ý kiến khác (nếu có): Không**

**5. Kết luận và kiến nghị:**

Chấp thuận nghiệm thu hoàn thành gói thầu: Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (giai đoạn 2) giai đoạn Quyết toán.

**Đ/D CHỦ ĐẦU TƯ**

Ngô Quang An

**Đ/D NHÀ THẦU THI CÔNG**

Lương Quang Vinh

*Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành Phố Huế, ngày 06 tháng 06 năm 2025*

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU**
**HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
Mã kiểm soát số: KLM-THE-ICIU-001

**Dự án:** Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế
**Gói thầu:** Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (Giai đoạn 2)
**Địa điểm:** Khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô, huyện Phú Lộc, thành phố Huế

**I. Đối tượng nghiệm thu:** Nghiệm thu hoàn thành gói thầu Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (Giai đoạn 2).

**II. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

**1. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Kim Long Motor Huế

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: Hoàng Thanh Tùng Chức vụ: Phó Ban QLDA

Ông: Nguyễn Quang An Chức vụ: Trưởng Phòng QLTC

Ông: Nguyễn Giang Sơn Chức vụ: QLTC

Ông: ..... Chức vụ: .....

Ông: ..... Chức vụ: .....

**2. Đơn vị thi công:** Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Tuấn Huy

Ông: Phan Công Tuấn Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông: Lương Quang Vinh Chức vụ: Chỉ huy trưởng

**III. Thời gian tiến hành nghiệm thu :**

Bắt đầu : ..8h00....., ngày 06. tháng 06 năm 2025.

Kết thúc : ..11h00.., ngày 06. tháng 06 năm 2025.

Tại dự án: Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế.

**IV. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:**

**1. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:**

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ ban hành về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/04/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và những thay đổi đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Căn cứ theo Hợp đồng số 19A/2025/HĐCCLD/KLM - TH ngày 06 tháng 05 năm 2025giữa Công ty Cổ phần KIM LONG Motor Huế với Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Tuấn Huy về việc thực hiện gói thầu: Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (Giai đoạn 2);

- Thỏa thuận đấu nối số 758/TTĐN-TTHPC & KLM ngày 21 tháng 05 năm 2025 giữa Công ty điện lực Thừa Thiên Huế và Công ty Cổ phần KIM LONG Motor Huế;

- Biện pháp thi công được Chủ đầu tư duyệt;

- Quy trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đã được thống nhất giữa chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát và các nhà thầu có liên quan;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu số KLM-THE-RIS-001 ngày 05. /.06./2025;

- Các biên bản nghiệm thu chất lượng vật tư, vật liệu thiết bị có liên quan đến đối tượng nghiệm thu được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm chất lượng vật tư, vật liệu thiết bị có liên quan đến đối tượng nghiệm thu được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng có liên quan đến đối tượng nghiệm thu được thực hiện trong quá trình xây;

- Các biên bản nghiệm thu chạy thử liên động có tải hệ thống;

- Bản vẽ hoàn công;

- Nhật ký thi công xây dựng công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:

+ Quy định quản lý chất lượng xây dựng công trình điện trong Tổng Công ty Điện lực Miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 10738/QĐ-EVN CPC ngày 27/11/2019.

+ Quy định kỹ thuật lưới điện nông thôn QĐKT.LĐNT- 2006 ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương);

+ Quy phạm trang bị điện 11TCN-18 (19,20,21) - 2006 ngày 11/07/2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương);

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 29/2009/TT-BXD ngày 14/8/2009;

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện QCVN QTĐ-7:2009/BCT- Tập 7: Thi công các công trình điện ban hành kèm theo Thông tư số 40/2009/TT-BCT, ngày 31/12/2009 của Bộ Công Thương;

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;

+ QCVN 01:2008/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

+ TCVN 4756:1989 Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện;

+ TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu;

+ Các văn bản khác có liên quan.

**2. Về tiến độ thi công:**

- Ngày khởi công: Ngày 06 tháng 05 năm 2025;

- Ngày hoàn thành: Ngày 31 tháng 05 năm 2025;

**3. Về công suất đưa vào vận hành:**

- Công suất đưa vào vận hành đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ thiết kế và các thay đổi, điều chỉnh đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

**4. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động và an toàn sử dụng:**

- Các biện pháp về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và an ninh trật tự của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư chấp thuận tại Biện pháp kỹ thuật thi công chi tiết;

- Trong suốt quá trình thi công nhà thầu luôn chú trọng đến công tác ATLĐ, VSMT, PCCN & ANTT trên công trường. Đến thời điểm hiện tại nhà thầu chưa để xảy ra trường hợp nào về công tác ATLĐ, VSMT, PCCN & ANTT trên công trường.

**5. Khối lượng:**

- Khối lượng hoàn thành theo hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn công.

**6. Về chất lượng hạng mục công trình xây dựng:**

- Thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và các thay đổi điều chỉnh đã được Chủ đầu tư chấp thuận;

- Chất lượng thi công đảm bảo, tuân thủ theo các quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành và các chỉ dẫn thiết kế liên quan.

**V. Những thay đổi so với hồ sơ thiết kế được duyệt:** Không

**VI. Các ý kiến khác:**

.....

.....

.....

.....

**VII. Kết luận:**

Đồng ý nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng gói thầu: Thi công di dời trạm biến áp T1 1000kVA (Giai đoạn 2), thuộc dự án Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp KIM LONG Motors Huế.

**VIII. Các bên tham gia nghiệm thu:**

**CHỦ ĐẦU TƯ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ

C.T.C.P KIM LONG MOTOR HUẾ
KIM LONG MOTOR HUẾ
M.S.D.N: 3301626861

Trương Đình Trung

**NHÀ THẦU THI CÔNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY

M.S.D.N: 0400490380 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Công Tuấn

CHỈ HUY TRƯỞNG

Lương Quang Vinh

*Biên bản thanh lý hợp đồng công trình 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
----------o0o----------

# BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

*Số: 01/19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH*

- *Căn cứ Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH ký ngày 06/05/2025 giữa Công ty Cổ Phần Kim Long Motor Huế và Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Tuấn Huy về việc:" Thi công di dời Trạm Biến Áp T1 1000KVA (Giai đoạn 2)" thuộc Dự án Khu liên hợp sản xuất, lắp ráp Kim Long Motors Huế;*
- *Căn cứ việc thanh toán thực hiện theo nội dung hợp đồng;*
- *Căn cứ hồ sơ quyết toán giữa hai bên,*

Hôm nay ngày .15.. tháng 07.. năm 2025, chúng tôi gồm có:

**Bên Giao Thầu** : **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LONG MOTOR HUẾ**
Địa chỉ : Đường nối quốc lộ 1A – Cảng Chân Mây, Xã Lộc Tiến, Huyện Phú Lộc, Thành phố Huế, Việt Nam
Mã số thuế : 3301626861
Đại diện bởi : Ông **Trương Đình Trung** Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
(Theo giấy ủy quyền số: 59A/2025/GUQ-CT.HĐQT ngày 21/02/2025)
Sau đây gọi tắt là **Bên A**

**Bên Nhận Thầu :** **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY**
Địa chỉ : 67-69-71 Nguyễn Hàng, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0236.3959797 Fax: 02363959393
Mã số thuế : 0400490380
Đại diện bởi : Ông **Phan Công Tuấn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Tài khoản : 110002940175 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Sông Hàn
Sau đây gọi tắt là **Bên B**

Hai bên thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung cụ thể như sau:

**<u>Điều 1</u> : Nội dung thực hiện hợp đồng Giá trị và khối lượng công việc thực hiện**

1. Tổng giá trị Hợp đồng : 759.130.017 đồng.
2. Giá trị quyết toán : 759.130.017 đồng.

**<u>Điều 2</u> : Thanh toán**

(1) Tổng giá trị hợp đồng và Phụ lục : 759.130.017 đồng.

| | | |
|---|---|---|
| (2) | Tổng giá trị quyết toán | : 759.130.017 đồng. |
| (3) | Giá trị đã được tạm ứng và thanh toán | : 0 đồng. |
| (4) | Giá trị tạm giữ lại theo điều khoản hợp đồng | : 37.956.501 đồng. |
| (5) | Giá trị còn lại đề nghị thanh toán (5)=(2)-(3) | : 759.130.017 đồng. |

*(Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi chín triệu, một trăm ba mươi nghìn, không trăm mười bảy đồng./.)*

**<u>Điều 3</u> : Các điều khoản đang được thực hiện :**

Giá trị tạm giữ lại để bảo hành 5% giá trị Quyết toán hợp đồng, có thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày hai bên kí biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng. Sau khi nhận được chứng thư Bảo lãnh Bảo hành bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B giá trị giữ lại trên.

Kể từ thời điểm Bên A thanh toán số tiền được nêu tại Mục trên cho Bên B (có chứng từ chuyển tiền đến Bên B) thì trừ điều khoản bảo hành còn lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ khác tại Hợp đồng thi công lắp đặt hệ thống cơ điện số 19A/2025/HĐCCLD/KLM-TH ký ngày 06 tháng 05 năm 2025 giữa Hai bên chấm dứt.

**<u>Điều 4</u> : Kết luận**

Việc trao đổi, thỏa thuận các nội dung tại Văn bản này được Hai bên trao đổi trên tinh thần tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Hai bên thừa nhận hiểu toàn bộ nội dung tại biên bản này, và việc chấm dứt Hợp đồng.

Hai bên thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng và Biên bản được lập thành 05 bản, Bên A giữ 3 bản, Bên B giữ 02 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| KIM LONG MOTOR HUẾ | CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TUẤN HUY |
| Trương Đình Trung | TỔNG GIÁM ĐỐC<br>Phan Công Tuấn |